



tuyển tập : những cây bút trẻ
đầy đủ các mục thường xuyên



SỐ 164

đi giữa mưa thu

**tập san VĂN
số 164**

những cây bút trẻ



Paris * 12-2025

Bìa : "Nửa khi và"
Tranh : Hồ Đắc Ngọc
Nguồn : Thư Ấn quán

tập san VĂN
số 164

những cây bút trẻ

Tập san Văn * Năm thứ bảy
Số 164 ra ngày 15-10-1970

Tập san Văn học Nghệ thuật

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Năm thứ bảy / số 164 /

Ngày 15-10-1970



Tuyển tập : những cây bút trẻ

đi giữa mưa thu

đọc trong số này :

- | | |
|-----------------------------|-----------|
| 1. Lê Văn Thiện | 13 |
| Kêu ai, truyện | |
| 2. Đặng Tấn Tới | 32 |
| Đời lạnh bạc, thơ | |
| 3. Kinh Dương Vương | 34 |
| Tân dã thú, tùy bút | |
| 4. Nguyễn Đường Thai | 45 |
| Trong cơn sốt màu vàng, thơ | |

- | | |
|--|------------|
| 5. Nguyễn Lệ Uyên
Ô cửa, truyện | 49 |
| 6. Hoàng Ngọc Châu
Đi giữa mưa thu, thơ | 102 |
| 7. Hồ Minh Dũng
Xa là nóm ruột, truyện | 104 |
| 8. Lộc Vũ
Thiên Di, thơ | 132 |
| 9. Mường Mán
Về giữa mùa hè, truyện | 135 |
| 10. Hoài Tuyết Trang
Đi giữa hoang đường, thơ | 175 |
| 11. Phạm Ngọc Lư
Nước xoáy, truyện | 178 |
| 12. Nguyễn Lương Vy
Nửa đêm thức dậy nhìn mây trắng,
thơ ; Nguyễn Văn Ngọc, Những ngày
mưa Đà Lạt, thơ | 209 |

13. Lê Miên Tường **211**

Nhà trống, truyện

14. Phạm Thanh Chương **242**

Màu áo người tình, truyện

15. Nguyễn Đình Toàn **265**

Tro than, truyện dài (tiếp theo)

16. Tòa soạn VĂN **282**

Giải đáp thắc mắc

17. Thư Trung **289**

và các bạn – Tin văn văn

BÌA : “NỬA KHI VÀ” – TRANH : HỒ
ĐẮC NGỌC



Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

* Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. Đ.T. : 23.595

* Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963.

Ngay từ ngài bìa, bạn đọc đã thấy rõ đây là một tuyển tập dành riêng cho những cây bút trẻ. Người vẽ tranh bìa không phải là một họa sĩ thời danh, nhưng — chúng tôi nghĩ thế — tranh Hồ Đắc Ngọc có được nhiều nét hứa hẹn những chặng đường dài mà anh sẽ có thể đi tới, trong tương lai.

Luôn luôn mở rộng vòng tay đón nhận những người bạn mới, chúng tôi hy vọng là trong tương lai gần gũi, những tuyển tập được dành cho các bạn trẻ sẽ còn xuất hiện nhiều hơn trước, với thêm nhiều bút hiệu chưa từng đến với VĂN, hoặc chưa từng xuất hiện trên báo chương.

Một tuyển tập đang được hình thành và chúng tôi rất mong mỗi sẽ được đón nhận nhiều sự góp phần của quý bạn, đó là tuyển tập “**Tiếng hát lên Trời**”, đặc biệt của Mùa Giáng sinh 1970. Thiết nghĩ cũng không là thừa nếu chúng tôi mạn phép thừa cùng quý bạn : sáng tác cho số đặc biệt Mùa Giáng Sinh không nhất thiết phải có liên hệ xa gần tới Ki-tô-giáo, mà chỉ cần nói lên cái tinh thần Giáng Sinh — tinh thần Hòa bình, tinh thần yêu thương nhân loại...



Lê Văn Thiện

Kêu ai

Tấm giấy mỏng in chữ mờ trông chẳng có một chút giá trị, nhưng ta đã ký vào đó chữ ký sáu nét đẹp mắt, nhận rằng vừa vui lòng moi ra ba mươi bốn ngàn, để chỉ mua tấm giấy - ông Tám Hoàn nghĩ, buồn. Dư biết nay giá hót một cái tóc một trăm, tiền xuống giá ghê gớm, nhưng bỏ đi hơn ba chục ngàn đồng mau lẹ thế này không thể kìm giữ cho lòng đừng tiếc. Đây là giấy chứng nhận, gốc tích của nó là những

“phiếu kháng chiến” ngày trước, dân quê nhiều người đã được dịp mua thứ phiếu này. Toán cán bộ miệng lưỡi ngày đó đã bảo quốc dân giữ lấy phiếu, sau cách mệnh thành công thì những gói giấy sẽ biến ngay thành gói tiền. Trước đóng góp giúp kháng chiến, sau như là để dành. Lâu nay ông Tám cũng chẳng nhớ mình đã nhận từ tay giáo Vân bao nhiêu “tờ chứng nhận”, vì hễ Vân quay mình khỏi ngõ là ông vội đem thả lò đốt. Nghĩ đùa, biết chừng nào thứ cách mệnh này mới chường mặt về đây. Chữ ký của giáo Vân có giá trị gì chẳng, muốn ký lúc nào chẳng được. Trong cuốn học bạ của thằng Trang, giáo Vân ký trong cột dành cho giáo sư sử địa năm thật khiêm nhường, đâu thấy vẻ ngạo nghễ như cái chữ năm cuối tờ chứng đã trao tiền.

Ông Tám thường thấy bà Tám tùy tâm giúp chùa này một ít, hội nọ một ít, để đúc tượng, xây trường sở. Vừa rồi giáo Vân nói hai tiếng “tùy tâm” làm ông muốn cười, dù đang rầu. Lần này không phải tiền hai tháng góp một lần, thường lệ. Hình như một chiến dịch gì đó đã mở ngoài miền quê, trên rừng cao, đã “thắng lợi lớn”, “dân quân hết lòng nô nức”, chỉ còn một điều mọi người nên làm, có thể làm là đóng tiền “để bộ đội tùy nghi dùng chứng tỏ chúng ta luôn quay đầu hướng nhìn tiền tuyến”. Giáo Vân nói thông nói mau, mặt mũi lộ vẻ hớn hở như cái bộ đội, anh nói đó đang nằm sau bến xe hay tại sân vận động. Quay nhìn về tiền tuyến ! Lúc nào nói tới tiền tuyến là thấy hao của, hao sức. Thắng Trang đang có mặt ở tiền tuyến, tháng nào nó cũng gửi thư về nạo tiền. Thư mới

nhất chạy về hôm thứ tư nó kêu om đang đói lại mất đồng hồ, cần ít ra cũng hăm lăm ghim¹, “trông thư cha từng phút”. Vân nói :

– Thầy tùy tâm, mấy cũng xong mà, ai bắt ép chi đâu... hà. Chiến dịch tiến triển tốt lắm, thầy. Ta, mọi người phải tỏ rằng, vâng, luôn luôn...

Dưới nhà máy ông khách cười to. Quạt trần xoay chành chạch buồn nản. Vân cuốn cong tập báo trong tay. Các tập báo này, như các phiếu nhận tiền, chỉ đem đến cho ông Tám nhiều lo buồn. Vân vẫn thường biếu “thầy Hoàn”, tập báo, tài liệu, đọc nó sẽ rút ra được nhiều bổ ích.

– Sao thầy cứ chịu để thằng Trang trong ấy, nó về đây ai dám động nó, thầy dư dả lo chuyện gì chẳng xong,

¹ lổi nói tắt thời VNCH - một ghim = 1.000 đồng.

tiền mà. Đi mãi như vậy, chống nhân dân...

– Tôi, tôi nói nó đâu nghe cho. Hồi đăng lính nó mạo chữ ký tôi... nó lại cho tiền lũ ở xã, giấy nào cũng xong trót, kể gì cái giấy vụn cha mẹ thuận cho con vô lính.

– Thầy, tức quá...

Vân có nhiều chuyện để nói, chuyện nào nghe cũng mạnh và ngọt. Năm trước trông anh ngù ngờ ít nói, ai ngờ. Bao giờ cũng thế, lúc mới tới, chào hỏi, uống ly nước, rồi anh ta nói chuyện gần, nhỏ, nội bộ, như tại sao lại lấy tên tiệm hớt tóc là Mỹ Tiến. Còn hàng vạn tên khác, đẹp gấp trăm lần hơn, như Bích Đào, Tiến Dũng, Túy Hằng hay là Tiệp Tiến, Nga Tiến. Nga lại không tiến nhanh hay sao, đâu phải chỉ Mỹ mới biết tiến. Lại

còn cái tiêm sắt “Mỹ Tiến mãi” nữa, sao không đặt là Mỹ Tiến đệ nhị, Mỹ Tiến số hai La mã. “Thầy... có nhiều cái không chinh dù nhỏ”. Sau, chuyển lần sang việc chính, đóng tiền, tin thể giới xã hội.

– Cụ Quảng Dân nghe lọt tin thắng đồn dập của ta trong chiến dịch đầu hè này cụ mừng lắm. Ngoài việc góp phần cho chiến dịch như mọi nhà, cụ còn xung phong đỡ đầu một thôn miền Trung, hứa sẵn lòng giúp thôn này máy móc, đồ đạc, thuốc men...

Vân sung sướng:

– May mà có tôi nói ông cụ mới biết đó chứ. Suốt ngày cứ hì hục làm việc, hàng này chạy sang hàng khác, nào chịu bỏ thì giờ nghe ngóng tìm hiểu chi đâu... nói đại, bộ đội ta vào sát bên lưng, dân chúng mít tinh liên

hoan ngợp trời, có khi cụ cũng chưa biết. Nhưng, cũng được, tích cực vậy cũng khá rồi.

Thầy Tám thường nghe Vân khen ngợi ông Quảng Dân. Không hiểu trong phố này ngoài ông và bên Quảng Dân ra, giáo Vân còn bắt mối với ai nữa. Nhà Quảng Dân hăng hái cũng phải. Và, chỉ phải chịu khổ với một giáo Vân, chớ có đến bảy giáo Vân họ cũng thừa hăng hái. Tiền của ấy đem buông sông suốt buổi không hết. Miễn làm sao nhà cửa nguyên vẹn, con cái đừng bị khó dễ. Các tiệc tùng đãi đằng, này nọ, thuế khóa, cộng với vụ giáo Vân chỉ tốn hao nhiều lo nghĩ, thì giờ hơn là bạc tiền. Thì giờ sinh ra tiền. Tiền dần trải được nhiều chuyện. Thằng con Quảng Dân coi một quận trên cao nguyên, nó chức tước địa vị mà vẫn

bám vào túi của cha như hồi còn đi học, nhưng nó làm ông Quảng Dân hãnh diện.

– Tôi có đề nghị cụ Quảng đổi Quảng Dân, ra thành Quân Dân, nghe mạnh, thầy nhỉ ? Quảng Dân, Quân Dân, coi Tầu quá !

Ông Tám đồng ý :

– Hay đổi thành Thương Dân cũng được. Nhà hàng Quân Dân, tiệm trữ Âu được Quân Dân, còn nhà ngủ thì nhà ngủ Thương Dân... đẹp biết mấy.

Ông Quảng Dân chỉ còn ở nhà một đứa con gái, vừa coi tiệm ăn vừa coi nhà thuốc. Công việc hàng núi, bề bộn, chắc không còn giờ để nghĩ đến chuyện mỹ thuật này. Mấy mươi năm hình như chưa ai thấy ông Quảng Dân ngồi nguyên hai giờ liền trên một cái ghế. Ông lẳng xẵng,

nôn nóng, bước ra bước vào, chạy đây chạy đó. Nhờ lảng xảng vậy mỗi ngày ông mỗi giàu dữ.

Anh thợ chạy lên lấy tiền lẻ. Anh nói hôm nay lính về, đông quá, còn năm người ngồi đợi, “mọi bữa thì mình ngồi đợi khách mỗi cả lưng, ngoáy tai chơi muốn chảy máu !” Ông Tám muốn chạy xuống làm vài cái đầu, giúp họ, nhưng vẫn chưa thấy khách quý nhích lưng. Ngồi im lặng Vân lấy trở lại cái dáng ngờ nghệch thường thấy của anh ta. Vân nói xưa anh có học “thầy Hoàn” mấy tháng, còn nhớ bộ dạy giọng nói của thầy đến giờ. Ông Tám cảm ơn, thực tình ông không nhớ, lâu quá rồi, đã biết bao nhiêu học trò qua đi trong các lớp học ông đứng liền hai mươi năm dài.

– Năm ngoái tôi có nói với Trang

ngày trước tôi học thầy... không nói nhưng tôi để ý giúp Trang, ngắt cái Trang nhất quá.

– Tôi biết, nó làm biếng nổi tiếng. Chỉ mấy cái quán nước dưới bờ biển là khen nó.

– Đặc tính thầy là cho 19, 20 điểm nếu đúng, còn sai thì không điểm, chớ không có ba điểm rưỡi bốn điểm an ủi, tôi nhớ... thầy thường nói học hành chớ đâu phải ở chợ mua bán, kỳ kèo.

Ông Tám cười, chịu anh chàng nhớ dai, đúng anh chàng có học mình.

– Đi dạy tôi theo điều này của thầy. À... có lần thầy cho tôi không điểm vì sai bốn lỗi chính tả trong bài toán, tôi gần muốn khóc thầy mới sửa lại.

– Đúng rồi... đúng, tôi ghét những anh cầu thả. Ngày đó, tôi cho không cần thận như vậy là vô lễ, là tập tính hư cho mình. Viết đúng chính tả tốt lắm chớ.

Ông Tám lại cười, vui vui, Vân cũng cười. Một đoàn xe nhà binh chạy rề tới, rồi đậu lại. Chiếc đầu qua khỏi quán ông Tám năm căn nhà, chiếc chót năm đặng cuối đường. Xe lớn chở thùng cây, thùng hộp, bao gai, bàn tử, và lính. Xe dừng chắn ngang cửa Mỹ Tiến chở gỗ, những cây gỗ đẹp lớn bó từng kiện, vừa như gỗ cột nhà vừa như gỗ làm cầu. Tốp lính ngồi nghe ngửi trên cao tụt xuống, cởi áo giũ bụi, rút vào quán, vài người tới nhìn các ảnh ca sĩ, mấy người khác mượn sắt ngoáy tai, và mở dao tọt cạo mặt, khen, cười, bình phẩm rùm nhà. Lính các xe khác túa

lại bu kín hai xe trái cây xay, ngoài nhìn vào không thấy được các cô đứng bán, chỉ thấy mấy đầu tóc và nghe tiếng cười tiếng phân bua của các cô. Giáo Vân nhăn :

– Ổn quá. Sao mà bọn họ tới đâu là... làm như...

Rồi anh mở cuốn báo chỉ cho ông Tám mấy bài đáng đọc, đặc sắc, “nói lên được một phần công cuộc chiến đấu thần thánh đang tiếp diễn và tinh thần dũng mãnh của bộ đội”. Thầy Hoàn nhìn trang báo và thấy cái rộn rịp của cửa quán bên dưới, thấy tờ bạc trắng của người lính móc ra trao cho anh thợ nhà. Anh trời ơi này ngồi lâu quá, hay còn muốn bày thêm việc gì.

– Cụ Quảng Dân góp bốn hai nghìn đó thầy. Cụ rộng rãi.

Biết rồi, lúc nãy ông đã nói rồi, khi nào cụ Quảng cũng rộng rãi – ông Tám bực bội.

– ... người bụng dạ cởi mở vậy hèn chi làm ăn cứ phát luôn, về già càng giàu lớn. Không biết phải gọi cụ là gì, vượt triệu phú, tỉ phú, ngon hơn các tỉ phú của nước này.

– Tỉ tỉ tỉ phú – bỗng dưng ông Tám lại khôi hài,

Nhận xét thế nào mà giáo Vân bảo ông Quảng Dân mát tay. Ông Tám kỳ nào cũng cho tiền góp thêm lên, đầu hai mươi ngàn, rồi hăm lăm ngàn, sau nữa đến ba mươi chẵn, và kỳ đặc biệt này đã lên quá. Giáo Vân đến ngồi lâu, chuyện vẫn càng dài thì ông móc tiền càng mạnh tay. Y ngồi mãi ông nhấp nhồm, trong lòng chẳng yên. Ngày đầu tới đây thuyết phục,

Vân đưa ra tờ biên nhận về phần ông Quảng Dân làm bằng, để thầy Tám yên tâm, noi gương. “Cả phố này ai cũng đã hưởng ứng, hoan nghênh quân dân đấu tranh, thấy khỏi ngại. Thầy nên lấy làm buồn là thầy đã không được vinh hạnh làm một trong các nhà đứng lên đầu tiên, vì tôi biết, tính thầy thận trọng”. Anh ta làm bộ thấp giọng : “Ta thắng đến nơi, nói theo kiểu dí dỏm : ta đã thắng đến đít rồi. Mở mắt lúc này còn là chậm... từ từ, tôi sẽ giải thích thầy rõ !” Ông Tám đã quên mất cái mặt rầu rầu, cái lưng hơi khom của thầy giáo Vân thường ngày vẫn ngồi trên xích lô đạp chạy chậm qua trước quán trên đường đến trường. Giờ anh ta có vẻ lạ, miệng mồm, da bớt xanh đi, sao sao ấy. Anh đưa cả bàn tay chỉ ông Tám thấy số tiền cụ Quảng vừa “rất vui mà đóng”, cùng cái chữ ký dài cụ

đã “vui mà ký xuống”. Sáu mươi bốn ngàn, năm trăm lẻ. Nay ông cụ chỉ đưa trên bốn chục, vậy chỉ có ít đi, rộng tốt chỗ nào.

Vân đứng lên, tưởng muốn bước, lại ngồi xuống. Anh ta đẩy tập báo về trước :

– Thầy giữ, đôi tháng mới lãnh được vài tập, phương tiện eo hẹp... mình nên thông cảm với Mặt trận.

Vân đứng lên, quay ra. Ông Tám đứng theo, vỗ lưng mình hai cái, cảm thấy dễ chịu. Ông bắt tay khách hơi chặt. Vân tươi tỉnh nói câu chào, hẹn lại gặp, “thầy đã giúp tôi hoàn thành công tác”. Anh ta mạnh dạn bước xuống lầu. Nhưng thầy Tám Hoàn vừa đem tập báo bỏ vô tủ chưa kịp khóa thì đã nghe nhiều tiếng nói lớn, như có cả tiếng la, như đánh phá

dưới đường. Ông chạy xuống thấy lính, và thường dân, nhiều đàn bà, bu quanh chiếc xe Zíp. Giáo Vân nằm ngửa, sát bánh xe sau, chiếc găng máy móp nhiều chỗ. Anh giáo bị chiếc Zíp kê, làm anh té. Đám đông nói inh về lỗi do bên này, lỗi do bên kia. Một anh lính giả nói đót chộc chị đàn bà đang lớn tiếng bênh nạn nhân. Nạn nhân chẳng hề gì, nằm mở mắt, nói được. Một bà già nhanh nhẩu bỏ rổ, ngồi xuống, mở khuy áo, dây nịt cho ông giáo. Đồ bung ra, một cuốn sách trước bụng anh ta rớt xuống đường, anh lính đứng gần cúi lượm. Đó là tập báo, tài liệu, như tập ông Tám Hoàn vừa được tặng. Anh lính nhìn hoài cái bìa báo, rồi bỗng đọc to lên. Đám người bốc ồn thêm, ùn ùn bám theo anh lính cầm báo, có người đập cả lên chân kẻ té xe.

Hôm sau trong phố ai cũng hay vừa có vụ lương gặt lớn bị bể xảy ra ở đây. Báo thủ đô tường thuật lại rất nhiều chi tiết, ly kỳ, đầy đủ, rõ ràng hơn ai hết. Họ bảo giáo sư Vân dạy trường trung học tỉnh là anh bộm, bịp tài tình, mánh khéo đầy bụng, công nhiên hành nghề từ hai năm nay chẳng ai biết. Anh ta kiếm ở đâu đó những tài liệu cũ của quân đối nghịch chính phủ, đem về dọa, làm tiền hầu hết những tay có máu mặt trong vùng. Tội nghiệp hơn hết, trong số nạn nhân có cả ông anh trai của quan tỉnh. Tờ Đại diện Phụ nữ còn kể : “Giáo sư Lý Phi Sơn Vân nay băm chín tuổi, vợ bốn con. Trước khi vụ này nổ ra giáo sư Vân trông cũng như bao giáo sư khác, ông làm việc tận tâm, đều đặn, không thấy triệu

chứng nào tỏ rằng trong người ông chất chứa cả một trời bí mật, ghê gớm. Bốn báo phái viên đã có mặt tại nhà riêng giáo sư, số 90 Lê Đại Hành, xin được tiếp chuyện bà Vân. Theo sự dò hỏi...” cạnh đó là hình bà Vân ẵm đứa con nhỏ nhất mới chín tháng. Và, họ bảo, vua bịp Vân chưa hề giữ trong tay khẩu súng nào, vua có sáu cô vợ nhỏ, mỗi cô ở một nhà riêng khá lớn. Câu kết của tờ báo đông khách nhất là : “Chính trời xanh oái oăm vừa chấm dứt cuộc sống của một tiểu vương” kèm sau một dấu chấm than.

LÊ VĂN THIỆN

(Mộc Hóa – Châu Đốc, 70)

Nếu bạn ưa thích truyện trên đây và nếu bạn muốn đọc những sáng tác chọn lọc khác của cùng tác giả, hãy tìm đọc :

MỘT CÁCH BUỒN PHIÊN

(tập truyện)

Bạn có thể gửi 80 đồng, bưu phiếu hoặc tem thư gửi theo lối bảo đảm, về ông Nguyễn Đình Vượng, số 38 đường Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn, kèm theo tên họ và địa chỉ rõ ràng. Sách sẽ được gửi bảo đảm tới bạn ngay.

Đặng Tấn Tới

Đời lạnh bạc

Trăng lạnh bạc.

*Ôi trăng cô lâu trăng cô sầu trăng
nhỏ máu !*

Đêm nay không người tìm lại.

Uống rượu say sao không đủ ấm ?

Uống rượu say sưa sao còn sầu ?

Không thấy đâu.

Không thấy đâu.

Ở nơi đâu ?

*Không biết đời xanh hay sao mà
xa nhau.*

Có ai nắm tay cùng ta mà đi.

*Vỡ đá mà hát trách chi đời không
vui,*

Một bông nở đêm nay.

Lòng ta chưa bằng một bông.

Kinh Dương Vương

Tân dã thú

Cuộc du ngoạn kỳ thú. mỗi bước chân qua quá khứ bị quên lãng. Tôi lướt đi nhẹ nhàng, êm ru như một làn hơi. Vượt khỏi quăng giao thoa giữa đêm và ngày tôi lạc vào một miền đất lạ và liền bị một sức quyến rũ thu hút. Cảnh vật được cấu tạo bằng ánh sáng lọc. Mặt đất lót sương, là cảnh lung linh màu bạc chan hòa nguồn sáng êm dịu. Gió khua những lá cây phát ra âm thanh thánh thót như tiếng nước giọt rơi

xuống mặt hồ im trong thạch động, xôn xao giọng cười bất tuyệt. Tôi bị mê hoặc để mặc thân xác lững lờ trôi tới dừng lại trên một ghềnh đá mơ hồ nhô ra từ cõi bờ vô định hút mất trong màn sương lam.

Đột nhiên, phong cảnh ánh sáng lùi xa, mờ dần trong tiềm thức. Tôi lơ trôi giữa cõi xa lạ bao la dưới chân là vực thẳm.

Người đàn bà quần áo đen tuyền ngồi im lặng bên tôi. Trước mặt bày những thức ăn đạm bạc trong chén đĩa sành. Bà luôn luôn cúi nhìn xuống. Nếu đôi mắt mờ sương không động nước long lanh và không có những chớp mắt, sự bất động tuyệt đối khiến tôi tưởng bà là một tượng đá buồn rầu.

Vực thẳm là sa mạc. Một sa mạc

hoang vu ánh sáng vỡ chói chang
ngọt ngọt.

Bà chỉ xuống vực thăm nơi con
gái bà đang nằm phơi thân trên mặt
cát bỏng chịu một cuộc thọ hình oan
nghịch.

Tôi nhìn xuống vực thăm. Người
con gái khỏa thân trải mình cô đơn
đang triền miên trong cơn mê sáng.
Hình ảnh nàng thoát gần gũi thoát
xa cách như ảo giác phỉnh phờ.

Tấm thân thể đương xuân da cũng
trắng muốt mịn màng. Làn tóc mượt
đen thăm thẳm đêm nhung xõa tung
trên cát vàng. Mớ tóc ướp hương
nồng nàn hương ngọc lan trong đêm
thâu vương vất vườn cây im quanh
tòa lâu đài cổ.

Nàng nằm bất động như một xác
chết da thịt còn tươi mát. Khuôn mặt

trái xoan lãng đãng trên nền tóc, tỏa làn sáng hồng trong dịu ngọt của gái trinh.

Gương mặt bị cấu nát. Đôi mắt mù lòa.

Gương mặt nàng chỉ là một vết thương nhầy nhựa máu tươi. Vết thương chạy dài qua vùng ngực bằng tuyết xuống đến tận hạ bộ lở lói, rách nát như vết cào cấu của nanh vuốt dã thú. Máu thấm ướt đẫm những mẩu thịt vụn. Vết thương nứt nở, đỏ tươi như một đóa hoa kinh dị mãi khai.

Cánh tay lành no tròn, bàn tay che đôi ngực. Những ngón thon búp măng trong suốt màu nhộng tằm chín những ngón tay trắng muốt ngọc thạch.

Người đàn bà quay mặt đi giấu xuống vai co.

– Ông chờ xem. Hình phạt sắp tái diễn.

Bà nói, toàn thân run rẩy.

Người con gái đưa cánh tay cụt lên để vào vết thương trên bụng nàng. Từ chỗ cụt đỏ lôm mầu thịt nhầy thấm máu nhúc nhích. Những chiếc răng trắng nhọn nhe ra, ngoạm lấy khoảng thịt vết thương. Máu tươi nhuộm đỏ các kẽ răng. Nàng rút mạnh cánh tay, chiếc miệng nhỏ mang theo một mẩu thịt đỏ máu, nuốt trửng. Một lúc, nàng lại để cánh tay có chiếc miệng răng nhọn vào vết thương. Cảnh đó lặp lại nhiều lần. Vết thương hõm xuống một lỗ thịt sâu hoắm đọng máu. Nàng uốn mình quằn quại.

– Ông đã trông thấy cảnh tượng dị thường. Con tôi phải nuôi một

giống thú ăn thịt người, Ông đã trông thấy con thú ăn thịt sống đó : những chiếc răng nhọn mọc ở đầu cánh tay cụt. Đó là hình phạt khủng khiếp của Phù-Thủy-Khổng Lồ. Con tôi phải nuôi con thú quái gở sinh ra từ thân thể mình bằng chính máu thịt mình.

Tôi cầu mong cho con tôi chết đi, nhưng đã bao năm qua rồi, nó vẫn sống trong quần quai đau thương của hình phạt. Phù-Thủy-Khổng-Lồ không bao giờ để con tôi chết cả. Phần thịt mất đi sẽ được nẩy sinh trở lại, nhưng vết thương thì không bao giờ lành, Nó không thu nhận những thức ăn đen bạc này. Mỗi ngày Phù-Thủy-Khổng-Lồ mớm cho con tôi những thức ăn lạ. Nó đã được tập thành thói quen với lối nuôi dưỡng đó và cam chịu nhục hình không than thở.

– Phù-Thủy-Khổng-Lồ có hứa bao

giờ thì hình phạt chấm dứt không.
Tôi hỏi.

– Sao ông tại có thể nghĩ đến điều đó ? Ông cho rằng người khác có thể ban phát tình thương vô vị lợi cho ta sao ? Nếu con tôi không chịu khôi phục thứ nghị lực kiêu hùng của tổ tiên tiếm tàng trong huyết mạch nó thì còn mong gì có sự giúp đỡ của ai khác, ngay như chính tôi đây là mẹ. Ông cha nó là những người đã tạo dựng Quê-Hương-Ánh-Sáng. Ông có trông thấy không? Thế mà nó đành chịu đày đoạ xuống vực thẳm sa mạc, quên rằng mình có có một truyền thống bất khuất của những tiền nhân đã xây dựng nên một quê hương gấm vóc. Nó không khứng kết hôn với Phù-Thủy-Khổng Lò, nhưng nó tỏ ra bất lực và a tòng với hình phạt và nhận sự dưỡng nuôi của lão.

Những giọt nước mắt lặng lẽ len ra khỏi hai khoé mắt đỏ biến thành những trân châu lăn xuống trên má nhẵn của người mẹ. Những hạt trân châu long lanh, một cơn gió lạ lạnh buốt thổi tới làm tan thành muội đen.

Bà vất những cọng rau khoai luộc tươi non xuống cho con một cách vô vọng. Bát mắm kho nguội lạnh vẫn còn đây. Những cọng rau cháy khô sự vô tâm của nàng.

– Những thức ăn này sẽ khôi phục lại sức khoẻ, ý chí con tôi. Giọng bà tràn đầy kiêu hãnh và tin tưởng – Ông cha nó đã nhờ vào đó đã có một sức mạnh và nghị lực kiên cường để tạo dựng nên Quê-Hương-Ánh Sáng. Nó cũng đã được dưỡng nuôi lớn lên bằng những thức ăn này. Bây giờ nó không chịu ăn nữa. Nó chờ đợi Phù-

Thủy-Khổng-Lồ mớm cho những thức ăn nhạt nhẽo vô vị.

– Bà có bao giờ trông thấy Phù-Thủy-Khổng Lồ không ?

– Ông sẽ bị lão ta quyến rũ và sa ngã không chừng. Lão rất khôn ngoan. Lão che đậy tất cả âm mưu nham hiểm dưới một bộ mặt nhân từ, bằng những từ ngữ sáng chói lòng nhân đạo và bác ái. Theo lão, con tôi không bao giờ bị hình phạt. Đó chỉ là sự đáp lại một lời yêu cầu. Lão luôn luôn nói rằng, sẵn sàng để cho con tôi trở lại đời sống lành mạnh trước đây, nhưng chính nó đã chọn phần số như vậy.

Bà ta giấu mặt đi. Tôi nhìn xuống vực thẳm. Người con gái đang đưa cánh tay cụt để vào vết thương.

Những chiếc răng trắng nhọn cắn sâu vào lớp thịt đỏ hồng.

Một cảm giác kinh tởm tốt độ làm tôi lợm giọng.

Tôi nôn ra một trái tim thối trộn lẫn với mật đắng.

Phù-Thủy-Khổng-Lồ hiện ra to lớn đẹp đẽ trước mặt tôi, che lấp mất Quê-Hương-Ánh-Sáng. Tôi hốt hoảng, lao mình tới đâm sầm vào người lão, chạy về phía Quê-Hương-Ánh-Sáng. Nhưng tôi sa chân vào một khoảng bóng tối mênh mông ghê rợn, mặt đất nhão lạnh cảm gió hú. Hình ảnh u sầu của người mẹ biến mất. Tôi chạy điên cuồng miên man trong cõi đêm. Tiếng khóc thống khổ của người mẹ âm vang rền rền vọng qua suốt các tầng trời. Vực thăm sa mạc đeo dính theo dưới hai bàn chân

tôi. Người con gái đang kề miệng con
thú tự thân vào chiếc vú thanh tân
nỗn nà.

KINH DƯƠNG VƯƠNG

(8-1970)

SÁNG TẠO đã phát hành :

THẦN THOẠI VIỆT NAM VÀ TRUNG HOA

Quyển 3b (quyển thứ tư) trong
toàn bộ Tuyển tập Văn chương Nhi
đồng do DOÃN QUỐC SỸ sưu tập và
dịch thuật.

Nguyễn Đường Thai

Trong cơn sốt màu vàng

Cho vàng trắng đã khuất.

*Từ thuở nhìn trắng khoác dáng
thu*

*Tình mang lên đỉnh sóng sương
mù*

*Đêm nghe trái đất tan thành mộng
Hồn đã nhập vào mỗi ánh tơ*

Từ thuở yêu trăng mây chọt sầu
Đời buồn trao cánh gió đêm sầu
Đêm nao chết giữa lòng trăng lạnh
Nguyệt tỏ không chữa một nỗi đau

Chiều giữa rừng mai có một mình
Rưng rưng từng giọt nắng kỷ ninh
Quê em vàng vọt trong cơn sốt
Lòng biển quặn từng đợt sóng
xanh

Trở về đường cũ ta buồn lắm
Hết những ngày mùa rậm tiếng
chim

*Xin những mùa xuân qua trên phố
Đừng rải cúc vàng trong mắt diên*

*Chiều cúi đầu qua mấy phố buồn
Nắng lịm trên từng phiến gạch
vuông*

*Cây cao lá rủ nghìn tâm sự
Gió vẫn nô đùa không xót thương*

*Đến với em mưa đã ngập trời
Em còn đùa cả với tình tôi
Mỗi khi mưa gọi em vào nhớ
Đắng khắp hồn ta một nụ cười
Em thấy gì không hỏi nguyệt vàng*

*Một dòng sông trắng hận mệnh
mang*

Mai đây trái đất tan thành rượu

Chưa đủ tiêu sầu một kiếp hoang.

NGUYỄN ĐƯỜNG THAI

(18-9-1970)

Nguyễn Lệ Uyên

Ô cửa

Đêm nay cuộc trò đã kéo dài một cách quá lố, tạo sự cách biệt khó thở. Bọn người lạ mặt lúc càng đông mà Nhưõng thì như con thú lạc loài. Đã mấy lần Nhưõng đứng dậy toan bỏ về nhưng Kiên cố níu kéo như thể đây là một ngày quan trọng nhất trong đời một kẻ đi xa trở về. Đối với Nhưõng, khi những khuôn mặt còn hồng thắm tuổi nhỏ thì cứ giữ nguyên vị trí đó, đừng nghĩ chi đến những điều lạt lẽo cố làm ra vẻ

quan trọng khác thường. Như đêm nay, những bàn tay thân thiện siết thật chặt mỗi thù lúc càng cao. Trong một khoảng thật xa, họ có bao giờ nghĩ đến những thân hình gầy nhom đang lầm lũi bước trên những bờ cỏ cao, cố xé bóng đêm để hy vọng có thể tìm thấy một ngọn lửa thật nhỏ reo ấm trong lòng hoặc một tiếng hát dìu dịu nồng nàn. Tự dưng Nhưỡng nghĩ đến những tấm vé máy bay họ thủ chặt khừ trong tay, xuýt xoa han hỏi có vẻ gì chặt chiu nhỏ mọn mà ngay chính Kiên khi đến gần đã là một báo hiệu cho sự a tòng khúm núm trong vẻ thích thú được nhìn mặt lẫn nhau thật kỹ. Có phải Kiên muốn ngày trở lại an toàn, nhanh chóng hay đám đông đang nghĩ đến một sự may mắn nào rất có thể đến với nỗi lo sợ khôn nguôi. Bởi khi về họ đã lỡ khoe khoang, cho nên lúc

đi phải thủ đúng vai tuồng đó. Cánh công vẫn kín khe. Những tên hề đồng mang râu chạy loanh quanh gốc cây chết, im lặng. Tấn tuồng không đầu, không đuôi, diễn hoài không dứt. Tự thâm tâm, dù thật tình Nhưõng không muốn nghe thấy, nhưng vẫn rõ những dáng thú lom khom quanh ngôi đèn cổ chạm đôi rồng vàng, mà ở đó người ta đồn đãi có thực nhiều của quý. Bọn họ cứ quanh quẩn rình nhau, vô tình không để ý đến những chiếc lá úa vàng bên ngoài đang chấp chới, đu đưa, chỉ một cơn gió nhẹ thoáng qua cũng đủ xoắn sâu vào cát bụi. Có lẽ những đốm sáng đã che mù tầm mắt họ muôn đời, phá vỡ những khung cửa kính giam kín cuộc sống long dong, nên không còn biết đến bất cứ ai. Bọn họ cứ chạy miết, cho đến khi tiếng thét cuối cùng bắt đầu lút sâu, từ từ trong đêm lạnh. Có một

ai ngờ được những hành động đó, những lời nói mang vẻ kẻ chợ nhiều hơn bất cứ một tiếng than thở nào, dù thực bụng hoặc giả vờ.

Đêm càng buông sâu, Những càng quay quắt hơn giữa những chai rượu vang mùi. Những không bị chìm trong nổi thềm thường bay nháy, và con người thật của Những đã không hiện nguyên hình bên đôi nạng gỗ của Lai. Một lần vẫy vùng ngợp thở. Một lần thoi thóp bên thềm, lòng tan hoang nhưng mắt ráo hoảnh. Những Thanh, những Đức, những lũ người của lão già tàn tật, đã thấm mệt chưa sau cuộc đuổi bắt ồn ào ? Những lầm lẫn có ủa theo sau những cỗ xe chở đầy ắp những giỏ cá từ bên kia vịnh đổ về. Những hối tiếc về những cử chỉ quá vội vã của mình. Nếu trước đó, chỉ cần một

cái lắc đầu thật nhẹ nhàng, một cái khoa tay từ tốn thì giờ Nhưỡng đã không phải nghe mòn những giọng nói ồ ề, những cặp mắt bắt đầu đỏ lửa ngằm chứa những toan tính tệ hại. Nhưỡng chỉ tội nghiệp cho những kẻ khốn khó đang chập choạng trên lưng con ngựa hoang soải cẳng về rừng, bỏ quên những khúc nhạc tình xa gần, trôi nổi.

Đêm đi quá sâu, chung quanh những kẻ lạc loài không bớt, lại đông hơn bao giờ. Họ quờ quạng, xô đẩy đứng bao quanh cỗ xe rác mệt đừ. Những lon ống và ruồi nhặng, thứ nào cũng lấp đầy cuộc sống giúp cho lũ người bận rộn, ít ra như lúc này. Hồn Nhưỡng bị đùa theo tiếng động mạnh trong căn nhà cổ chật chội, che khuất. Nhưỡng bị đưa xa đôi nạm gỗ của Lai, tách rời bàn tay Phương

đang bầu vú lên bờ tường trắng. Có Phương, Lai càng là một nỗi chết ngất ngư giữa đỉnh trời tưởng nhớ. Những ngọn cây che tình, Những bờ cỏ lót nệm môi hôn một đờ, hun hút. Ngày xa phố, Lai đã ôm gọn nỗi buồn khôn lớn chạy quanh ngôi trường mái thấp. Lũ nhỏ chạy tung ào ào trong sân vắng. Bụi cát sụp trên mí mắt Lai kín mít. Lai ngồi xuống bậc thềm gạch đỏ. Phía ngoài trời cơ hồ âm ỉ. Đàn chim thường ngày đậu trên cành khô đã biến mất, bỏ đi từ lúc nào chẳng ai hay. Có lẽ chúng né tránh những cơn mưa vỡ buốt mặt người, có thể đến bất chợt. Cả Lai và Những đều như kẻ bại trận, gục mặt trong nỗi bất lực khó khổ nửa già dặn, nửa thơ ngây, lầm lũi trở về căn phố cũ để nhìn mặt những lầm lũi vô bờ theo tháng ngày quanh quất sau lưng. Giờ phút này, những lựa

chọn và suy nghĩ chẳng khác gì một đọt cây chết gió đứng im lim, tro vơ giữa khoảng đồng không khô cháy. Những tiếng la hét chột nổi mạnh. Lai đứng dậy, lê đôi nạng quèn quẹt ra khỏi ngõ. Những âm thanh nhỏ và khô tắt dần trên khoảng đường vắng. Những gai người, có cảm tưởng như Lai đang đi sâu vào nghĩa địa ngồi vuốt từng tấm mộ bia để chờ đến phiên mình nằm xuống thật yên lành. Lai có vệt chạy, có biết được sau lưng mình nhấp nhô những cồn cát ướt, ứa tuôn những giọt nước vàng cong siết cuộn gió khô se mặt. Tiếng cộc cạch tắt ngấm. Những cang bơ vơ hơn lúc nào giữa khung cảnh rục rở vẻ xa cách. Những đẩy Kiên ra ngoài.

– Tao về.

Kiên vừa gõ gót giày xuống cát

vừa hát nho nhỏ, lúc lâu hẳn mới ngẩng mặt.

– Tưởng có thể ngồi đây tìm được những thứ lạ.

Nhường tránh né.

– Cũng thường thôi, có lúc nhìn nhưng chả thấy.

– Mà không thích ?

– Những người đến ngồi nghe đều bạn bè với mà hết chứ có ai xa lạ đâu. Tuy vậy tao không ưa kiểu chửi nhau một cách rất ư là hạ cấp của ông Hội đồng Cần, ông Hâm hiệu Rồng Vàng... Tụi mà bị lợi dụng. Cái hội kể như bị trét bùn vừa khi ló đầu ra chào thiên hạ.

Kiên xoắn chặt hai bàn tay vào nhau, cười gượng.

- Hon nó biết trước.
- Sao không ngăn ?
- Cách nào ? Ho là quan khách, có quyền tự do phát biểu cảm tưởng khi được mời lên chứ ?

Nhưõng nhìn sững Kiên, mặc dù trong đêm tối không nom rõ mặt nhau. Thật không ngờ hẳn lại có thể có được lối lý luận trẻ con đó. Kiên có vẻ của một con cáo chồn bị rơi vào hố hơn là con người thật người.

- Chửi nhau cũng gọi là cách phát biểu cảm tưởng trong khung cảnh lễ ra phải tỏ tình thân thiện. Tao e thứ tự do tội mày góp nhặt được trong mấy năm kéo mòn đũng quần ở đại học hơi quá lố. Hỏi thật mày: có phải những ông Hâm, Cần, Lang, Giảng đang có những toan tính động trời ?

– Ai biết được lòng dạ họ.

Nhưõng ngạc nhiên, rồi bật cười thành tiếng. Sương xuống thật lạnh. Nhưõng so vai móc thuốc vê vê giữa hai ngón tay, chờ đợi Kiên, nhưng hăn cứ im lặng không nói. Đúng lúc đó ông Hâm lại hiện ra, trước mặt. Người lão nhỏ thó, loắt choắt. Đôi má hóp già khòm, cộng thêm giọng nói thật khó nghe. Lão xáp lại gần, hai bàn tay gầy, khô đét bầu chặt lên vai Kiên và Nhưõng vồn vĩa.

– Ồ, trời lạnh sao ra đây. Sương thế này bệnh chết. À, mà này, mồng bảy có hai chuyến đặc biệt về Sài Gòn dành riêng cho sinh viên. Vé tôi đã giữ tất cả. Mai các cậu nhớ lên sớm, cho xong nhé.

Nhưõng gật đầu nói “cảm ơn”, cố dò xét phản ứng Kiên, nhưng hăn đã

quay mặt ra đường. Kiên giấu vẻ cảm động. Ai biết được. Lão Hâm cười ha hả :

– Ôi, có gì đâu, con cháu cả mà. Mồng bảy cậu vào chứ.

Nhưỡng cố mở miệng cười đáp lễ :

– Dạ chưa biết chừng nào đi được, bác.

Lão chột ghé thật sát tai Nhưỡng:

– Mai một nhớ ủng hộ tui nghe, nhớ nghe. Thôi vào chứ.

– Vâng, mời bác vào trước.

Lão Hâm bỏ đi. Nhưỡng nhìn Kiên giây lâu.

– Ông Hâm ra kỳ này.

– Có lẽ vậy. Mà thấy thế nào.

Nhưõng úp mở :

- Những điều dân phố đã nghĩ.
- Mà không ưã lão.

Nhưõng cười khẩy :

- Mặc mớ chi đến tao.
- Tao có cảm tưởng như mà không ưã thành phố này.

Nhưõng đổi thế đứng.

- Có người biết rồi. Thôi, tao về.

Kiên thở phào :

- Về à, tùy...

Kiên nói, quay vào thật vội, có vẻ luyến tiếc không khí hân cho là “ít khi bắt gặp”. Kiên đi thật hấp tấp, nhập nhòa trong lớp sáng vàng xanh héo hắt, lẫn khuất giữa đám

đông mất dạng. Thái độ của Kiên đập vào mặt thật bất ngờ khiến Nhưõng bối rối. Nhưõng không ngờ Kiên có thể làm vậy với mình. Hẳn đã đánh mất nhân phẩm để theo sát bọn ông Giảng. Hẳn đã lọt vào chốn hư mê của tiền bạc. Bận bè hết còn trong đôi tay, xa ngoài lời nói hẳn lao xao, vồ về lúc trước. Kiên dường như quên tuốt đôi nạng gỗ của Lai lộp cộp trên đoạn đường đá, đất chùi lồm chồm ngày mùa mưa tầm tã. Lai lạnh cóng ngã quỵ bên đường. Ngày đó Kiên đã quên, không giữ được chút hình ảnh nào sao. Kiên đã vụt chạy. Hẳn đi bởi tự ý hay bị những khuyến dụ vô cớ của bọn người ngày đêm chỉ nghĩ đến chiếc ghế cao. Cho dù biết chắc nó chỉ còn độc nhất một chân lỏng lẻo, nhưng họ vẫn ủa tới vây bủa tứ bề để được ngồi chốc lát. Một đời thật lạnh lẽo của những loài cỏ cây ngoài nghĩa

địa hay trong trí tưởng Kiên đã biến dạng nụ cười hồng buổi sáng sớm. Những sợi tóc thơm mềm tung nhẹ trong gió một lúc được xung tưng từ một mối tình thăm thiết, giờ đã xác xơ cuốn hồn Kiên lên cao chơi vơi giữa khoảng không, mịt mù những tiếng hát nào kêu gọi sự trở về, xa lìa nhàm lẫn.

Trời đêm âm u hay bóng nắng nhạt màu ngã trên bờ thành vắng lẻ loi. Bọn họ có đấy không để nhìn những hạt cát đổi màu, rạn vỡ những mảnh hồn u uất, nhìn hoài đàn bò gầy còm trên đường phố đông người. Khói bụi vỡ òa trên những khuôn mặt đặc thẳng đã choán đi một chỗ ngồi của kẻ tội lỗi sau khi đã cầm lưỡi dao cùn cửa lưng tim người tình cũ. Những phải đi, nhất định phải dời xa xứ nẫu của cát bụi và mặt trời hạ thấp trên

lưng, nấu sôi những cánh đồng khô nứt nẻ. Nhưỡng thật buồn mỗi khi phải bắt nhìn những con vật há mồm mắt trợn trừng, hực mù nước mắt. Nắng phả cao. Những nụ cười cháy đỏ bờ phờ. Những cuống rạ ngã màu rũ lá chịu chết. Đất bốc khói mịt trời. Không còn lấy một giọt nước trên cánh đồng khô, chỉ có lời yêu thương ru đưa nổi chết thê thảm. Những tiếng la chột nở bung trên ngõ vắng lạnh hồn. Ngã nào cũng trùng trùng vây bủa nghẹn ngào. Tìm đâu bây giờ một đọt cỏ non, hay lại phải ôm gói ra đi trong nỗi buồn mênh mông. Như chính lúc này, Nhưỡng đã vụt khỏi căn phòng chật chội của một ngôi trường góm ghiếc, chứa toàn những bộ mặt dữ dằn. Nhưỡng chạy hoài mà chẳng cần biết phải đến đâu.

Khuya, đêm buông mịt mùng

những giọt sương lạnh buốt. Thành phố, mang về một bà lão co ro giữa những hàng cây trụi lá, chờ mong ngày nắng ấm. Phía cuối đường, sát bờ sông, những hàng quán cà phê chong đèn lù mù tỏa ra những khúc nhạc dịu trôi trên dòng nước, du hồn người đi thật xa ra khơi. Những nửa muốn xuống phố ngồi trong lòng ghế trống nghe hồn đi hoang, nửa muốn vào gõ cửa nhà Tạc kiểm có nhìn mặt Phương. Những lưỡng lự vì cả hai cùng khó nghĩ như nhau. Những ngăn cách tự thế giới ồn ào của Kiên vô tình đã xô Những hụt chân trong giây phút này. Những sẽ se sắt khi ngồi canh chừng từng giọt cà phê đắng rơi chậm xuống đáy cốc thủy tinh. Những sẽ ngà ngật trong không khí tù mù, chắc sẽ không khỏi lầm tưởng đám khách như lũ bọn Kiên ngoài bãi, thu mình trong ô kéo

che thân. Những thu nhỏ, đâm ra tội nghiệp cho chính mình ôm gót chân trôi nổi theo lớp mây đưa. Nhiều lúc Những muốn ôm ghì Phương thật chặt trong lòng, ngâm khế những bài thơ tình rực sáng cho bớt vẻ cô đơn. Nhưng bóng dáng Phương cứ mãi lẩn tránh đâu đó, như ngọn đèn ngoài khơi nhấp nháy xa gần. Đôi chân phớt nhẹ trên cỏ. Mỗi lúc nào cũng chum tròn những nốt nhạc thấp cao đưa Phương qua mau bên đồi vắng thưa người. Những quả bóng bay vòng nổi chờ đợi kéo dài. Càng ngày chiếc bị vải càng rách lớn hơn rừng cây đang hồi dãy ủa trước khi sang mùa khác. Cho nên thành phố này đúng là thành phố chỉ để kết nghĩa anh em từ mọi phía, chứ không nên kéo dài thời gian trú ngụ quá lâu như lời một người bạn trong lúc cao hứng đã tuyên bố, bất chấp những khúc gỗ dài hườm

sẵn bên ngoài. Lời nói chưa lâu để cành cây có thể trở hoa kết trái thì anh ta biệt tích. Không ai hiểu vì lý do gì. Cả trăm ngàn giả thuyết được bè bạn đặt ra nhưng không tài nào tìm nổi câu kết luận vững chắc. Mỗi nghi nan theo đà nường cao như điều gặp gió. Những bàn tay phù thủy nào chui lọt vào đây kéo hắt ta biệt tăm. Nhưỡng thật ngạc nhiên cho thành phố kết nghĩa đủ thứ tình trong sạch và vô vàn những bản thủ, không lúc nào ngơi nghỉ trong lòng lão Hâm, Chánh Cần - những người nổi tiếng giàu có quyền thế nhất vùng. Không hiểu tại sao bọn Kiên còn có can đảm ngồi nhìn những cục đất khô, đầy góc cạnh liệng ào vào mặt đau đặng. Nhưỡng chìm ngộp, sặc sụa giữa không khí dòm-nhau-thủ-miếng. Cả lão tàu phệ và những tên người sống sót trong vòng rào chắn cao cũng đã

đánh mất vẻ thân thiện buổi đầu. Xa gần, chỉ còn nghe những chuỗi cười, tiếng khóc nối lời bất chợt ập à nổi lên giữa trưa vàng hanh nắng của Hai Đền ngoài bến xe. Hẳn là một kẻ thua thiệt và buồn thảm nhất của thành phố, là kết quả cuối cùng của những việc làm do Thái Ba điều khiển sau những đải lọc của bọn lão Cần hùm hổ. Người vợ đã bỏ hẳn đi biệt xứ sau khi mang đứa con gái út bán cho người đàn bà lạ mặt. Cuộn bạc cột chặt trong đáy quần đủ giúp mù sống một cuộc sống đầy đủ trong thời gian dù thực ngắn. Mù đi không luyến nhớ, không thương tiếc, bán khoán. Định thủ của mù, trong việc làm ăn, bà Cả Mập, cũng bay tuốt. Mù quên hết, xóa bỏ những lời chửi bới tục tĩu ồn ào. Chỉ còn Hai Đền là nhân chứng thoi thóp, nhớ như in những động tác của vợ mình. Những lúc chung

chạ gần gũi, như còn ấm ức, mụ tung chiếu ngồi dậy, lồ lộ những khuôn mặt nhều nhảo ngó thên ra bỏ giậu, như thề ở đây đang có sự thách thức xáp gần. Càng ngày, hấn càng yếu đuối thêm trong đôi tay khép chặt của vợ. Hấn chỉ còn như một công cụ sai bảo thường tình. Hấn đã mất quyền tự quyết trong lúc âu yếm, bị mụ vợ công khai dè giữa lộ thoi thực mạng vào hông hấn nhức xương. Vậy mà ngày được tin vợ bỏ đi, lòng hấn quay quắt khôn nguôi. Hấn giậm chân kêu trời đến khản cả cổ đến nổi bây giờ hấn đâm ra thù lão Hâm hơn bao giờ. Hấn khùng điên tuyên bố ồn ào, rằng lão Hâm đã làm tay sai cho Thái Ba đi chèn ép kẻ nghèo. Dân phố nường có thói phòng đến nỗi hấn phải vào tù. Nhưng hấn lại được thả, cô độc. Sự lẻ loi kéo miết trên đôi mắt hấn không lúc nào chịu dừng

lại, chỉ một giây, trên tay mình khô queo đập vỡ. Hẳn mong ngóng cỏi mờ xa hun hút. Người ta tuyệt nhiên lờ mờ trong ước muốn hẩn, không tìm nổi những khát vọng tuy xa vời nhưng thật gần trong hồn hẩn. Họ mặc nhiên coi như chẳng có gì quan trọng, đáng nói cho dù quanh năm Hai Đền vẫn đứng hoài dưới gốc cây khô để làm mất mặt một số người trong phố.

Ngày đầu tiên gặp hẩn, Nhưõng hơi ngờ ngợ, sợ phải chứng kiến thêm cảnh thương tâm, có thể đến bất cứ lúc nào hẩn thấy thích. Nhưng người Hai Đền bỗng dưng rũ xuống, hiền lành hơn bất cứ lúc nào hết. Hẩn vượt vai Nhưõng :

– Cầm báo chi vậy ông nội, ngồi xuống đây đọc nghe chơi.

Hai Đề cầm tay Nhưỡng chỉ mô đất sát gốc cây.

– Ông thích nghe tin gì.

Hai Đề ôm gốc cây chặt khừ, ngờ ngác hồi lâu :

– Tin gì cũng đặng, nhưng cấm không được nhắc tới núi, tới biển nghe ghê lắm, rầu rĩ ai chịu nổi. Không chừng con vợ tôi nó đi đánh cá cũng nên.

– Coi bộ ông nhớ vợ dữ.

Hai Đề cười hề hề :

– Vợ không nhớ còn nhớ ai. Nhất vợ nhì... ông có vợ chưa.

Nhưỡng quanh co :

– Cũng chưa mà cũng có.

– Sao vậy ?

– Bí mật.

Hai Đề lấp bắp. Những đoán có lẽ hẳn ta đang lấp lại hai chữ “bí mật” để suy nghĩ về trường hợp mình, Hai Đề thở dài :

– Tui chịu. Thôi ông nội đọc tin tức nghe đi. Nhà tù chẳng hạn.

– Ông thích nhà tù.

– Thích? Đời nào. Như tui đây suốt đời không có một cục đất chùi đít, vậy mà vẫn ngon lành ơ. Thiếu gì kẻ ham sống mà vẫn cứ đưa đầu vô tròng cho chúng cột, lôi bành bịch như chó dại.

– Ông nói nghe phát tởm.

Hai Đề hích môi :

– Thiệt chó. Tởm cái con khỉ gió

gì, không tin lên chùa hỏi mấy bà vãi coi nà.

Những bông đùa :

– Đương không đi chi cho mệt, mắc công những kẻ nghi nan.

– Ôi kẻ hèn ấy mà. Đọc đi. Sao im vậy. Có chuyện Khuất Nguyên không ?

Những thông thả :

– Trong báo làm gì có chuyện kỳ cục đó.

– Chứ nói gì.

Những giờ cao tờ báo thật gần tầm mắt Hai Đề. Hấn xô ra, xua tay :

– Trời đất ơi, tui biết chữ đâu mô nà. Ông nội đọc giùm đi.

Những cười :

– Kẹt quá.

Hai Đề sùi bọt mép nhìn trời giận dữ :

– Đồ ba xạo. Thôi đây chẳng thèm nghe dâu, nhưng đời đời phải nhớ tới cái chết của Khuất Nguyên là một sự hèn hạ vô cùng. Nếu ta có chết sẽ chẳng bao giờ ôm khúc đá đâu. Đây không hèn mà.

– Thôi tôi về, nghe ông mệt muốn đứt hơi.

Những bông tờ báo, thả dọc theo con lộ chói nắng. Bến xe sát cạnh nhà thương chỉ lơ thơ vài chiếc muện phiền. Nhìn xuống thấp bụi trắng bay mù như thể thành phố đang bốc hơi. Tháp chuông dù có cao vút, ngọn sông dù có uốn quanh thành phố vẫn không tạo được vẻ tươi mát đến nỗi Những muốn chùng theo

Hai Đờ cỡi áo vắt vai, đi lênh nghênh giữa phố, hát nghêu ngao những nốt nhạc rời chắp nối để quên đi cái rách nát giữa ngày. Một thời Nhưỡng đã là kẻ cô đơn trong cuộc người ồn ào quá quắt. Nhưỡng không bao giờ đuổi kịp những ý nghĩ, những công việc ngoài khả năng kiểm soát mình, để rồi phải xô đẩy, thu kín trong nỗi trống không lạnh ngắt. Những ngày đó, nếu không có chị Quỳnh gọi lên kè nghe những câu chuyện tình thời nhỏ, có lẽ Nhưỡng sẽ không ngần ngại tìm ôm một đụn cát nào đó cao ngất để tìm những cảm giác lạ và mạnh. Nhưỡng ngây ngất trong lời kể, đu mình trên giọng nói chọt cao, chọt thấp dài ngắn vô chừng. Giọng nói đó, theo Nhưỡng chỉ để ve vuốt kẻ lạ hơn là đi dọa dẫm, chặn giữ tội học trò nhỏ. Vậy mà chị vẫn nhắm mắt nhào bừa, mặc kệ những lời chỉ trích

đằng sau. Vô có Nhưỡng đi gán ghép chị với những bà vãi xuống núi hái rau, mót lúa quần quật suốt ngày trên còn bãi hoang. May, những ý tưởng này chỉ kịp bén lên giấy lát ngăn ngủi và được dập tắt ngay. Nhưỡng không đủ hơi sức để cấm cản hay khuyến khích bất cứ một kẻ nào cố len vào những con đường có nhiều bóng cây rợp mát, cho đến ngày Nhưỡng nghe tin chị quyết định xin thôi việc để theo cho suốt những chứng chỉ nhọc nhằn. Nhưỡng thật ngạc nhiên. Có phải hành động trên là một giải thích, một từ chối những chèn ép, chị đã có dịp than thở, của lũ người quyền thế buộc chị phải vào làm hẩn trong văn phòng lão D. Raines. Nhưỡng chợt nghĩ đến cái chết-đốn-mạt của Khuất Nguyên theo lời kể nhíp nhàng của Hai Đề. Hẩn có lý hay kẻ chết có lý. Nhưỡng thở dài, vò nát những đọt lá

trong lòng tay thả rơi lá tả xuống nền đất. Những ngày rất dài, chắc chắn sẽ đến với kẻ thắng cuộc. Theo Như ở thì ở đâu và chỗ nào cũng có dáng vẻ hân hoan và quý quai nên chị Hai Đề không bao giờ chịu dời gốc cây xù xì mốc thối. Một chỗ thích nghi cho đời hẳn đã đánh lừa được những đàn quạ bay rợp thành phố kiếm tìm. Đôi khi hẳn đứng đó, mắt mở thao láo mà như ngủ say, không hề hay biết đám cháy phía sau, lửa cất ngút trời. Hẳn vẫn đứng hoài, tỉnh bơ, mặc cho tháng ngày trôi mau, và thành phố mở thêm những khu nhà dị hợm. Có thể hẳn đã đội lốt người khùng mà Kiên tưởng thật, không coi ai ra gì, Kiên chìm dần, nhòa tan trong cơn bão lốc, cuốn say bên những ly rượu cháy môi. Kiên đang cùng lão Hâm, lão Cẩn múa hát, diễn trò la hét hay đang nằm dưới đất thở phì phò nhọc

nhấn. Cả lũ vùi say, đến lúc tỉnh rượu thì cánh rừng đã cháy rụi tự bao giờ và đôi tay mình cũng bắt đầu gãy rời từng khúc, lần hồi chỉ còn như khối đất nhần thín. Hối tiếc có đến được với Kiên sau cuộc vui này?

Có trời mà biết lũ họ nghĩ gì.

Đôi chân Nhưỡng mới dừ chạy theo bóng đêm xuống sâu trên khắp các ngã phố như một tự ý đầy đọa.

Về tới nhà, đêm đã lưng. Nhưỡng đẩy cổng, nghe tiếng hát ru con chị hàng xóm vẳng lại buồn vời vợi. Tiếng ru cứ kéo dài, quanh quất bên Nhưỡng những lời than thở não lòng. Nhưỡng càng xua đuổi, tiếng hát càng xấp gần, ray rứt trong căn phòng tối đen. Nhưỡng lạnh gai người, có cảm tưởng như mình đang bước chân vào chốn hư mê. Tất cả đều ngả vàng

ngầy ngật. Nơi nào có mặt trời rực sáng trên môi. Biển khơi thổi réo gọi tên người tình phụ và núi rừng có trút được vẻ cô đơn trên những thân cây trụi lá như trong lòng Nhưỡng đang mơ tưởng một sự hồi sinh.

*

Kiên ngồi sâu trong lòng ghế mệt mỏi. Khuôn mặt nửa thỏa mãn nửa ân hận, Kiên hít những hơi thuốc thật dài khóa lấp khoảng trống yên lặng. Cả hai đều tránh nhìn mặt nhau, Cho đến lúc Nhưỡng không chịu nổi, lên tiếng hỏi Kiên

– Đã sửa soạn đi chưa?

Kiên ngồi yên không nhúc nhích. Nhưỡng làm như không hay.

- Đi chuyển đặc biệt chứ ?
- Không chừng.
- Ở luôn ngoài này à ?

Kiên nhún vai, phác một cử chỉ vu vơ, xô cửa ra khỏi phòng. Hai tay hẩn thọc sâu trong túi quần khập khểng. Bước chân Kiên nhỏ dần ngoài cổng.

- Anh Kiên đâu rồi ?

Tâm đặt hai ly cà phê bốc khói lên bàn, dò hỏi.

- Nó về rồi
- Sao vậy

Nhường dụi tắt tàn thuốc.

- Ai mà biết. Uống cà phê được chứ.

Tâm rùn vai, cười.

– Con gái thi không nên.

Nhường thành thực.

– Em sợ mụn.

Tâm ư hư trong cổ họng, bỏ cuốn truyện xem dở xuống bàn, thở dài.

– Các anh lúc nào cũng có chuyện.

– Cô tưởng hơn vậy.

– Chứ sao

Nhường bật dậy, bỏ ra phía cửa sổ ngó trống ra vườn cây thưa. Những ngọn nắng lùa lướt nhẹ trên những luống hoa màu vàng nghệ. Những giọt nắng của một ngày đẹp trời chột ray rút hồn Nhường. Những kỷ niệm hay thắc thỏm sắp ủa tới. Đàng nào Nhường cũng phải cố tìm cách tiêu

hết một ngày rục rờ dựng đứng về tàn tạ này. Ngồi lại để thấy hình dáng Kiên phơ phất trong giọng nói em gái mình, hay bắt chước gã ăn mày đi thên ngoài phố vắng, một mình.

– Trưa, anh không ăn cơm nhà.

– Lại đi nữa, về đổ má khỏi la.

Những cố che lấp giọng nói cố làm vẻ rầu rĩ để ngăn mình.

– Đi thăm mấy đứa bạn...

– Chiều anh không về đi nghe nhạc

– Em xuống rủ Phương cùng đi, bảo dành ghế cho anh nhé.

Những quay đi, Tâm còn dặn với.

– Nhớ xuống nhé, tụi em chờ.

Sương xuống ngã nằng vàng trên cánh đồng khô trước mặt. Đứng đầu dốc thành phố. Nhưõng chỉ thấy lò mờ nóc tháp chuông lơ vơ giữa khoảng trời chiều mù đục lớp sương dày. Những con phố sát gần tầm mắt chạy quanh mé sông nom giống những toa tàu lửa nằm chờ trong sân ga thở khói phì phò. Thành phố thật yên lặng. Những tiếng động cuối ngày rời rã nghe chừng mệt mỏi. Đèn chưa thắp ngọn, âm u. Những bước chân Nhưõng mất vẻ thoải mái, quanh quẩn ở khu phố cũ với hàng quán nối dài chán ngấy. Nhưõng có cảm tưởng như mình đang ở một nơi chốn nào thật xa, như một thành phố không tên gọi nghe chừng quen tai. Nhưõng ngại, nếu đây là lần chót cùng bắt gặp thành phố đôi chiều,

chắc khó thoát khỏi những ám ảnh, những chết chóc vây ngạt chuyển xe đổ dồn ra bãi. Về sôi sục không khi nào dịu bớt dưới những vành nón kéo sụp nửa mặt âm thầm. Bọn người quyền thế có khi nào lắng tâm nghĩ về một cái chết tình cờ của những cỗ xe võ bung giữa khoảng đường vắng. Những chắc là không, không bao giờ xảy ra những chuyện không mang đến cho họ một nguồn lợi nho nhỏ nào, bởi bọn họ là đàn muỗi đen kịt, và đám dân như con trâu gầy xẹp trong ngăn chuồng hôi hám. Những hình ảnh tàn tạ nhất trong phố là Hai Đề và Lai. Họ là những vết tích còn rơi rớt sau những hồi giành giật trên dòng suối cạn. Đáng lẽ những tiếng nói dịu ngọt được mang đến cho kẻ tàn tật thì trái lại bọn họ đi hành động với những toan tính thỏa mãn khác. Tiếc, những bàn tay đó không

quá lớn để có thể che mắt tất cả, nên chỉ những lời bêu rếu của đám đàn bà ngoài chợ được dịp nổi lên một cách khá ồn ào.

– Chị biết chứ, hắn là kẻ tham thù không ai bằng.

Mụ đàn bà gầy nhom che miệng nói nhỏ với người bạn ngồi cạnh.

– Những hành động của hắn đâu qua mắt đám dân khu đen. Này hồi đồ tiếp tế ra, nào dầu sữa áo quần... hắn có phát cho ai đâu.

Mụ đàn bà gầy bĩu môi.

– Của đó nuôi sống được ai lâu, nói thêm hồ.

– Thâu đi ông, nói sao nghe dễ ợt...

– Chứ không na, tội lỗi quá mà.

Những lời đồn đãi sấm sục to nhỏ theo thời gian lan nhanh khắp vùng. Những người đàn ông miền xa có vẻ sợ sệt khi vòng xe ngang phố. Cặp mắt họ lấm lét như thể họ vừa mới phạm một lỗi lầm kinh hoàng nào đó, suốt đời không gột sạch. Nỗi sợ hãi cứ gieo vào lòng họ ngày càng đầy ứ, cho đến lúc không thể nào chịu nổi, bỏ lên cao. Họ nhắm mắt kéo đi từng đoàn lũ, chẳng cần biết có gì xảy ra sau lưng. Bởi dù sao, thoát khỏi vùng nghi nan là một điều may mắn nhất trong đời họ rồi. Bây giờ, có lẽ lũ họ đang bắt đầu một lối sống khác, chắc chắn không giống những ngày họ quanh quẩn ở các ngã phố. Những cơn bụi hố rãnh như những người bạn thân yêu muôn đời che chở, nuôi nấng ve vuốt họ. Tháng ngày lên cao, họ càng đi xa hơn vào chốn tận cùng sâu thẳm. Họ thực sự

xa cách với đám dân miền xuôi và có một đời sống hoàn toàn đổi lạ.

Những đi ngang qua những căn phố chỉ còn những bờ tường vôi đen nám, loang loáng ánh trắng non. Đâu đó không xa, những con ếch ương, sâu bọ hòa một giọng buồn thảm như tiếng ca của dân Hời mất nước. Những có cảm giác của một gã bộ hành lạc lối, sâu vào lòng nghĩa địn hoang vắng. Càng đi Những càng rờn rợn như lúc nhìn Lai đi vào ngõ hẹp, có ai đuổi theo phía sau. Những chẽ xuống dốc cầu, men theo con đường có nhiều cây cao và quán nước. Đường vắng, một vài cặp tình nhân ôm nhau thật sát. Những bỗng thềm thường những hạnh phúc chói chang của họ. Trong lòng nổi lên nỗi nhớ nhung ngàn ngút. Joelle ! Những gọi thật nhỏ một bóng hình xa cách.

Giờ này Joelle làm gì, đùa giỡn với đứa con đầu lòng hay đang nằm gọn trong vòng tay người chồng có dáng bộ y hệt lão Hâm. Những vầng vất, đau nhói, đi mà không hề nhìn thấy những người qua mặt. Tuổi trẻ của Những dường như biến mất, để lại trong hồn sự già nua khô héo, luôn bận rộn về những điều kém vui.

– Anh Những.

Tiếng kêu sẽ sẽ nhưng không giấu được niềm vui. Những ngạc nhiên quay đi.

– Anh đi đâu một mình coi bộ thảm thiết vậy.

–Ồ Quỳnh ! Tôi cứ ngỡ là ai, một sự may mắn. Quỳnh mạnh khỏe chứ.

Quỳnh đi hơi chậm lại một chút:

– Anh coi, em có ốm không.Ồ, anh về hồi nào. Không gặp tình cò ở đây thì chả biết. Anh có dự đêm họp mặt dưới trường chứ. Vui không anh. Em thì bận nên ít khi có dịp đến những nơi đó, tiếc ghê. Giá như... mà thôi.

Nhưỡng lắc đầu :

– Quỳnh hỏi nhiều quá, tôi không còn nhớ lấy một câu để trả lời. Tối mai định dắt Phương với bé Tâm lên thăm Quỳnh đấy chứ.

Quỳnh nhìn Nhưỡng hứ hứ:

– Thâu đi ông, anh chạy tội đúng lúc lắm.

– Thiệt mà.

Nhưỡng xuề xòa.

– Có gặp Phương chưa, lúc nãy thấy đi với ai ngoài phố kia.

– Chưa chi Quỳnh đã trêu tôi rồi.

Quỳnh chu miệng thật tròn, bắt chước :

– Thi...iệt mà.

Cả hai cười vang, tưởng chừng như rung rinh những đọt cây cỏ ven đường.

– Quỳnh đi dạy về.

Quỳnh như phân bua:

– Họp hội đồng suốt buổi chiều, ngồi muốn chết luôn. Mấy ông ngồi cãi lằng nhằng lít nhít chẳng ăn nhập vào đâu, cù cưa cù cưa như kéo nhợ, phát chán.

– Quỳnh nay chắc giàu.

– Trời ơi, làm gì có nổi đó, nghèo rớt mồng tơi mà lì. Anh thấy tới giờ

vẫn chưa mua nổi chiếc xe để đi thì biết.

Nhưõng đùa :

– Nói cho có chuyện chứ không ai vay đâu. Để dành tiền rồi còn cưới một ông chồng.

– Anh đi lâu về vẫn vậy, không có gì thay đổi hết.

– Tôi đưa Quỳnh về nhé.

Quỳnh vừa đun nước pha trà, vừa hát nho nhỏ những đoạn tình ca trong miệng nghe thật nồng nàn. “Dù thu sang lá rơi muôn phiên, mùa đông mưa ướt vai hồn mềm, thì hư huyền còn dấu vết chân chim”. Giọng hát Quỳnh ru đưa hồn Nhưõng lên thật cao sau cơn mê dài. Hai bàn tay Quỳnh gầy xanh như muốn ôm kín khuôn mặt mình xơ xác sau những

đêm nằm lẫn lóc với đũa con gái ngoài bến sông mà mãi tới giờ này Nhưõng chưa biết tên gì. Khuôn mặt có vẻ buồn, được giấu kín sau đôi mắt đen sâu, không bao giờ dám nhìn thẳng vào mặt Nhưõng lúc gần gũi. Hình ảnh đó có phải là nỗi chua xót, kinh hãi đến với Nhưõng, hay nỗi bất hạnh vây ngợp hồn Lai khi hắt xa rời đôi nạng gỗ. Khung trời kéo thật thấp trong tầm mắt Nhưõng ôm gọn hai người trong đêm vắng. Giọng hát chơi vơi khô héo đã đẩy Nhưõng đến gần hơn với những tội lỗi thánh thiện, xôn xao như đàn kiến vây kín xác con sâu gãy khô đét. Thời gian dù có đi chậm hay nhanh, thì Nhưõng cũng đã xuống phố, ngồi bên Quỳnh suốt những câu chuyện kể đông dài, không đầu đuôi mạch lạc. Bàn tay Phương đẩy xa ngọn tóc khỏi trí óc Nhưõng. Quanh đây chỉ còn Nhưõng,

Quỳnh và những tách trà bốc từng ngọn khói hơi thật nhẹ, đủ gọi dậy trong lòng mỗi thương cảm vu vơ. Mỗi tình mấy năm trước le lói, được dịp chói sáng, không then thùng bở ngỡ, một cách rất tự nhiên. Quỳnh vẫn ngồi đó bên cạnh Nhưõng. Khuôn mặt thuở nào vẫn hồng sáng trên đôi mắt huyền mơ. Nhưõng quên hết những thay đổi, đê mê, ngây ngất trong những cảm giác lạ vừa đuổi kịp. Trong ánh mắt Quỳnh, cả một khung trời tưởng nhớ lâu ngày giăng ngang khóe mắt. Quỳnh vẫn không hề chịu rời xa những kỷ niệm bé bỏng, những tàng cây cao, những bờ cỏ ướt cùng những bông hoa dại mọc ven đường. Tất cả những xa cách lâu ngày, đều được tom góp lại đất trồn trên vành môi, chờ đợi. Những tháng năm bị bỏ quên giờ thực sự soi sáng tim Quỳnh. Nhưõng suy nghĩ,

không để hồn đi quá xa những mơ ước trong lòng nàng. “Dù hư vô có gọi người về, thì thiên thu vẫn còn lời thề, nhạc thơ này là chứng tích yêu em...” Giọng hát kéo dài thoang thoang ngoài trời vạt vờ những ngôi sao lặng chết một cách buồn thảm. Trời thì cao vợi vợi, đêm thì đen sâu, còn Nhưỡng và Quỳnh thì quá nhỏ bé nếu so với rừng cây đang ngợp gió, đu đưa cành lá rục rở. Chưa lần nào như lúc này Nhưỡng cảm thấy lòng mình thật trống trải, dù có Quỳnh ngồi cạnh như một ngọn nến hồng xóa tan bóng tối, xua đuổi ra tận những bụi cây thấp ngoài kia.

Nhưỡng: Nhưỡng bưng tách trà, làm một cử động vu vơ rồi đặt xuống không gây một tiếng động nhỏ. Khói thuốc bay mù mịt căn phòng. Quỳnh

ngồi dậy, chống hai tay lên má, không nhìn mặt Nhưõng :

– Chùng nào anh trở vô ?

– Chắc tôi phải đi đường bộ.

Quỳnh mở đôi mắt tròn xoe như đôi mắt chim câu, hơi ngạc nhiên. Trong trí óc Quỳnh nghĩ Nhưõng nói cho có chuyện.

– Anh nói đùa.

– Thật mà, tụi này đi vòng ngả Cao nguyên.

Quỳnh cố nhớ lại những đoạn đường khúc khuỷu, lồi lõm của những năm trước. Đọc được những ý nghĩ kinh hãi đó, Nhưõng trấn an :

– Không sao đâu, đường sá lúc này yên lảm mà, đã sửa sang lại tất cả.

- Sao anh không lên lấy vé.
- Xuống đụng mặt với lão Hâm, chẳng ai ham thích.
- Anh ghét ông ta. Hẳn anh không ưa.
- Ít cảm tình với ông ta thì đúng hơn.

Quỳnh không còn lý do để can ngăn, thở dài chán nản.

- Thế bao giờ anh đi.

Nhưõng lắc đầu, di di ngón tay xuống mặt bàn:

- Chưa biết ngày nào. Nhưng từ đây tới lúc đi, còn đến thăm Quỳnh ít ra ba, bốn lần nữa.

- Anh nói như có vẻ nịnh đó. Lúc trước còn ở nhà anh là nạn nhân của

thần lang thang ai mà không biết.

Tuy nói nhưng Quỳnh thật mừng rỡ, cái tật của Quỳnh không che nổi mắt Nhưõng trong những lúc giận nhau.

– Từ xưa tới giờ Quỳnh chỉ để ý đến một điều đó thôi sao.

– Quỳnh nói là nói vậy thôi, không nghĩ xa gần chi đâu. Anh mà không ưa ai thì nổi giận luôn với kẻ khác.

Nhưõng cầu hòa, hiền lành :

– Anh xin lỗi Quỳnh vậy nhé.

Ngoài trời sục sục như muốn đổ cơn mưa nhưng bị ngăn chặn bởi những cơn gió khô se rất mặt. Những tách trà cạn dần. Cả hai ngồi sát gần nhau, tìm những hơi hướng lâu ngày không gian im lặng đến khuya.

Nhưõng vuốt nhè nhẹ trên mái tóc Quỳnh như thể đưa bé tinh nghịch ve vuốt bộ lông con mèo nhỏ dễ thương

- Quỳnh thường về quê?
- Không.
- Chị Quỳnh có về không ?
- Không.
- Quỳnh có tránh anh không ?
- Không.
- Hôn anh đi.

Đôi mắt Quỳnh rơm rớm nước mắt. Có phải Quỳnh đã bắt kịp những cảm xúc ngày xưa trong vòng tay Nhưõng ru đưa. Chợt Quỳnh đặt ngón trỏ lên môi Nhưõng xoa nhè nhẹ.

- Anh biết Định không?

Nhưỡng ôm chặt Quỳnh, hỏi :

– Có chuyện gì vậy ?

Quỳnh bật khóc, khổ não :

– Định đi hỏi em.

–

– Anh không có gì nói với em sao, sao anh ngồi im vậy.

Nhưỡng đổi thế ngồi, như muốn thủ với chính mình. Một vở bi kịch đã diễn trong đêm nay chầm chậm. Hai nhân vật ngồi im tưởng chừng tỉnh trí nhưng trong lòng đang có những ngọn sóng rền rĩ.

– Quỳnh bằng lòng ?

–

– Tốt hơn hết, em nên làm như chị Quỳ.

– Lấy Định ?

– Ừ.

Quỳnh gục mặt lên vai Nhưỡng cười vang. Căn phòng như tỉnh ngủ. Nước mắt Quỳnh thấm ướt ngực Nhưỡng ấm nóng. Có phải đây là những giọt nước mắt cuối cùng nàng dành cho mình không. Nhưỡng đẩy Quỳnh ra.

– Bộ em điên hả, nín đi,

– Dạ.

– Sao em lại cười. Em khinh Định hay khinh anh. Em tệ vậy sao.

Quỳnh bướng bỉnh :

– Anh cấm em cười ? Em không khóc được. Đột nhiên em nghĩ đến anh chàng Rhayader và cô bé Frith trong câu chuyện ở đâu đó em đọc

được. Họ có một câu chuyện tình thật đẹp, nhưng đến đoạn kết thật buồn thảm. Buồn chứ anh.

– Em muốn nói đến ai ?

Quỳnh rên rĩ như một con thú biết mình sắp chết.

– Em van, anh đừng nghĩ ngợi xa xôi. Một đêm nay có bên nhau rồi... Anh Nhưỡng, anh có giận, khinh em không.

Nhưỡng đặt môi mình trên môi Quỳnh thật sát, hồi lâu.

– Khuya rồi, Quỳnh ngủ đi. Anh hát cho ngủ nhé.

Bên ngoài, những hàng cây đứng yên. Đêm như một mảng lưới vô hình đe dọa...

NGUYỄN LỆ UYÊN

VĂN số 165
Tuyển truyện
Phi châu Da đen

Hoàng Ngọc Châu

Đi giữa mưa thu

Mưa gieo buồn tạt xuống lòng

*Sầu thiên địa cũng nổi cùng
nhân gian*

Chiều đi trong cõi thu vàng

*Tiếng chim kêu cũng động hoàng
hôn xa*

Mưa giăng sầu trải bao la

Thấm quanh đất lạnh xuyên qua
hồn người

Giữa đường thu một mình tôi
Và dăm chiếc lá vàng rơi vô tình

Mưa làm trời đất u minh
Cỏ cây như cũng động tình buồn
lây

Bên hiên thiếu nữ thở dài
Cuối trời xa én lạc bầu kêu
thương

Tôi đi giữa cõi thu buồn
Hồn như chiếc lá chìm trong vô
cùng.

Hồ Minh Dũng

Xa là núp ruột

Đoàn công-voa rầm rộ chạy từ tảng sáng cho đến khi mặt trời mọc lên khỏi mấy rặng cát mới dứt. Mặc dù đêm qua có trận mưa rào nhưng bụi vẫn bay mù mịt. Lý chờ chiếc xe cuối cùng khuất dạng mới mở quán. Trông chiếc quán bên đường phủ một lớp bụi vàng khè không khác gì nước da của Lý, sau một đêm không ngủ, trở nên tiều tụy. Lý ngồi ở mái hiên, lòng trống rỗng. Bên kia quốc lộ, lúa đã gặt xong làm

cánh đồng trở thành trơ trọi, những chân rạ không che nổi một dòng sông và một chân trời mờ mịt khói. Mẹ nó đang ngủ trên chiếc ghế vải, lưng bà ta còng xuống gần sát mặt đất. Gió sớm mai thổi lộng vào manh áo lụa mỏng. Đêm qua Lý đi cho đến gần sáng mới về. Mẹ nó đốt đèn cây ngồi chờ. Không phải là lần thứ nhất, nên sau khi Lý về bà vẫn giữ nét mặt bình tĩnh đầy thương đau của một người mẹ. Bà chỉ chấp tay vào ngực, nói « Mô Phật » rồi bỏ đi ngủ. Đến sáng khi nhìn thấy những cánh hoa huệ tươi trên bàn thờ, Lý mới nhớ ra hôm nay là ngày mùng một. Mẹ nó, từ ngày bỏ làng ra đi, tỏ ra là một người mộ đạo. Lý thầm cảm ơn mẹ, dù sao cũng cảm thông được nỗi lòng nó trong lúc này. Đơn vị Diệm đã vội vã lên đường từ khi mặt trời chưa mọc. Chiếc xe đầu tiên đưa đơn vị chàng đi, chắc chắn

là đã qua khỏi đèo Phước Tượng, tới chân đèo Phú Gia, có khi đến Lăng Cô là khác. Nếu không có trở ngại, Lý sẽ vào thăm một chuyến. Tuy chưa lần nào đến đó, nhưng theo lời Diệm kể, trong trí nó đã hiện ra một vùng trời thơ mộng, nơi chàng đến sẽ có những ngọn dừa cao vút, đồi núi lúc nào cũng có sương phủ. Lý hình dung thêm một cánh rừng thưa, có ngọn suối chảy qua xanh ngắt. Mới hôm nào đây, tay trong tay, lòng bên lòng mà bây giờ đã xa cách. Hình bóng Diệm còn ở lại đó, dường như chàng còn ngồi ở một nơi nào trong quán này. Trước đây, khi Đường chết, nó cũng có những cảm giác vời vợi như thế này. Nhưng thời gian qua, lòng đã thấy vơi mòn thương nhớ. Chiếc phao quá khứ ẩn dật trong lòng nó đã bị sóng gió xô dạt ra khỏi bờ, xa khơi. Một hôm Lý nói với Diệm

rằng, yêu anh, em nghĩ tình yêu đối với anh không bằng ngày trước em yêu Đường, nhưng vì anh là người sống, em không thể yêu một người đã chết, em không thể nhìn mãi một cái gì đã tàn úa, em lại không thể đối thoại với một thế giới câm lặng, lòng đàn bà chúng em trời đã sinh ra, vốn không phải là nghĩa trang để chôn người chết. Diệm cầm tay nó nói, em cố gắng vui để nuôi thằng Cu, thằng Cu mới là ngọn đèn của đời em. Em phải làm cho nó sáng rực lên. Diệm không nói thêm gì nữa. Lý là một đứa con gái có tiếng lẳng mạn, hồi mới mười lăm tuổi đã bỏ nhà theo trai lên xem cải lương ở phố, mấy ngày sau trở về, nó đã thay đổi hẳn, tóc uốn ngắn, đi giày cao gót và mặt thời trét đầy phấn son. Người trong làng kéo nhau tới xem tấp nập, tiếng tăm bay khắp nơi, bọn nghĩa quân chiều

nào cũng đạp xe về làng vắng ngoài đường để trêu chọc. Hồi đó tình thế còn yên ổn, dân làng còn sống bên nhau, cánh đồng còn cấy được lúa và phá nước thì hiền từ như một ao tù. Nhờ một ít sắc đẹp, khi theo đoàn người đi ty nạn, mẹ nó liền nghĩ ra một cách làm ăn mới. Quán của Lý dựng lên sát mặt đường nhựa. Phía sau là một ngọn đồi lúc nào cỏ cũng xanh um và con đường sắt buồn bã chạy qua. Lâu lắm không thấy xe lửa lưu thông, không thấy gã đàn ông nhân-viên-của-sở-hỏa-xa, gầy còm, chiều chiều mang bị vải, cầm cây đèn bão và cái gậy đi dọc theo đường sắt. Trại định cư mọc lên san sát sau đó, làm cho mức sinh hoạt hàng ngày dần đọng lại một nơi. Cả khu chợ chiều ngày trước đông ở ngã ba gần đường nhựa, nay cũng được ông quận ra lệnh dời ra ngoài để gọi là

« chia xẻ một phần nào với những người đã bỏ quê cha đất tổ để ra đi ».

Một hôm, sau buổi khánh thành nhà hộ sinh của trại định cư, khi trở về phái đoàn quận có ghé vô quán uống rượu và hỏi thăm công việc làm ăn của Lý. Chính hôm đó, mẹ Lý đã sung sướng đến rưng rưng nước mắt, cầm lấy tay con mà không nói một lời. Cũng hôm đó, chú bác trong làng vô nhậu chơi, luôn tiện bàn về ngày chạp mộ. Câu chuyện nói về làng cũ lúc nào cũng đậm đà, ấm áp, dường như họ chỉ thống nhất ý chí và cảm thông nhau trong giây phút đó. Mẹ Lý vui vẻ hơn lúc nào cả :

– Mời các bác, các chú cứ uống tự nhiên. Được gặp gỡ nhau đây là quý hóa. Đời sống đi qua mấy chốc, ở đời tình nghĩa mới trọng còn của cải tiền bạc là đồ phù vân. Năm nay

chạp làng tôi xin cúng một con heo

Một cụ già nói :

– Nhưng thật ra chúng ta không có mộ đề Chapel, mồ mả đã xa chúng ta rồi.

– Vâng, chúng ta lần đầu tiên tổ chức một lễ Chapel không có mồ mả, vì chúng ta không thể nhắc mồ mả đi theo. Bốn phận chúng ta phải nhớ ngày, phải trồng một cái mố trong tâm trí chúng ta.

Lòng Lý buồn vô hạn. Trong cuộc sống đổi thay, nó bị xao lãng đi những kỷ niệm và cả tuổi thơ nữa. Bây giờ thật không còn gì ngoài những hình bóng được vun xới hằng ngày như những cây cối phải mọc lên trên mảnh đất không thể bỏ hoang được. Nét mặt mẹ nó ngày một già cả đi với những nếp nhăn buồn tẻ như phá

nước Tam Giang ngày đêm gầm thét dữ dội trong lòng bà, những lớp sóng ăn mòn bãi cát, ăn mòn nghĩa địa, lũy tre và làng mạc yêu dấu. Lý chỉ nhớ con đường cát trắng xóa chạy ven bờ sông nhỏ và gốc cổ thụ tràn đầy những bình vôi, ông táo cũ. Bên võng mẹ, giữa hai cột trụ sắt, đứa bé mập mạp đang ngủ trong nôi. Chiếc nôi này, một tháng trước đây Diệm đã mua ở phố và thuê xe lam chở về. Nét mặt chàng hôm đó thấy lạ hản đi, trong chiếc nôi còn có một bó hoa huệ và kèm theo cả một chiếc nhẫn đựng trong cái hộp nhựa màu hồng. Thấy vậy, Lý ôm mặt khóc, ngày hôm sau gặp Diệm trên đường sắt, Lý nói :

– Anh đừng yêu tôi nữa. Tôi thật không còn xứng đáng để được nhận lấy tình yêu của anh cho. Tôi chỉ còn

như cánh hoa héo người ta vất bỏ giữa đường.

Diễm cầm tay nó, lòng cảm xúc như tuổi hai mươi :

– Em đừng nghĩ xa xôi. Tình yêu không bị ràng buộc một cái gì cả, anh yêu em, em yêu anh, thế thôi, đủ rồi.

Lý cảm động như tình yêu buổi đầu. Hai con đường sắt hôm đó gặp nhau một điểm ở chân trời. Nắng hồng lên thắm tươi cánh đồng trước mặt và ngọn đồi xanh rì cỏ mượt. Trại định cư lấp lánh và những bãi cát hoang nằm bên căn cứ Mỹ gần một chân núi xa, nhà hộ sinh, ngôi chợ, giếng nước, tất cả đều toát ra hơi thở ấm.

*

Một buổi chiều, có một người đàn ông trạc chừng bốn mươi tuổi. Tay xách một chiếc va-li dừng lại ở bên đường, nháo nhác nhìn quanh rồi đi thẳng vào quán. Lý đang ngồi đọc bức thư Diệm mới gửi về, thấy người khách còn đứng ở cửa, nó hỏi vọng ra :

– Bác dùng chi, bia hay chanh quả ?

Người đàn ông bước vào, cất mũ :

– Tôi hỏi thăm, đây có phải nhà chị Hoạ không ?

– Dạ phải, mẹ tôi ở nhà dưới.

Người đàn ông ngồi xuống ghế, nhìn quanh gian nhà toàn ván ép, dán đầy những bức hình đàn bà khỏa

thân. Mẹ Lý ở nhà bếp lên vẫn nhìn không ra người đàn ông :

– Thưa bác, bác cần hỏi chuyện chi ?

Người đàn ông lấy thuốc hút, bình tĩnh :

– Chị quên tôi rồi sao ?

– Xin lỗi, tôi không nhận ra ai cả.

– Tôi là Thiết đây chị, tôi vẫn nhìn ra chị mà.

Gương mặt mẹ Lý sáng rực lên :

– Trời ơi ! Chú Thiết. Mười mấy năm rồi mới thấy chú. Chú ra hỏi nào ? Lý đem rượu ra mời chú. Lạy Phật, chú còn sống mà trở về. Trong làng ai cũng nói chú chắc đã chết.

Rồi tiếng bà yếu dần đi :

– Lúc nhà tôi còn sống, khi nào giỗ kỵ cũng có nhắc tới chú, ngày nhà tôi qua đời cũng có hỏi chú đã về chưa.

Chủ Thiết cúi gằm đầu xuống, đôi mắt đỏ hoe. Lý thấy đầu tóc người chú ruột đã bạc. Lúc chú ra đi nó mới lên bảy tuổi, ngày đó còn là một đứa bé thường bị cha mẹ gởi cho người lối xóm trông coi để đi cày cấy ngoài đồng. Chú Thiết bỏ làng ra đi làm ăn tại một khu dinh điền trong Nam. Lý còn nhớ chuyến tàu đặc biệt ghé vào bãi phá, người còn lại trong làng đổ ra lũy tre khóc và đưa khăn tay vẩy. Ngoài những người tình nguyện, một số người khác được Ủy ban địa phương chỉ định bắt buộc phải ra đi. Họ khóc lên thảm thiết như một đám tang trong giờ hạ huyệt. Con tàu ra

đi đã xa mà người đi vẫn còn đứng trên boong tàu nhìn vào làng. Họ đi bần bật, vài ba năm sau đó, họa hoằn lắm mới có một vài người mua vé máy bay về làng, những người về như thế vì họ đã trở nên giàu có hay không thể kéo dài cuộc sống xa lìa nơi họ đã sinh ra.

Sau ngày Tổng thống Diệm chết, họ ồ ạt trở về, nhưng đa số là những người trẻ tuổi, con cháu của những người ra đi nay lớn lên, họ xa lạ và không nhìn ra được người bà con còn ở lại. Lý muốn ôm chú Thiết mà khóc, mà nhớ cha. Lần đầu tiên nó thấy nước mắt sắp sửa chảy ra vì nghĩ tới làng mạc, thương nhớ tuổi thơ, đất đai và con đường cát trắng, gốc cổ thụ già bên đường. Nó mừng tượng ngôi nhà còn đứng trong bầu

trời xanh và tai nó văng vẳng tiếng hát của bọn nghĩa quân đứng dưới hàng dừa cao vút.

Chú Thiết nói :

– Tôi về đến phố chiều qua, khi xuống bến tàu để về làng thì họ nói không có con tàu nào về làng được cả. Chuyến tàu về phá đã bỏ mấy năm nay rồi. Tôi hỏi thăm làng xóm thì họ cho biết không còn ai ở đó nữa. Dân làng đã di cư đi mỗi người một ngả. Tôi hỏi thăm mãi mới biết chị và một số bà con ở đây.

– Chú làm ăn có khá không ? Mẹ Lý hỏi.

– Thừa chị, hồi mới vào tôi ở dinh điền Long Khánh, một mình tôi khai khẩn được nửa mẫu đất hoang. Tôi trồng đủ các thứ cây. Hai năm thì tôi

xây được một ngôi nhà gạch, chính năm đó, tôi đánh điện cho vợ và hai con vào thì chẳng may tàu gặp mìn nổ gần chân đèo Rù Rì. Ôi thôi, chị ơi, tôi đau khổ biết bao nhiêu. Buồn quá, tôi bỏ vườn tược, nhà cửa, quê hương thứ hai để tình nguyện đi lính, tôi tìm quên bằng những trận đánh khốc liệt ở các mặt khu, rồi sau đó thuyền chuyển về Cà Mau, Rạch Giá. Chị thấy đây, hai vết sẹo trên bụng tôi, tôi bị thương đứt hai khúc ruột, một khúc ruột non và một khúc ruột già. Nay tôi đã ra loại hai và giải ngũ, công việc đầu tiên tôi nghĩ tới là về thăm làng...

Lý tiếp lời :

– Cả mấy năm nay không ai được về lại làng cả. Hiện nay làng chúng ta còn lại một khu đất hoang. Nước phá mỗi ngày một ăn mòn bãi cát,

một phần nghĩa địa. Trong làng thì đầy mìn bẫy, hầm chông, giao thông hào và vết xe cày.

Chú Thiết nhìn ra ngoài trời. Nắng trải dài một tấm thủy tinh bên này con đường xe lửa. Chú nhắm mắt lại cố hình dung rà làng cũ đã xa cách mười mấy năm nhưng trước mắt chỉ còn phá nước bao la ngày đêm ăn mòn, cái nghĩa địa trong ấy có ngôi mộ cha thì như nằm giữa một hòn cù lao quanh quế.

*

Từ bên kia ấp chiêu hồi, bọn lính ồn ào kéo sang đứng nghênh ngang ngoài quốc lộ rồi ùa vào quán. Một đứa cầm cái gậy tre giở tấm bạt nilông lên, miệng cười để lộ cả hàm răng bọc bạc :

– Chào cô Lý, lâu ngày, còn nhớ chúng tôi không ?

Lý cười duyên, mắt đưa tình :

– Còn nhớ, còn nhớ chứ, làm sao quên được các anh. Anh Tam, Anh Phúng, anh Trai, anh Kinh... à cả trung sĩ Bảy, thượng sĩ Thư nữa, xin mời quý vị ngồi.

Tam nói tiếp :

– Chúng tôi mới về đây hồi sáng, chuyến này chắc ở lại lâu.

– Vậy thì vui lắm, quý vị dùng bia nhé.

– Ừ, cho cả két ra đây.

Một người nói vội :

– Có để không, cho tôi để và một con mực nướng.

– Còn tất cả thì nhậu bia với lòng heo ?

– Tốt, đem hết ra đây, hôm nay là dịp gặp gỡ đáng nhớ, là ngày chúng tôi khao quân. Mời cô Lý cùng nhậu với chúng tôi. Ra đi đã gần nửa năm, sống bằng những trận đánh kinh hoàng, nhưng chúng tôi đã được sống. Quả đất tròn nhưng chắc gì xa nhau mà ai cũng gặp lại được.

Trai cao giọng:

– Từ chiến thắng chúng tôi trở về đây, hẹn buổi này để chung vui với người sống và tưởng niệm một số bạn bè đã đi vào lòng đất. Xin mời thượng sĩ, mời trung sĩ, anh em nâng ly, mời cô Lý.

– Phải, chúng ta đã chiến thắng, Hậu nói, chiến thắng, không phải

giết được nhiều quân thù, không phải tịch thu nhiều chiến lợi phẩm, nhưng kẻ thù số một của chúng ta là Tử thần, chúng ta đã đề bẹp được nó, chúng ta đã họp mặt từ vùng tử địa trở về. Chúng ta là những kẻ phải hát lên bài ca sống sót. Xin mời anh em nâng ly.

Biên đưa bàn tay lên che miệng ngáp. Sau những cốc rượu lỏng lạnh, mọi người đều thấy bàn tay Biên chỉ còn hai ngón rời xa nhau, bị thuốc súng nhuôm đen trông như cái nạng ná. Tất cả đều im lặng, họ ăn uống một cách say sưa như chưa lần nào được hưởng tới. Càng uống vết sẹo trên trán Biên càng sáng lên, Biên hãnh diện được một số người chú ý tới. Trong trí hần hiện ra một cánh rừng tranh nở đầy hoa trắng nơi trận đánh chớp nhoáng đã xảy ra, nơi

một viên đạn đã xẹt qua trán hắn mà không gây một sự đau đớn gì cả.

Trong lúc đó, Kinh đập vỡ một ly bia xuống bàn. Nét mặt y tràn đầy niềm hân hoan. Tiếng nói của y nghe rõ như nói trong máy khuếch đại âm thanh :

– Xin lỗi anh em. Suốt cuộc đời cô độc của tôi không có quyền hạn để đập phá một cái gì. Tôi chưa hề được đập phá một cái gì cả. Vâng, đã ba mươi mấy năm nay tôi bị lãng quên, tôi bị bịt mắt đi giữa một thế giới đầy những con đường mòn. Hôm nay, trong cuộc họp mặt này, trước mắt tôi toàn là những người được sống sót. Tôi muốn phá vỡ bức tường khốn khổ bằng một cuộc thí nghiệm đơn giản này.

Kính xoay người lại, sau cổ y mồ hôi cũng toát ra như trước mặt :

– Cô Lý, tôi xin lỗi đã làm một việc mà cô không thích. Cái ly này giá bao nhiêu, tôi sẽ hoàn trả bằng tiền mặt.

Lý vẫn giữ nụ cười trên môi :

– Được rồi, tôi xin nhắc lại lời mẹ tôi : chỉ có tình nghĩa là trọng, tiền của là đồ phù vân.

Có tiếng người khác chen vào. Tiếng nói đó, nghe buồn như hồi chuông tiễn biệt :

– Đời sống phải hoàn tất, như một con dĩa tròng phải vo xong những viên cát rồi bỏ đó, trên một bãi biển, trước sự gầm thét của biển cả. Hôm nay, chính giờ phút này, chúng ta đã thấy, mỗi một chúng ta phải hoàn tất.

Nhưng thôi, xin mời anh em uống cho cạn ly.

Phúng hỏi bạn :

– Anh thấy thế nào ?

– Toàn là một màu vàng nhạt. Tôi đang ở giữa một buổi hoàng hôn, không, lúc nào tôi cũng ở giữa buổi hoàng hôn cả. Tôi đang ở giữa một ngày của mùa đông thì đúng hơn, mặt trời chung quanh tôi đã bị mây mù che lấp. Con mắt tôi ra đi đem theo cả sự vui tươi của đời tôi. Thôi, nên quên, đừng nhắc tới một điều gì cả, chỉ có quên là cần thiết, là cứu rỗi.

Trung sĩ Bảy bây giờ mới nói :

– Hãy nâng ly. Trời đã chiều rồi. Chúng ta phải thanh toán hết trước khi mặt trời lặn. Phải chạy đua với

bóng tối. Chúng ta phải là những kẻ đến đích trước.

– Phải, chúng ta hãy nâng ly, chỉ có quên là cần thiết, là cứu rỗi.

Đoàn xe Mỹ chạy qua bỏ lại từng cuốn bụi lớn. Khi sắp ra khỏi quán, Tam hỏi Lý, có tin tức về Diệm không. Lý nói, gần một tháng nay không nhận được thư anh ấy. Một người khác nói chen vào, đời lính chúng tôi ra đi không hẹn buổi về, nhưng chắc chắn Diệm sẽ trở về, tình yêu níu kéo anh ấy về.

Một mình Lý ngồi lại trong quán, nó nhìn những giọt nắng bị héo lại ngoài hành lang. Nó nhớ tới đời chồng trước. Nhớ những toa tàu rộn rã chở đầy người, qua những sân ga, những thôn xóm trù phú. Nhớ ngày gặp gỡ Đường khi hai người đi chung

một chuyến tàu về Trung. Nụ hôn đầu tiên Đường trao cho nó khi con tàu đi qua hầm Sen. Năm ấy nó vừa mười tám tuổi, lần đầu đi ra ngoại tỉnh. Năm ấy Đường mãn hạn quân dịch trở về. Ôi hầm tàu thăm thăm tối còn lại trong lòng nó với hơi thở và tiếng động kỳ diệu của một thời làm con gái. Năm sau thì chàng tái ngũ và bỏ xác trên một ngọn đồi, không ai được thấy xác của chàng vì nó đã tan biến vào đất. Chỉ còn lại máu chàng nhuộm khắp mặt đồi, máu nhiều quá, vung vãi khắp nơi, người ta tưởng chừng như có chục người chết, nhưng ngoài chàng ra, không có ai chết nữa cả. Qua một đêm mưa rào, sáng dậy khi mặt trời lên, Lý được hậu cứ chở xe đến đó, nhưng không còn một dấu vết nào của chàng để lại. Nó đành phải trở về để lo đám tang. Một đám tang không

có xác chết, không có quan tài, không có ngôi mộ nào cả.

Chuyện cũ dần phai theo ngày tháng. Mẹ nó thường khuyên con : con phải làm cho có nhiều tiền để còn phải trở về quê, còn phải xây lăng cho cha con và đóng tiền làm nhà thờ họ nữa. Nghe mẹ nói, bây giờ thấy hình ảnh quê hương chỉ còn là một lần nước xa vời ngoài phá Tam Giang, lúc nào sóng gió cũng ầm ĩ.

*

Năm ngày sau khi toán Tâm-lý-chiến Dân-sự vụ của tiểu khu về cổ động chiến dịch hồi cư, trở về làng cũ thì Lý nhận được tin Diệm chết trong một cuộc đụng độ ngắn, dưới chân đèo Phước Tượng, nơi nó thường hình dung ra màu sắc bầu trời của mỗi buổi chiều. Xác Diệm được xe

nhà binh chở về, khi xe chạy qua quán, một người lính vào tin cho Lý hay. Nhưng nó không nói được một lời, đứng như trời trồng, nhìn theo cho đến khi người trưởng xa ra lệnh cho xe tiếp tục chạy, chiếc quan tài phủ quốc kỳ nằm gọn trên xe, trông xa như một nhụy hoa vàng nằm trong những cánh hoa màu đen. Ngày hôm sau, chú Thiết treo cổ chết trong ngôi trường mẫu giáo của khu định cư. Cái chết thật giản dị và không gây một xúc động nào cả. Chú Thiết chết có để lại một lá thư gửi cho mẹ Lý trong đó ghi lại vắn tắt một vài điều buồn bã lúc trở về và địa chỉ ngôi mộ vợ và hai con cạnh một sân ga gần đèo Rù Rì, ao ước được giúp đỡ đem về chôn ở nghĩa địa làng ngày nào đất nước thanh bình. Lá thư bỏ trong áo chú và khi toán nghĩa quân hạ xác xuống thì rơi xuống đất không ai biết tới.

Đến mùa thu ngày tựu trường, một đứa học trò nhặt được lá thư chữ đã nhạt nhòa. Sau giờ bãi học, đứa học trò tìm đưa cho Lý, lúc ấy đã thành một thiếu phụ ngồi ru con trong chiếc quán không người đến. Mẹ Lý cũng đã chết vì một viên đạn không biết ở đâu bay đến, găm trúng chóp vú, nơi ngày trước đã có dòng sữa chảy ra để nuôi con.

Trong giờ hấp hối, mẹ Lý đòi xem lại gia phả và gục đầu tắt thở trên những trang giấy đó. Lý ôm xác mẹ, miệng nó đung đến núm vú nhưng mắt nó thì chỉ thấy hàm Sen thăm thăm tối và cái nhụy hoa vàng cài trên chiếc xe nhà binh chạy mù trên đường.

HỒ MINH DŨNG
(mùa hạ, 1970)

**nhà Xuất bản KIM VIỆT vừa
cho phát hành**

DUNG NHAN

*** Thi phẩm thứ ba của PHAN
VIỆT THỦY**

*** Bìa : Hồ Hữu Thử — Phụ bản :
Nguyễn Hữu Nhật và Nguyễn Khai.**

*** một tập thơ thể hiện tuổi trẻ
trên Quê hương chiến tranh.**

Lộc Vũ

Thiên Di

*Anh khác nào chim thiên di
cất cánh bay đây hồn tiếc tủi
lòng những mong giọt nắng đầu
ngày*

*thấp mùa xuân trở về nhánh cũ
ôi mùa đông xác xơ đi qua
chim bay cao bay cao lú lo
khu vườn xưa hồng trong trí
tưởng*

qua những dòng sông những
đỉnh cây xanh

một ít sương bay cũng hồn rung
động

nhốt mặt trời non trong mắt
tháng giêng

trái mọng treo chờ

lá ru lời mật

chim cứ bay mặc tình ý nghĩ

Anh khác nào chim thiên di

ngủ một mùa đông bụi ngùi
thương nhớ

tuyết lạnh chân rung

gió se hồn mục

*lòng đứng đưng chờ
sớm mai mặt trời sẽ tới
một mặt trời rải nắng nguy nga*

*Anh khác nào chim thiên di
ngủ những hồi nao nức
trở về buồn trông khu vườn xưa
biến mất
đất hoang căn sỏi đá tro than*

*Anh trở về loài chim thiên di
khởi hành từ mùa xuân lửa ấm
về ngọn đông xứ của mặt trời
no gió ngàn đôi cánh mỗi mê.*

LỘC VŨ

Mường Mán

Về giữa mùa hè

Dưới đám lá xanh dày mịn, những trái bầu dài ngoằng, thông xuống một cách thoải mái. Là loại cây leo tương đối dễ trồng - chỉ trong vòng một tháng, từ cái giàn trống rỗng khô queo tre nứa, mẹ tôi đã có một giàn bầu nồn mướt sai quá. Chúng leo mọc luông tuồng không uốn nắn, ngọn, lá tràn cả ra bốn phía, xâm lược lên tới mái nhà. Có lần, một bà bạn mẹ tôi đến chơi, đứng ngó giàn bầu đã tằm tắc ví

von : « Cái thứ ni in như đàn bà mẩn con, hễ trồng không sống thì thôi, chớ trồng được nó ra trái lia lịa », nói xong, bà ngỏ ý xin ít cây con đem về, không quên xách theo một trái cỡ bự mẹ tôi có hảo ý hái biếu. Niềm vui của mẹ tôi bây giờ hình như chỉ còn thu gọn ở đám cây trái đó. Muốn làm đẹp lòng bà, không gì hơn thăm hỏi về việc trồng tía. Cái giàn không lúc nào bỏ ngỏ, nó tựa mảnh đất nhược tiểu, liên tiếp chịu sự chiếm cứ của đủ mọi sắc dân. Giống bầu tàn đến giống su su tàn đến bí ngô, mướp đắng. Cuối mùa, cái giàn gầy trơ xương mục, trông hết sức thảm hại, mẹ tôi phải thuê người chặt tre đan nứa làm lại. Cứ thế, khoảng sân trước nhà luôn có bóng mát và niềm vui mẹ tôi vun cao. Ít ra, cây cỏ cũng chia bớt với bà khoảng trống quanh hiu lữ chúng tôi bỏ lại. “Mỗi sáng

thức dậy ra thấy mấy chùm trái lớn hơn một ti, trưa chiều ăn cơm thấy ngon, sáng mô khám phá ra vài trái bị sâu tĩa hư là y như ngày đó buồn cả ngày, tụi bây đi hết, tau cứng mấy cây bầu cây bí chớ biết cứng ai chừ”, mặc dù mẹ tôi vừa nói vừa cười, nhưng khi nghe câu đó, tôi lặng người trong cảm giác đắng cay nghẹn cổ, không chống đỡ nổi, tôi lặng lẽ quay đi hoặc vắn vơ tảng lờ qua chuyện khác. Tôi có cảm tưởng, nếu lúc bấy giờ có một bà tiên đầy đủ uy quyền và phép lạ hiện ra như trong chuyện cổ tích hỏi tôi muốn gì, tôi sẽ ước ao xin được trở thành đứa bé con tóc còn để chỏm, để lặn vào lòng mẹ tôi khóc ròng, khóc tạ lỗi, khóc tỏ lòng thương mến, khóc lau xóa mất dấu cảm giác cay đắng kia đi. Chúng tôi, năm đứa - cuống rún cùng chôn dưới một luống đất, lần lượt dạt xa bàn

tay chăm chút của mẹ, xa căn nhà, khu xóm, vườn tược thân yêu bởi lý do này hay vì hoàn cảnh khác không cưỡng được. Đứa vì sinh kế, đứa theo chồng con, đứa mắc phải nghề binh nghiệp lính. Tôi là đứa ở trường hợp bất khả sau cùng.

Năm thì mười họa, trở về. Đứng dưới giàn cây trái nghe giọng nói kể của mẹ, cả một đoạn đời tưởng chìm lẫn trong trí lãng quên, giây phút xô ào về mời mọc mình nhìn ngắm lại. Khí hậu tuổi thơ bao trùm quanh khung cảnh quen thân, mấy bậc thềm có lần bước lên trượt chân vấp ngã. Cây cột đầu hè còn ghi dấu dao khắc ghi đo tầm vóc lớn. Anh Hòa cao hơn chị Nhẫn 10 phân, Huy thấp hơn Thành 4 tấc... vết dao cắt còn hằn trên gỗ bóng, nhưng chúng tôi có bao giờ cùng trở về họp mặt để

đo lại những ni tắc kia ? Cái bể chứa nước mưa, đêm nào tôi nghịch ngợm leo lên nằm vắt chân chữ ngũ dưới ánh trăng, để rồi ngủ lơ mơ lặn tòm xuống nước, ướt loi ngoi kêu khóc chị Nhẫn vớt ra. Đưa bé rời mảnh sân, rời bậc thềm, rời cái bể nước, rời những trò chơi quanh quất xó bếp, lớn theo ngày tháng. Quá khứ không hề thiếu máu, băng hoại, quá khứ không hề lên men thối mục hư, bởi tự bản chất nó kiến trúc bằng nhiều chất liệu tốt, gòn gũ, ròn. Vẫn có thể bới móc ra, mừng tượng được.

*

Tuổi thơ tôi được gọi là êm đềm với trăm ngàn nuông chiều dịu ngọt. Cái trí nhớ non nớt thời đó, không

ghi lại cho tôi ấn tượng dữ dằn nào. Khi lưng dài vai rộng, nhìn lui, mới biết đó là giai đoạn đau buồn nhất của mẹ tôi. Mỗi ngày tôi nhẩn nha cắp sách đến trường, trưa chiều cơm canh nóng sốt, quà bánh ê hề, tôi đâu nhìn rõ - hoặc quá ngây khờ để thấy những nét sầu lo trên khuôn mặt mẹ. Cha tôi vắng nhà hầu như suốt tháng suốt năm. Mẹ tôi giải thích gọn ghẽ : « Chú - chúng tôi vẫn thường gọi cha bằng chú - tụi bây đi làm ăn xa ». Mẹ tôi quán xuyến tất cả một cách đảm đang. Sự đảm đang trong cung cách ngạo nghễ của nền nếp nho phong và sự cương quyết không hề thiếu vẻ dịu dàng.

Năm tuổi, tôi búi vào gấu áo chị Nhẩn đến trường. Chị tôi học lớp tư. Óc tôi còn nguyên là trang giấy trắng chưa có chữ a, chữ b, dấu chấm, dấu

phẩy nào lọt vào. Vậy mà tôi vẫn nhất định kêu khóc đòi vào ngồi cho bằng được cùng bàn với chị tôi, không chịu xuống học lớp đồng ấu. Mẹ tôi phải nói với ông thầy lớp tư, vốn là người quen biết :

– Thầy cho nó vô ngồi trốn nắng, ở nhà không có ai chăm sóc, tôi bận công việc, nó nghịch phá đủ thứ, đi đang nắng ngoài bờ bụi với bụi tre hàng xóm suốt ngày.

Ông thầy lớp tư bằng lòng cho tôi vào ngồi cạnh chị Nhẫn để “trốn nắng”. Tới đó, tôi tha hồ kê cái đầu lên mặt bàn mà ngủ, đến giờ bãi theo chị ra về hết sức ngoan ngoãn. Nhưng cũng được đâu độ năm ba bữa, sau đó, đến giờ đi học, tôi trốn mất tiêu, chị Nhẫn kiếm xó góc nào cũng không có, đành xách cặp đi một mình, tôi chán cái lớp chị quá rồi,

không muốn đến “trốn nắng” nữa. Phải đợi lên tới 6 tuổi, tôi mới biết hình dáng tròn lẳn đáng yêu của chữ a và cái bụng thon thon của chữ b... Anh Hòa, người anh cả bao giờ cũng có nét mặt lầm lì, thường thường anh ấy chỉ chơi riêng một mình. Những trò chơi tôi không thể tham dự được, bởi tôi quá bé hoặc không lớn mật như anh ấy. Anh thường dụi sách vở vào bụi dâm bụt trước nhà theo bọn chăn trâu lẫn lộn suốt ngày ngoài đồng trống, da dẻ đen thui đen thui. Anh mê chân trâu đến nỗi mỗi đêm ngủ tay chân còn máy động miệng la ới ới “tắc tắc, rì rì...” Mẹ tôi gửi anh lên tỉnh nhà một người bà con trong họ, vì anh ấy học đến lớp nhất, mà ở trường làng chỉ dạy tới lớp nhì. Không biết chăm sóc việc học hành thế nào, một tháng sau người bà con về báo cáo :

– Hẳn đi theo mấy đứa du côn du kê ngoài chợ, tui chịu không nói hẳn được.

Mẹ tôi lại cất công lên tỉnh dắt anh đến một người bà con khác, lần này gặp phải ông cao tay ấn anh mới chịu đều đặn ngày hai buổi cấp sách đến trường. 1951, nhà tôi bị máy bay thực dân Tây phá sập (trong lúc chúng tôi đi tản cư và nhà thì Việt Minh chiếm đóng). Tình hình tạm yên, mẹ tôi dồn cả gia đình về ở trọ nhà ông bác. Ở đây tôi hơi bị gò bó một chút. Bác tôi cao lớn, râu mép rậm rì, đôi mắt sáng quắc nhìn chăm chăm vào mặt kẻ đối diện mỗi khi nói chuyện. Đời sống tôi đặt dưới sự kiểm soát của đôi mắt đó nên có phần không được thoải mái cho lắm. Ngoài giờ đi học, tôi tha thẩn đi chơi với người anh con bác tôi, hai đứa

bằng tuổi nhau, có nhiều điểm tương đồng trong ý thích nên sự kết giao này rất hòa thuận. Đánh đáo, đánh càn cù, đá kiệu chán, chúng tôi rủ nhau đi tìm mấy con vật chết (cắc kè, rắn mối, châu chấu... v.v...) làm hòm, bắt chước người lớn tổ chức ma chay đám táng. Trò chơi này hấp dẫn luôn bọn trẻ trong xóm, chúng kéo đến hưởng ứng khá đông. Ở trường về, mỗi đứa lôi trong cặp sách ra một con vật chết rồi bày việc phúng điếu, hẹn ngày đưa đám cẩn thận, quan trọng y hệt người lớn. Những con vật chết chúng tôi kiếm dọc đường tới trường. Dĩ nhiên, những con vật nhỏ, lép, không sớm bốc mùi hôi, chúng tôi mới lượm, thường thường là ve sầu, châu chấu hoặc chuồn chuồn... Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng dễ dàng tìm thấy những thây ma nhỏ nhắn kia. Nhiều buổi, cả bọn không

tìm ra cái xác nào cả. Ông anh con bác tôi mới nảy ra sáng kiến : ra đồng chụp châu chấu hoặc bắt bướm về bóp chết rồi chôn. Không biết vì hấp lực nào, chúng tôi bị lôi cuốn bởi trò chơi đó ghê gớm. Vạt đất trống sau chùa, vắng hoang cỏ dại, (nhà bác tôi ở cạnh chùa) là nghĩa trang dành cho những con vật khốn khổ kia. Bây giờ nhớ lại trò ma chay đám táng đó, tôi nghĩ có lẽ bọn trẻ chúng tôi ưa bắt chước việc làm của người lớn, những hội hè đình đám của họ. Chúng tôi đóng kịch khéo để nhái lại họ từ giọng khóc nã nùng thương tiếc, đến giọng ảo nã điệu vãn. Nhưng nào đâu biết hành động giết để cử hành đám tang trọng thể là có tội ghê gớm với trời đất thánh thần. Mỗi lần nhớ lại, tôi chỉ còn biết chắc lười : “Hồi đó còn nhỏ, mình đâu đã biết gì”, tự an ủi vậy, nhưng trong

thâm tâm tôi vẫn có chút hối hận. Nếu chúng tôi được sinh ra ở thành phố, hoặc nơi chốn nào khác, đầy đủ phương tiện văn minh vật chất hơn. Nơi mà đồ chơi của trẻ con không thiếu. Nơi có công viên để tới đánh đu khi chán đánh đáo, có rạp xi-nê rúc vào lúc chán ù mội, chia phe đánh nhau, hoặc có banh để đá khi chán tát cá ngoài ruộng. Ở quê, hồi đó một trái banh bằng da là cái gì rất hiếm, không thể có. Cả làng chỉ ông giáo viên kiêm thôn trưởng và vài ba người khác là có xe đạp, thì thử hỏi đoạn đường từ chốn tối om chúng tôi đến ánh sáng văn minh điện khí tỉnh thành xa vời biết mấy ? Nếu thông cảm như vậy, chắc trời đất thánh thần cũng tha lỗi, không nỡ trách phạt bọn trẻ chúng tôi đã phát minh ra cái trò chơi man rợ và kém vệ sinh kia.

Nhà bác tôi khá rộng, gian giữa kê một bộ ngựa, dài đến nỗi tôi có thể dang hết tay chân lẫn một vòng không sợ hụt té xuống đất. Vâng, bộ ngựa dài và bóng lộn. Chỗ của bác tôi nằm đọc sách chữ Hán hoặc viết giùm mấy cái đơn kiện tụng gửi lên huyện cho mấy ông hàng xóm. Bộ ngựa là nơi bất khả xâm phạm, một vùng đất cấm, phi chiến. Không có lý do gì để bọn tôi leo lên nô giỡn trên đó. Bộ ngựa, mùa hè đặt lưng nằm xuống mát cơ hồ dưới lưng có chèn nước đá. Từ khai thiên lập địa, cấm kỵ, rắn đe là quyền của người lớn, còn ý thích và nhu cầu nghịch phá bao giờ cũng là của bọn trẻ con. Nên nhiều buổi bác vắng nhà, tôi và ông anh con bác leo lên đánh kiếm tập tuồng hát bội. Đứa nào cũng đi chân đất nên dấu chân in rõ mòn một. Bác về, hai đứa nằm thẳng cẳng trên bộ

ngựa đó nhận ít nhất là mười roi cảnh cáo. Có lần tôi đi học, ông mãnh kia ở nhà. Ông bác trở về vào buổi chiều, thấy có dấu chân trên ngựa, ông gọi hai đứa vào, ông mãnh kia chối, tôi thì nhất định một hai là không rồi. Ông bắt hai đứa leo lên áp bàn chân lên dấu dơ để đo. Chân hai đứa cùng bằng nhau và y chang dấu tội lỗi, nên cả hai cùng thẳng cẳng nhận đòn. Tôi giận ông anh con bác muốn học máu mồm và thề chẳng bao giờ chơi với đứa-chối-leo-lẻo nữa. Trong loài động vật có vú, trẻ con là giống chóng quên, ngày mai lại cùng nhau đi rất thẳng hàng trong trò chơi đám táng.

Khoảng thời gian này, cha tôi thường trở về, không còn đi mất tăm mất tích nữa. Ông trở về vào lúc giữa khuya. Mẹ tôi thức chúng tôi dậy. Ông ôm hôn từng đứa. Ông cạ chiếc

cắm đầy râu vào mặt mũi tôi nhột hết sức. Dưới ánh đèn dầu lù mù, nét mặt ông trầm ngâm, đôi mắt xa vắng lơ đãng như thể không nhìn vào đâu cả. Chúng tôi thức dậy giương những đôi mắt buồn ngủ buồn nghệ nhìn ông. Ông có vẻ hiền dịu hơn bác tôi ở nụ cười. Mẹ tôi ngồi đầu giường mỉm cười trù mến. Thỉnh thoảng cha tôi ghé gần mẹ tôi, hai người thì thầm trao đổi với nhau chuyện gì đó, chúng tôi không thể hiểu nổi. Có khi nghe ông nói xong, mẹ tôi chau mày buồn rĩ. Ông ở nán lại chừng một giờ rồi sau đó quay lưng lết ra ngoài khuôn cửa, mất hút trong đêm thắm. Mẹ tôi tắt đèn, kéo mền lên tận cổ chúng tôi bảo ngủ đi, rồi bà lặng lẽ chui vào mùng, lặng lẽ thở dài.

Mỗi đứa chúng tôi đều có một búng bình bằng đất sét nung để dón

bạc lẻ. Một buổi chiều cuối năm, thấy chị Nhẫn, anh Hòa lấy búng binh ra đập vỡ, tôi cũng làm theo. Mẹ tôi đi ngang qua, bà ngồi xuống nhìn đồng bạc, bà cười nói với chúng tôi :

– Tụi bây định mần chi với ri nầy tiền ?

Chị Nhẫn, không biết học khôn ngoan ở đâu ra, chị mau mần nói :

– Để mua thuốc Cẩm Lệ cho chú.

Mẹ tôi ra nước mắt xoa đầu ba đứa khen giỏi, rồi bà bỏ đi xuống bếp. Chị Nhẫn ra chợ mua hai lạng thuốc Cẩm Lệ, một khoanh giấy trắng mỏng, chị gói thành một cục, đêm nào ngủ cũng ôm khư khư vào lòng đợi cha tôi về.

Mẹ thường bí mật bới xách đi thăm cha tôi ở nơi chốn heo hút nào đó, bà đi một mình và chẳng cho đứa

nào theo. Tôi hoặc chị Nhân hoặc anh Hòa xin đi, bà xua tay bảo :

Xa lắm, con đi không được mô, mỗi cảng chết, đợi chú về thăm cũng được.

Kết quả những lần đi thăm đó, chúng tôi có thêm một đứa em gái. Mẹ đặt tên em là Huy, vì chỗ cha tôi hồi đó, sau này tôi được biết là doi Mù Huy, một gò đất nổi trên cánh đồng bát ngát, dưới chân núi xanh, cách xa làng chừng mười cây số.

Thời con gái, mẹ tôi là con út của một gia đình trung lưu. Ông ngoại tôi vốn có chút máu nghệ sĩ. Ông sử dụng đàn tranh, đàn cò rất tài tình. Trong số bốn chị em, chỉ mình mẹ tôi có giọng hát khá và ưa thích hát, nên ông tập cho mẹ tôi thuộc khá nhiều bài Lưu thủy, Hành vân, Tứ đại

cảnh, Kim tiền, Nam ai Nam bằng... Đêm trăng, ngày mùa, ông tổ chức ca hát trong sân nhà. Mỗi ông cậu tôi, ông nào cũng biết sử dụng vài ba nhạc khí khác nên cả gia đình có thể gọi là một ban nhạc, có vài thôn nữ khác bằng tuổi mẹ tôi xin nhập vào nữa, thành thử những buổi họp mặt thường đông vui. Cha tôi là một trong số người tới nghe hát. Bởi các buổi ca hát tổ chức với tính cách hoàn toàn gia đình nên ai tham dự cũng được. Cha tôi bị giọng ca của mẹ tôi mê hoặc, ông không bỏ sót buổi hát xướng nào. Ông âm thầm kết thân với mấy ông cậu tôi, để chờ dịp tỏ tình với mẹ tôi. Mẹ tôi biết có người để ý đến mình thì đâm ngượng. Mẹ tôi phát biểu nhận xét về cha tôi : “Người chi mà ốm tong teo, cao cà khẳm cà kheo”, tuy nói rứa, nhưng trong lòng không khỏi cảm thấy xao

xuyến và hãnh diện đã có người mê giọng ca của mình. Nhưng mẹ tôi không chịu hát mỗi lần thấy có mặt cha tôi, dẫu ông ngoại có nói thế nào bà cũng không chịu hé môi hát nửa lời. Cha tôi buồn lắm. Mỗi đêm, ông thường giấu mặt sau hàng dâm bụt hoặc qua nhà bên cạnh nằm lắng tai nghe giọng hát của mẹ tôi. Sau gần hai tháng tương tư, ông nói với ông nội tôi mượn người mai mối tới xin hỏi cưới mẹ tôi. Cha tôi thở phào nhẹ nhõm khi người mai trở về báo ông ngoại tôi đã chấp thuận. Từ đó mẹ tôi không bao giờ hát cho đám đông nghe nữa. Mẹ tôi chỉ hát để ru chúng tôi ngủ. Nhưng tiếng hát thời con gái, tiếng hát hạnh ngộ đầu đời chẳng bao giờ còn rung lên nữa. Bây giờ, nếu có còn nhớ, chắc mẹ tôi cũng chỉ nhớ những khúc tình sầu mà thôi.

Một buổi trưa, đi học về, thấy nhà bác tôi đông nghẹt người, chị Nhẫn chạy ra ngõ nắm lấy tay tôi khóc :

– Chú bị Tây bắn ngoài đồng, người ta chở chú lên nhà thương rồi, mẹ cũng lên đó luôn.

Chị Nhẫn khóc, nước mắt ràn rụa trên khuôn mặt vốn trắng của chị, lúc này trông càng tái hơn. Chị dắt tôi vào nhà, đơm cho tôi chén cơm bảo ăn đi, chiều nay lên nhà thương thăm chú. Cha tôi bị Tây bắn, ông làm nên tội gì ? Tôi chẳng thể biết được. Tôi hỏi chị tôi, chị lắc đầu. Trong nhà, từ cụm người xúm lại bàn tán. Anh Hòa còn ở trên tỉnh chưa về. Tôi không hiểu, tôi không biết gì hết. Tôi bỏ chén cơm xuống bàn, ngó chị Nhẫn rồi khóc òa. Sau 18 ngày nằm điều trị ở nhà thương, xác cha tôi chở về trên cỗ xe hàng

cũ kỹ. Cha tôi chết, hai năm trước ngày đình chiến, trước khi quân viễn chinh Ma-rốc, Sê-nê-gan, Lê-dương xuống tàu về mẫu quốc. Năm đó tôi 6 tuổi, chị Nhẫn 9 tuổi, anh Hòa 14 tuổi, Thành 4 tuổi và Huy, em gái út của tôi, 1 tuổi. Cha tôi chết, có nghĩa là từ nay chúng tôi hết nghe tiếng mở cửa giữa khuya, hết hồi hộp chờ bước chân người nhẹ nhàng lướt đi ngoài bóng tối, mẹ tôi hết bới xách bằng đồng chỉ sá kiếm tìm, chị Nhẫn thôi mua những gói thuốc Cẩm Lệ ôm vào lòng nằm ngủ đợi người về. Hết, hết, hết, hết. Nỗi buồn mẹ tôi dài theo nước mắt, ướt đẫm suốt số tháng ngày đơn lẻ gởi chăn.

Một tuần sau khi hiệp định Genève chia phân đất nước tuyên đọc trên đài phát thanh Pháp-Á và công bố trên khắp các mặt báo, một

người đàn ông, mặc complet xám, đeo kiếng đen gọng vàng đến nhà, tự xưng là đồng chí của cha tôi. Nhân danh tình bạn cũ, hắn xin mẹ tôi cho anh Hòa theo hắn tập kết ra Bắc để nối chí anh hùng người cha đã vì quốc vong thân. Mẹ tôi, vợ thái độ kính cẩn và lo âu, bà xua hai tay :

– Xin cảm ơn lòng tốt của bác, xin bác để cho gia đình tôi được yên ổn, tôi chỉ còn mình nó là đứa lớn, như cái đầu tàu để còn kéo sắp nhỏ lên sau này.

Mẹ tôi tiễn ông ta ra cửa sau khi mời một tách trà đậm. Trước khi bỏ đi, như còn áy náy bởi sự từ chối của mẹ tôi, hắn nói :

– Tôi mãi còn nhớ những món quà chị bới về cho chúng tôi, hồi tôi còn ở chung hầm với anh.

Nhác thấy tôi đứng thập thò ở kẹt cửa, hần ngoắc tôi lại, móc túi lấy tờ bạc 5 đồng mới toanh nhét vào tay tôi, trầm giọng :

– Cho cháu để mua quà.

Mẹ tôi ra dấu cho tôi nói cảm ơn. Khi bóng người đồng chí cũ của cha tôi khuất sau rặng dương liễu trước nhà. Mẹ tôi quay vào vùi mặt xuống gối khóc ngất.

Mẹ tôi dành dụm được một số tiền kha khá. Bà quyết tâm dựng lại mái nhà đổ nát, không muốn ở chung với bác tôi nữa. Ở nhà kẻ khác, sao bằng được ở ngay nhà mình, dẫu người ta có tử tế với mình, mình vẫn mang tiếng là ở đậu. Mẹ tôi nghĩ như vậy và chúng tôi kéo nhau về trên nền đất cũ. Nền đất cũ : sự kết hợp ngoạn mục của vôi vữa, gạch nát, đá vụn,

gỗ cháy, cỏ lác, cỏ lùng, cỏ bông gà, cỏ cú, cỏ may... và hiu quạnh. Bác tôi đứng ra trông coi giùm việc cất nhà, nên công việc hoàn tất chóng vánh. Lúc này, chị Nhẫn thôi học, chị ở nhà giúp mẹ tôi việc buôn bán. Tôi đến trường một mình. Trường làng đã bị phá sập, tôi học lớp nhì ở một trường do các bà phước trông coi (trên đất làng láng giềng). Ngôi trường nằm cạnh ngôi nhà thờ lớn thủng mái. Mỗi buổi chiều tiếng chuông đổ ngân nga nghe buồn bã lạ lùng.

Tôi đi học một mình, mẹ tôi không yên tâm chút nào. Bà qua nhà hàng xóm mượn đưa con gái ông giáo Phương bên cạnh nhờ coi chừng giùm tôi. Đoạn đường đến trường khá xa đối với tôi, một đứa bé 9 tuổi. Mẹ tôi áy náy sợ tôi té xuống cầu xuống lạch mà không ai hay biết.

Con bé học cùng lớp với tôi nên thật tiện, mỗi lần đi học, nó đứng trước cổng gọi ới ới là tôi cắp sách chạy ra đi theo nó. Nó lớn hơn tôi 5 tuổi, mẹ tôi bắt tôi gọi nó bằng chị, tôi cúi đầu vâng dạ. Con bé có đôi mắt thật hiền và một cái răng cửa sún, có cái tên giống đôi mắt : Hiền. Tôi chỉ đi chung với Hiền trên đường, đến trường tôi chạy theo bọn con trai cùng lớp chơi với tụi nó, Hiền cũng chơi riêng với bọn con gái ngồi cùng bàn. Lâu lâu Hiền nhắc nhở tôi :

– Có đứa mô hăm đánh là tới kêu chị liền nghe.

Một bữa, tôi sừng húp mặt mày vì bị một thằng oắt xô té nhào từ tầng cấp xuống. Tôi vác cái mặt đó đến Hiền. Nó dời khỏi đám bạn gái của nó, trợn mắt :

– Đã dặn là đưa mô đánh thì kêu chị gấp, quên lời dặn, chẳng thêm dắt đi học nữa mô.

Tôi bị đau sẵn nên tức tối cãi :

– Thì đang đến kêu chị đây.

Hiền ngúng nguẩy :

– Nó đánh rồi thì kêu làm chi ?

– Nó chưa đánh, nó mới xô ngã thôi.

Con bé chột hiệu, nó cầm tay tôi chạy băng qua sân, hỏi nhanh tên đưa xô tôi, tôi chỉ thẳng oắt đứng lấp ló sau cửa sổ. Nhưng Hiền không chạy tới phía “kẻ thù” của tôi. Nó kéo tôi vào Văn phòng trình lên Sœur bề trên. Trong thâm tâm, tôi chỉ muốn Hiền đánh vỡ mặt thằng đó, ít nhất để nó cũng sừng vù như tôi. Hiền

không đánh mà lại đi mách với Sœur thì ích gì. Chờ Hiền lễ phép nói với Sœur bề trên xong, tôi kéo nó ra sân giận dữ nói :

– Răng chị không đánh thẳng nó, lại đi mách, mách thì ích chi ?

Hiền biết tôi nổi giận, hạ giọng, vừa ngọt ngào vừa kẻ cả :

– Đánh chi cho đau tay, để chị bề trên cho nó độ 5 điểm xấu, chạy đằng trời tháng ni nó cũng đội sổ.

Nghe Hiền nói thẳng đó sẽ bị điểm xấu, sẽ đội sổ tôi hơi nguôi lòng. Như để an ủi, Hiền dắt tôi vào nhà ông cai trường mua cho tôi hai trái ổi thật lớn. Cái tính ham ăn của tôi, riết rồi Hiền cũng biết ý. Mỗi lần cho tôi cái gì thì phải nhiều hoặc phải to tôi mới chịu lấy. Kinh nghiệm ấy, Hiền học được hôm chia cho tôi nửa trái chuối,

tôi phụng phịu không nhận. Hiền hỏi gạn, tôi đáp gọn lỏn :

– Không thích ăn cái gì một nửa.

Con bé thông minh đáo để, chỉ một lần đó thôi mà nó nhớ đời.

Một ngày mùa thu. Đang giữa buổi học, không dưng tôi thấy choáng váng mặt mày, mắt nổ đom đóm. Tôi gặp người nôn thốc tháo nước xanh nước vàng lẫn thức ăn của bữa ăn sáng xuống gầm bàn, Sœur Camille ngừng giảng bài đi xuống, nâng tôi dậy bảo có lẽ trúng gió. Sœur gọi hai đứa học trò lớn dìu tôi lên phòng Sœur nằm nghỉ. Sœur lên theo, lấy dầu khuynh diệp thoa khắp mình mẩy, dặn tôi nằm im, cố nhắm mắt ngủ. Nằm trên chiếc giường lót drap trắng tinh, tôi ngoan ngoãn làm theo lời Sœur. Nhắm mắt một lúc,

tôi càng thấy choáng váng hơn. Tôi mở mắt thao láo nhìn lên đỉnh mũng trắng lênh đênh treo giữa căn phòng vuông vắn, tường quét vôi vàng, những cánh cửa sơn xanh khép hờ, ngăn cách khu lớp học ngoài kia. Sœur Camille trở lại lớp. Tôi nằm một mình với cái óc quay quay và cái bụng trống rỗng. Vài phút sau, lão cai trường bung lên cho tôi ly nước trà và hai viên thuốc. Lão đợi tôi uống thuốc xong, mới cẩn thận khép nhẹ cánh cửa đi ra. Uống thuốc vào, tôi càng khó chịu, bụng cồn cào và cái óc vẫn không chậm nhịp quay chút nào, y như có cái quạt máy trong đầu. Tôi thiếp đi trong thứ ánh sáng dịu dàng hắt từ mấy cánh cửa sơn xanh, tiếng chim líu lo đâu đó trên mái nhà. Tôi thức dậy lúc hồi kiếng bãi học vang lên phía nhà chơi. Cánh cửa phòng hé mở. Hiền nhẹ nhàng đi vào, đến

đứng bên tôi, im lặng. Mồ hôi toát ra ướt đầm dán áo sát vào da lưng. Tôi nhồm dầy ngồi tựa lên thành giường hỏi Hiền :

– Bãi rồi à ?

Hiền lui ra lúc thoáng nghe tiếng chân bước đầu thềm. Sœur Camille đi vào, bỏ tập sách lên chiếc tủ thấp cạnh cửa sổ, trên mặt tủ có lọ hoa cắm ba nhánh bông hồng đỏ chói. Sœur quay sang đặt bàn tay lên cái trán rịn mồ hôi của tôi, bàn tay Sœur thật mát. Sœur dịu dàng :

– Thấy khỏe chưa em ?

Tôi nuốt nước bọt, nghe đắng khô dọc cổ họng. Không biết bởi sự dịu dàng của Sœur hay sự im lặng của Hiền xui tôi cảm thấy tủi thân.

Không dung tôi ứa nước mắt. Con

buồn khóc giống hệt những lúc tôi làm nũng với mẹ. Sœur ra dấu cho tôi nằm xuống đắp chăn bông lên tận ngực. Thấy Hiền còn thập thò đứng ở cửa, Sœur ngoắc Hiền vào :

– Em ở gần nhà Quảng phải không ? Về nói với mẹ Quảng chiều tới đón em về, trưa nay em tạm ở lại đây đã.

Hiền cúi đầu dạ khẽ rồi thoăn thoắt nhảy xuống mấy bậc cấp.

Sœur ra khỏi phòng. Một lát trở vào mang theo ly sữa. Sœur kéo ghế đến ngồi cạnh tôi. Cử chỉ Sœur giống mẹ tôi in hệt. Tôi ngạc nhiên nhìn Sœur. Sœur không còn bịt tấm khăn đen trên đầu. Sœur mặc áo cụt trắng, thay vì chiếc áo chùng đen vẫn mặc mỗi khi bước vào lớp học. Sœur trông lạ hoắc, với mái tóc cắt ngắn

gọn ghẽ. Sœur đang ngồi cạnh tôi đây. Đôi mắt trù mẩn và miệng nở nụ cười ngát vẻ thương yêu. Tôi ngồi dậy như không còn đau đớn gì nữa. Tôi cầm lấy ly sữa Sœur đưa, nốc gần cạn. Sœur gật đầu tỏ vẻ bằng lòng. Bờ môi chúm của Sœur khẽ thoát ra lời nói nhẹ :

– Nằm xuống và ngủ đi em.

Tôi ngoan ngoãn đắp chăn nằm xuống. Sœur đứng dậy đi ra khỏi phòng. Cánh cửa đóng lại, tôi đoán thầm có lẽ Sœur đi ăn cơm. Tôi cảm thấy dễ chịu hết sức. Tôi ngửa mặt ngắm tấm ảnh Đức Mẹ đồng trinh lồng kính treo trên đầu giường, mỉm cười nghĩ đến mái tóc của Sœur. Đây là khám phá mới lạ của tôi. Khi lành bệnh, tôi sẽ nói cho tụi cùng lớp nghe, chắc tụi nó thích thú lắm. Bởi từ lâu đứa nào cũng tưởng các Sœur đều

trọc đầu như những tu sĩ nhà chùa. Tôi sẽ nói ra điều bí mật này, tội nó phục lẫn là cái chắc. Niềm vui như cơn gió mát la thổi qua lục địa mùa nóng bức, giúp tôi tươi tỉnh hẳn.

Điều bí mật về mái tóc của Sœur Camille, người đầu tiên tôi đem ra kể là Hiền. Hiền không chịu tin. Nó nhất định cho tôi nói phịa. Tôi tức càn hông, không thêm bàn tán với Hiền về chuyện đó nữa.

Sau ba ngày nghỉ dưỡng bệnh, tôi đến trường, và dĩ nhiên, cái điều bí mật ấy lan rộng trong lớp. Tội chúng bàn tán xôn xao. Có đưa tin, đưa không tin. Chúng nó chia ra 2, 3 phe bàn cãi. Rốt cuộc, không biết do chú ôn con dịch vật nào mách lại, Sœur Camille biết được. Buổi chiều, Sœur kêu tôi đứng dậy trong giờ toán pháp, Sœur nghiêm giọng :

– Tò mò là một tính xấu, nhất là trẻ con lai tò mò tìm hiểu chuyện người lớn. Các em trong lớp này mấy hôm nay chắc ai cũng đều biết trò Quảng đã phạm cái lỗi nặng đó, về chuyện chị có tóc hay không. Để cảnh cáo, trường quyết định đuổi trò Quảng trong một tuần lễ. Chị mong lần sau Quảng cũng như trong lớp không còn ai mắc phải tật xấu đó nữa.

Bọn học trò ngồi im thím thít. Hiền ngồi bàn đầu, ngo nguậy cái đầu ngoái cổ nhìn tôi. Tôi cúi gầm mặt, tầm mắt thẳng góc với cái bút nịt và hai tay thừa thãi, không biết đặt đâu cho đúng chỗ.

Chiều hôm ấy, trên đường trở lại nhà, tôi đi bên Hiền thình lạng. Hiền cố gọi đủ mọi thứ chuyện, tôi vẫn câm như hến. Hiền ngược nhìn bầu trời đục ảm những mây, kéo tay tôi :

– Đi lẹ lên, trời sắp mưa tới nơi.

Tôi giật phắt tay lại. Hiền không hề đưa tay ra lần thứ hai, có lẽ con bé chán ngấy cái bản mặt làm lì của tôi. Hiền chạy lúp xúp bỏ tôi một quãng xa. Tôi vẫn cố đi thật chậm, tỏ vẻ không cần đến sự có mặt của Hiền trên trái đất này nữa. Gió xô cuốn ào ạt cây lá trên đầu. Tôi vừa đi vừa nghĩ những lời nói dối để chạy tội với mẹ tôi, vì thế nào Hiền nó cũng mách lại rằng tôi bị đuổi, Từng đợt mưa mỏng bắt đầu tạt ngang trước mặt, sau lưng, tứ phía. Bóng Hiền mất hút sau màn mưa, không còn nhìn thấy. Tôi nhét cặp vào dưới áo cầm cổ chạy. Ngang qua sân đình, tôi nghe tiếng gọi của Hiền. Con bé đứng dưới hàng hiên, hai tay ôm vòng cây cột lớn. Nó nhìn tôi ướm loi ngoi như chuột lột cười ngặt nghẽo. Tức khí

bốc lên thấu đầu, nhưng tôi vẫn chạy lại chỗ Hiền đứng, quay lưng lại, giả vờ rũ rũ hai vạt áo ướt. Hiền dời cây cột, đến đứng cạnh tôi, cố nín cười, nghiêm trang bảo :

- Quảng cởi áo ra chị vắt cho khô, bận áo ướt đau chết.

Tôi bực tức đá cục gạch vụn dưới chân xẵng giọng :

- Chết bỏ.

Hiền càng trêu già hơn.

- Chết thì chôn chơ rằng lại bỏ.

Tôi vụt chạy ra khỏi hàng hiên, làm như mưa gió chẳng hề hấn gì đến tôi hết. Hiền chạy theo chụp cổ áo tôi lôi vào. Không thể nhịn được nữa, tôi quơ tay đẩy xô Hiền túi bụi. Nhưng rốt cuộc, tôi vẫn bị con bé

dồn vào cây cột giữa đình. Hiền mím môi, mặt rần đanh trông thật dữ tợn. Nó còn quyết liệt và mạnh gấp mười tôi. Lưng tôi dán chặt vào cây cột cứng ngắt. Hai bàn tay Hiền lần mở cúc áo của tôi. Tôi chỉ cao ngang vai Hiền, nên lúc này bờ vai trái của nó ghim vào cổ tôi không nhúc nhích được. Tôi vùng vẫy cố thoát một cách tuyệt vọng, Tôi la ới ới và Hiền cười như nắc nẻ. Tôi điên tiết húc đầu vào ngực Hiền, vẫn không làm nó yếu đi chút nào. Tôi muốn ngộp thở dưới hai cánh tay ồm teo nhưng rắn chắc của nó. Túng thế, tôi đành dờ món “cầu quyền” ra. Tôi há miệng cắn vào chỗ nhôn nhon trên tấm ngực mỏng của Hiền, chỗ gần miệng tôi nhất. Cái “nún cau” mới nhú của con bé bị một cú đau điếng. Hiền co rúm người lại dang thẳng tay tát vào má tôi đánh “bốp”, đầu tôi dội vào cây cột thêm

một tiếng “cộp” nữa. Hiền dời khỏi tôi với chiếc cúc áo trên tay. Tôi cúi xuống nhặt lệ cái cặp sách vắt lăn lóc trên nền đá chạy biến vào màn mưa trùng điệp, không ngoảnh lại. Hình như lúc đó tôi khóc thì phải. Nước mắt hòa với mưa khó phân biệt. Chỉ biết đôi mắt cay xè.

Sau cái hôm tôi dỡ cầu quyền ra chống đối Hiền, con bé chẳng bao giờ sang rủ tôi đi học nữa. Mẹ tôi không hề hay biết gì về việc đó, vẫn ngỡ thường ngày hai đứa còn đi học với nhau. Tới trường, Hiền tránh mặt tôi. Nó làm ngơ coi như trong lớp nó đang học không có đứa nào tên Quảng nữa. Tôi ở lại với mẹ tôi suốt mùa hè niên khóa đó. Năm sau tôi lên tỉnh học nốt lớp nhất và chương trình bậc trung học. Hiền thi xong bằng Primaire, lấy chồng, đẻ con,

trở thành cô giáo trưởng làng. Ngôi trường tôi đã từng bấu theo gấu áo chị Nhẫn vào “trốn nắng” hồi 5 tuổi.

*

Tháng sáu, mặt trời trông đứng trên cao. Tôi trở về. Ngồi trên bậc cấp, trước thềm. Chân trần áp lên mặt đất mát lịm. Trí nhớ lao đao và mắt ráo hoảnh vẫn vờ nhìn lên những trái bầu dài thông. Tấm lá xanh um đong đưa rung rinh muôn ngàn cánh nắng. Tôi ngồi ở đó, nhìn mẹ tôi ngày mỗi già thêm bên lũy cây trái vườn nhà. Giữa không khí quen thân. Rộn ràng tiếng chim gù trên mái ngói. Mênh mang tiếng ve sâu dọc dài những ngọn dương cao. Tôi nhắc lại thời đầm ấm xưa. Nói về cha tôi. Nói về ngày thơ ấu của tôi,

của anh chị em tôi, như trong cơn mê hoảng. Để nghe tiếng nói kể thân yêu của mẹ tôi, bao giờ cũng bắt đầu bằng ba chữ : ừ, hồi đó... ừ, hồi đó không như bây giờ. Sự chia lìa là vết dao cắt, chia năm xẻ bảy, đứt đoạn, vụn rời. Có vá vúi chắp nối lại được chẳng nữa cũng chỉ nhờ hoài niệm. Hỡi anh Hòa, chị Nhẫn, Thành, Huy, hỡi Sœur Camille, hỡi Hiền thân mến ! Tôi vừa trở về, lòng bình an thanh thản như mùa hè lộng gió trên cao. Hỡi những bóng mát che rợp thời niên thiếu tôi ! Hỡi mẹ, mẹ có còn nhớ những khúc ca đầm ấm thời mẹ về với cha, có lụa là khăn dài áo cưới. Hay bây giờ mẹ chỉ còn nhớ những khúc tình sầu ?

(tặng mẹ tôi và giàn bầu sai quả)

MUỜNG MÁN

Hoài Tuyết Trang

Đi giữa hoang đường

*Hôm tôi về khoác linh hồn của
gió*

*(Gió lênh đênh gió xuôi ngược
một đời)*

*Khi trở lại khung trời xanh thừa
đó*

*Chút mây hồng ngày ấy đã mù
khor*

Như cánh chim bay về rừng núi
cũ

Nhìn thân yêu vùi xác lá khô tàn

Con nai lạc gần ngõ từng bước
nhỏ

Nghe lòng mình thương nhớ
bỗng mênh mang

Chân đã mỏi trên dặm đường
phiêu lãng

Tình cũng phai từ buổi cách chia
người

Ngày tôi về đứng bên mồ dĩ vãng

Trăm nhánh sầu vừa rũ bóng
trong tôi

Xin an phận giữa cõi đời sa mạc

*Nay dừng đây hãy tạm lãng
quên đời*

*Mai theo gió lang thang về nẻo
khác*

*Buổi lên đường tôi sẽ tiễn đưa
tôi.*

HOÀI TUYẾT TRANG

Phạm Ngọc Lư

Nước xoáy

Nỗi đau đớn của Độ cũng dần dần nguôi ngoai không ngờ.

Trái với điều anh nghĩ trong đêm cuối cùng ngồi giữa bồn cỏ bệnh viện : mai bước ra khỏi chiếc cổng sắt kia chắc ta sẽ đau khổ chết ngất mất thôi khi chạm phải bộ mặt vô tâm của đời sống, thứ đời sống chỉ chấp nhận và dung dưỡng những kẻ còn bình thường nguyên vẹn ! Anh đã vén quần lên sờ vào các vết thương trợn tru

da non, bồng nổi giận vô cớ, muốn ngắt muốn xé chúng ra cho máu mũ tuôn chảy xối xả, muốn đập gãy ống chân rồi nằm què quặt bất tỉnh suốt đời nơi đây. Đời ? Độ còn dính dáng gì đến nó ? Những hơi thở mơn chỉ làm ngực anh rỗng không, lép mỏng. Cái nặng gỗ thô cứng muốn kẹp nát xương vai. Người vợ bỏ đi lưu lạc vô tăm tích. Chẳng còn gì chờ đợi Độ bên ngoài chiếc cổng sắt kia thật sao? Trừ phi vô vàn những trái phá trong tim người, những viên đạn giữa mắt đời chực nổ vào anh. Độ chua xót vung cây nặng đập vào chiếc ghế đá dữ dằn. Anh nghiêng rằng trèo trẹo để khỏi khóc nấc lên.

Vào buổi sáng xuất viện, trời nắng vàng hanh trên những mái ngói nâu, xuyên qua mấy hành lang dài thấp thoáng. Độ co ro bước ra khỏi

cổng, ngõ ngang với khung cảnh trước mặt một phút. Anh nhắc đi từng bước nặng nhọc, cảm thấy lạ tai với những âm thanh khô khan đều đặn của chiếc nặng gỗ khua trên lề đường. Cái gì đối với anh thấy thấy đều mới lạ. Cây cối, nhà cửa, xe cộ... đều mang vẻ mặt sinh động tươi tắn. Có lúc lâu, Độ đã quên bằng mình đang là kẻ tật nguyền lệch thẹo. Anh nghe xương cốt máu tủy trong người giãn nở, lớn dậy, hồng hào như màu nắng ấm áp. Độ kêu xích lô ngồi lên phố, anh phải sống phải chơi thỏa thuê như mọi người chung quanh với cọc bạc lương lãnh hai ba tháng nay chưa sút mẻ một đồng. Còn thiết gì nữa. Độ muốn quên mình, muốn xích gần lại với cuộc đời cũ mới ngày nào đó, đau xót thay ! Ngày nào anh đi với người vợ nhỏ trên những đường phố quen thuộc này, gấp gáp với mấy

giờ đồng hồ ngăn ngủi trốn đơn vị về : bùn đất, tóc râu, thương nhớ trông thật thảm hại nhưng nào có hề gì, nàng từng sẵn đón chiều chuộng và không ngớt lo lắng cho anh. Độ luôn miệng nhắc nhở đến ngày yên ổn trở về quê rào giậu cho nàng nuôi một vườn gà, một đàn ngỗng còn anh thì xách mồi đi bẫy chim cu trên những cồn cát hoặc thả lưới cá trong đầm, mặc sức phơi nắng cháy da như hồi còn nhỏ... Nàng từng nói : rồi mình cũng có một đứa con nữa chứ, để nó chơi với vịt gà cá chim cho vui bầu bạn, anh thích không ? Không, tất cả đã trở mặt phản bội ! Người vợ nhẹ dạ bỏ đi đành đoạn lúc anh vừa gục xuống giữa rừng bên những tiếng nổ chát chúa. Chẳng còn gì, hai tháng treo chân nằm thoi thóp trong quân y viện, không ngày nào anh khỏi chảy nước mắt chửi thề :

– Mẹ kiếp, sao hôm ấy tao không chết khuất đi, còn sống gì thêm túi nhục thế này, quân chó má !

Hai tháng với năm sáu lần gì đó người chị tới thăm, xót xa nhìn Độ rưng rưng thở dài rồi buột miệng mắng nhiếc đũa em dâu khốn nạn hết lời. Chẳng còn ai, mỗi ngày mỗi đêm còn lại Đô đơn chiếc nằm ngược lên đôi mắt vàng hoe can đảm ngó cái chân phải đang dần dần teo tóp co rút tội nghiệp. Nhiều lần anh thêm một cơn say túy lúy, say mù mịt tim óc gan ruột để có thể cầm dao cắt vứt khúc chân mình đi mà không hề hay biết, đau đớn. Lúc này, ngồi trong một quán nhậu, cái cảm giác thêm thường tốt độ ấy lại trở về, anh khoan khoái uống từ chai bia này tiếp chai khác. Phải quên hết mọi tai họa. Phải cảm ơn chiến tranh không còn

cho ta cầm súng. Phải ăn mừng đôi mắt còn sáng ngó đời đen bạc. Bởi thế nào ta cũng tìm gặp em lại. Khi Độ bắt đầu chệnh choáng, anh lơ mờ thấy một người lính biệt kích cụt chân đang chống nạng băng qua đường, ống quần bay phơ phất trông thật trơ trẽn. Tự dưng Độ cảm thấy thương xót anh ta quá đỗi, anh quên băng cây nạng gỗ gác dưới gầm bàn. Độ đứng dậy, chơi vơi hai tay một lát rồi rút phịch xuống chỗ ngồi, miệng kêu thầm : “Vì đâu, vì đâu ?...”

*

Nỗi đau đớn của Độ cũng nguôi ngoai dần từ hôm anh theo đò máy về quê thăm người chị. Độ không buồn lo nghĩ gì nữa, thơ thới trong cảnh tịnh dưỡng. Anh biếng nói, lười ra

khỏi nhà, suốt ngày nằm đọc những cuốn truyện tình lãng nhãng mặc cho đứa cháu nhỏ ngồi sờ sẫm vuốt ve cái chân anh bị tật, chán rồi nó quay qua chơi với chiếc nặng gác bên giường. Thỉnh thoảng chị Thìn bỏ hàng quán đem về cho anh một con cua luộc, ít trái dưa leo hoặc bọc nước đá chanh, miệng cứ xuýt xoa :

– Trời, cậu nằm miết vậy chân nó bại hẳn cho coi !

Độ rầu rầu :

– Chớ chị bắt đi gặp từng người quen đề xin chút lòng thương hại hờ ? Với lại, nhìn cảnh xóm làng đổ nát em đau xót còn hơn nhìn mình bán thân bất toại.

Nói vậy nhưng rồi lâu lâu Độ cũng cặp nặng khập khiễng lên quán chị Thìn ngồi. Quán che sà sài bằng

mấy tấm tôn để trống ba mặt cho gió lộng. Mái phủ thêm ít rơm rạ, lá dừa cho bớt nóng. Hai cái bàn gỗ dài đầy bụi, năm bảy chiếc ghế sắt sơn xanh bỏ ngổn ngang. Sát bức phen gỗ tạp kê một cái kệ sắp từng hàng bia, cam, nước ngọt cùng ly tách, thùng đựng nước đá. Bên cạnh, một cái tủ nhỏ bốn chân ngâm trong bốn cái lon nước để trừ kiến, bên trên gồm ba ngăn chứa những lon sữa, những lít dầu ăn, đường, muối, đồ gia vị và nhiều thứ linh tinh lặt vặt khác. Đám khách thường trực là mấy chú nghĩa quân choai choai quen mặt đến ngồi chuyện vãn suốt buổi, xưng chị em thân mật với Thìn mà không cần phải mua gì, họa hoằn họ ghi sổ lấy ít điều thuốc hút qua loa cho ra vẻ chịu chơi một chút. Ngoài ra, chỉ còn có tốp khách đường xa chờ chờ. Bọn họ chỉ đứng ghé đầu vào bóng râm, mặt nôn

nóng bồn chồn không ngừng dỗi mắt ra phía đầm nước mặn sốt ruột chửi thề. Vài kẻ mỗi chân tìm cái ghế ngồi nhìn lên một góc, quay lưng lại phía Thìn trông về những miệt làng ven biển ở bên kia đầm, nét mặt xa vắng. Quán của Thìn mặc nhiên được coi như nơi ngồi đợi đồ chứ không phải chỗ để uống một ly đá chanh hay chai nước ngọt. Cho dù có khát khô cổ, nóng hầm mồ hôi, bọn khách hình như chỉ ngong ngóng trở về sớm với bóng mát gia đình, thư thả nốc một gáo nước lạnh cũng mát lòng hơn.

Độ cảm thấy thương xót sự kiên nhẫn của người chị nhưng đôi lúc anh phát cáu kêu lên :

– Chị dẹp cha cái quán ở nhà đâu có chết đói mà lo !

– Thì buôn bán chặt mót cho qua

ngày đoạn tháng. Cậu biểu tui ở nhà làm gì bây giờ ? Được làng xóm yên ổn cũng mừng rồi nên mình lo sinh sống nuôi con chó.

Từ hồi công binh Mỹ hoàn thành xong con đường xương sống dài bảy tám cây số băng ngang đồng cát mênh mông nối liền với quận lỵ, sinh hoạt xóm định cư này bớt cô lập, lẻ loi. Người ta có thể lên tỉnh xem xi-nê, gặp bè bạn, thăm bà con và trở về trong nội nhật. Không còn những cuộc chạm súng lớn xảy ra chung quanh. Người qua về trên đằm nước mặn nướm nượp suốt ngày. Đôi khi Độ chợt bắt gặp hình bóng thời trai trẻ của mình còn lớn vờn đầu quanh đây : thân trần rám nắng, lực lưỡng gan lì. Đằm nước như vẫn còn soi ngấm vóc dáng anh. Đô nhận ra vẻ ngụt ngùi tiêng tiếc khi thở mùi bùn

chết, mùi rong khô nắng và con đò đi vào vùng sương khói mỗi sớm mai qua bên kia những cồn cát ven biển chở ánh mặt trời về đã nát thủng rã rời từng mảnh. Người vợ điêu ngoa quá quắt đành nhẫn tâm xẻ ván bán thuyền ra đi. Đò chỉ còn cây nạng lần mò khua động vu vơ vào sự vắng bóng. Cây nạng mai kia có ném xuống dòng nước chắc cũng chìm lỉm mất tăm.

– Có chắc gì con vợ em về lại đây không chị ?

– Đò hư đốn ấy đừng nhắc tới nữa...

– Em chưa quên nó được. Chị có tin rằng em còn đủ sức giết chết nó ?

Đò nghiêng chặt rằng, mắt trừng trừng đỏ kè, cái chân bị tật run lẩy bẩy không dẫn lại được.

– Oan gia nghiệt phụ! Vì đâu, vì đâu ?

– Bởi chiến tranh hết mà em !
Thôi đừng hằn học nữa, về nghỉ đi.

Chiến tranh? Nó bao quát mênh mông quá đỗi, biết nhắm vào đâu rõ rệt mà thù hằn bạo hành cho nguôi ngoai cơn giận. Độ đập cây nạng xuống mặt cát dồn dập.

– Nó chỉ có nước vào Đ.N. làm dĩ. Ngựa thượng tứ mà !

– Tại hồi trước em hung hăng bộp chộp quá thành thử vớ nhầm đồ hoang đàng...

Độ la to :

– Chị đừng nói nữa, tui phá nát quán bây giờ!

Anh cặp nạng nhắc đi từng bước

một nhọc. Lên tới con lộ, anh tìm một gò đất cao đứng ngó về xóm định cư thừa thớt những mái tôn sáng hực nắng chiếu nằm gọn lỏn giữa bãi đất thấp trũng trước kia là chỗ họp chợ và sân vận động. Vài bóng cây còn giữ được màu xanh lục lổn. Trên cái chòi mái tròn (trụ sở ấp) cắm một lá quốc kỳ làm bằng tôn sơn nền vàng thật đậm nhưng ba cái sọc đỏ đã phai mất màu. Lá cờ cứng đờ, thiếu sinh khí trông thật buồn bã. Trừ cái đầm nước mặn, hình như ở đây chẳng còn vật gì biết cử động, một nỗi chết chóc hoang dã hòa nhập với khí trời mù mù ui ui dàn trải trên những cồn đồng lô nhô, cát trắng trùng điệp ngút mắt. Con đường đất đỏ lao mình đi vào cõi hun hút. Nhiều lần Độ muốn băng qua trũng cát về thăm nền nhà cũ ở ven rừng cây lúp xúp gần sát đường chân trời. Anh còn nhớ rõ từng cây

kèo cái cột, nó dính liền với đời sống anh như xương thịt bọc nhau. Ngôi nhà cháy đi trong bom đạn năm nào đã không giữ Độ đứng vững được nữa, anh lao đảo với chất men thù hận ngấm ngấm cho đến khi thật sự ngã nhào xuống trần mạt quá sớm. “Trời hại ta, trời hại ta !” Chiều nay Độ lại thọc cây nạng vào luống cát bên đường, miệng kêu khe khẽ. Chân anh giật lên từng con đau nhói đến độ muốn rút lìa ra ngoài. Đột nhiên ý nghĩ tự tử quẩn quại trong óc Độ. Anh ngó xuống mặt đầm ngòm ngộp và chột rùng mình ớn lạnh.

Cũng từ hôm đám công binh Mỹ trở lại bến đò, dân cư trong vùng suốt ngày bàn tán đến tương lai của khu định cư sắp được canh tân xây dựng. Xe cần trục, xe ủi đất kênh càng hoạt động Xi măng, sắt, gỗ chở tới chất

đầy bến. Dưới đầm, phà máy nổ sinh sịch chạy tới chạy lui lượn mòi sóng. Máy đóng cọc nên inh ỏi. Nước bùn đục ngầu sôi ọc ọc. Những người lính mình trần da đỏ ửng cặm cụi với công việc từ sáng tới chiều, buổi trưa họ ở luôn lại bến ăn đồ hộp và ném mấy thứ thừa thãi cho bọn con nít tranh nhau lượm. Vài tên lần xuống quán chị Thìn hỏi mua bia lạnh, làm một số cử chỉ chọc ghẹo khiến Độ dễ nổi giận chửi thề vu vơ.

Những trụ xi măng nòng sắt được dựng lên nhanh chóng sát bờ đầm. Đám khách chỉ trở nói quanh :

– Chắc bọn nó làm cầu qua bên biển rồi. Bến phà đâu cần đóng cọc cao vậy !

– Tôi cũng nghĩ thế. Nghe nói một hải cảng sẽ được xây cất bên làng T.

Làng chài ấy sắp giàu tới nơi. Bọn áp phe trên phố đã mon men về đây tính chuyện làm ăn.

– Phen này chắc tôi bán cha chiếc đồ máy mua xe lam chạy con đường này khá hơn.

– Mở snack-bar đi, gái quê thiếu gì !

– Nhà ông còn con gái đó chớ ?

Giọng cười ha hả, mùi rượu đế nức nồng. Tiếng tay vỗ bàn :

– Vùng này chỉ còn rặt đàn bà góa, chán chết !

Ít hôm sau Độ trông thấy vài con đồ lạ chở đồ uống ngập ghé quanh chỗ chiếc phà thả neo ngoài bến nước. Trong mui đồ lấp ló mấy khuôn mặt đàn bà phấn sáp thô kệch

áo quần diêm dúa khêu gợi. Lính Mỹ ném những hòn đá nhỏ vào khoang đồ gỗ tay cười rân, không tên nào dám mon men lội xuống dù nét mặt phơi lộ vẻ háo hức tốt cùng. Độ chếp miệng nói với chị Thìn:

– Biết đâu có con vợ em núp dưới mấy mui đồ ấy !

– Còn tiếc chi đồ lằng lộn đồ nữa. Chị bảo cậu quên nó đi để kiếm đời vợ khác, chưa bao lăm tuổi mà !

– Có ai chịu lấy một thằng què đâu ! Giá chi em đừng...

Độ ghen giọng quay đi. Anh về nhà nằm nghe radio theo dõi thời cuộc đang sôi động ở các thành phố. chiến trận. Những nơi nào xa xôi quá ngoài sức anh tưởng, Độ chỉ còn là kẻ bị bỏ rơi, cuộc đời gặt phăng anh đành đoạn không thương hại, ném

anh về vùng đất sinh ra lớn lên giữa đồng khô cát cháy và rồi ngã xuống giữa tro tàn đổ vỡ cô đơn. Cô đơn và lạ lẫm như cái chân phải ồm o teo tóp chỉ còn xương da, chỉ còn một khúc gỗ đánh bóng màu sơn an ủi. Độ đã nghĩ tới ngày cầm lên ngọn dao sắt bén chẻ đôi cây nạng, trong những thớ gỗ chắc có máu anh nóng hổi, có mồ hôi đầm đìa, hơi thở héo mọn và cả cuộc đời anh bất động vô tri.

Chiều chiều Độ ra đón những chuyến xe từ tỉnh về dò la tin tức quanh vụ thương phế binh nổi dậy chiếm đất xây nhà. Cuối cùng anh nói với chị Thìn :

– Em phải đi, bạn bè trên phố đang đợi.

Rồi anh xách gói lê nạng trèo lên xe. Hôm ấy có một vụ nổ ở công

trường xây bến phà làm hai lính Mỹ bị thương. Đầu trong đêm qua, du kích lén về gài plastic nơi chiếc xe cần trục nằm ụ trên bờ. Máy khẩu súng máy bố trí trên nóc xe hộ tống đã hoảng hốt bắn những tràng đạn vu vơ vào các bờ bụi gần đó. Công việc xây cất bị đình trệ mất mấy ngày. Quận cho cả đại đội lính về nằm quanh khu vực giữ an ninh. Mỗi sáng sớm lính V.N. phải đi kiểm soát một lượt các cửa xe, từng đồng gỗ, móng cầu... xem có dấu vết gì khả nghi không, sau đó tụi Mỹ mới dám bắt tay vào việc. Những cuộc hành quân lục soát hăm bí mật vào các vùng khai quang được mở ra liên tục. Hôm lính bắt sống trọn ổ mấy tên du kích dẫn về ngoài bìa làng chờ xe đưa lên quận, vài người tò mò chạy lên xem. Có kẻ lén về đập vai chị Thìn nói nhỏ:

– Này, ra mà coi. Hình như có cả thằng chồng của mày trong bọn.

Chị ngơ ngác một phút nhưng rồi vội xua tay:

– Lầm rồi, anh ấy đã chết hồi năm kia kìa.

– Mày chối hả ? Đi với tao lên xem cho tỏ tường. Sợ cái gì chứ !

Thìn nhất định không dời quán, lòng chị nôn nao lo lắng. Lâu nay chị từng khai với các cơ quan trong xã rằng chồng chị chết trông thấy xác hôm có trận đánh ở B.L. Rồi thôi, Thìn an tâm không còn nghĩ ngợi gì thêm về anh ấy nữa dù đứa con thỉnh thoảng cứ nhắc đến ba nó. Biết bao rắc rối phiền phức sẽ xảy đến nếu như anh còn sống và mới bị bắt thật. Thìn dẫn tay lên ngực nghe tim mình đập rộn rã, khi không nước mắt chị

ưa ra, may mà chẳng ai thấy. Đám khách vừa theo đà ra khỏi bến, tiếng máy nổ xa dần ngoài đầm. Nước rút cạn phơi bãi bùn đầy dấu chân.

*

Độ lê tới vài bước rồi dừng lại thở, anh dùng hết sức tàn lao mạnh cây nạng vào ngực đứa con gái. Tiếng gỗ rớt xuống mặt đường kêu bịch, khô khan. Đứa con gái nhảy tránh sang một bên ngược mắt nhìn Độ thương xót, anh đang chơi với giữ thăng bằng để khỏi ngã chúi xuống. Nó nhặt cây nạng trả lại cho anh, giọng van vỉ :

– Anh bớt giận. Đây không phải chỗ mình làm quấy. Tí về nhà em sẽ chịu tội cùng anh.

Độ chồm tới chụp mái tóc nó giật mạnh. Anh nghiêng rặng vung tay tát bốp bốp vào mặt nó không thương tiếc. Đưa con gái cúi đầu ôm choàng người Độ bật khóc hu hu. Lát sau cơn giận dữ của Độ dịu xuống một cách bất ngờ. Những giọt nước mắt chảy mềm tới lòng anh chua chát. Anh nuốt ực nước bọt thở phào ra rồi cúi xuống từ từ gỡ bàn tay nó :

– Em quá khốn nạn, biết không ?

– Dạ.

– Em đáng tội chết, hiểu chưa?

– Dạ.

– Dạ dạ. Đồ dĩ ngạ !

Độ lại gào lên tức tối. Anh chụp vai nó dựng thẳng dây ghì siết thật chặt, chặt muốn vỡ xương quai xanh.

– Mày đã ăn tươi cái chân phải của tao. Miệng gớm ghiếc, khóc khóc, có câm lại không ?

– Em thật có tội với anh ngàn lần. Tởm em quá anh ơi !

Độ buông mạnh nó về trước, tay anh còn run. Cả cái bóng anh nằng rọi xuống hè đường cũng dập dềnh như đang uốn mình trên mặt nước động. Chân Độ tê nhức, máu tụ về một bên vế mỗi bước. Anh dựa nạng vào bức tường sắt lưng ngồi thở.

– Anh tha tội cho em. Đời mình đã hư hỏng như nhau. Lỗi tại em khờ khạo. Em sẽ theo anh trở về nhà.

Đứa con gái thôi khóc nhưng giọng nó nghe vẫn ướn sững, rung rung. Có ai vừa ngâm vào tim Độ một vốc muối trắng, một tảng đường ròng. Cảm xúc anh xung đột không

rõ rệt, nó sụt sùi tựa một chất xút sôi xèo lên rồi mất biến vào đáy ly nước ngọt.

– Em giờ giọng hồi hận hay nhỉ !

Độ nhào chân đu mình tới níu cô gái. Tay úp trên lưng, tay ử ngang cổ, anh kéo sát nó về phía mình. Mạch máu trong thân, nhịp thở của đất trời nằng gió một lúc nghe hòa nhập quện lẫn nhau khăng khít. Hay đúng hơn, Độ không còn nghe gì, cả tiếng kêu « em » hụt hẫng đều đều như cơn nấc cụt tức tưởi sau khi khóc xong. Chân anh dài thêm cao hơn, cơ hồ vậy. Cây nạng rút khỏi nách thật nhẹ nhàng, không tiếng vang.

Buổi tối Độ cùng đưa con gái (người vợ cũ) dời tiệm ăn về khách sạn. Ngồi trên xích lô đưa mặt cho gió tạt, anh cảm thấy lòng mình mở

rộng cánh cửa mới thênh thang nhìn qua vùng trời xanh biếc, cỏ cây đang nứt chồi trở là sống dậy sau mùa đông dài bão lũ tàn phá gốc cành gãy đổ. Anh ngập ngừng mở cửa, e ngại ngó vợ mình như một cô gái lạ còn quá ngây thơ dại dột nghe lời anh dụ dỗ đến đây.

– Bỏ qua quá khứ, mình làm lại cuộc đời cho nhau. Em đồng ý ?

– Dạ.

– Anh không cần biết lâu nay em làm những trò gì. Bây giờ em phải theo anh về nhà lại. Rồi anh sẽ kiếm việc nhẹ làm và em buôn bán dành dụm sau này nuôi con. Em nghĩ sao ?

– Anh thật tình tha tội cho em là được.

– Rồi, anh còn bắt bẻ gì nữa đâu !

Nằm xuống bên nhau, Độ ngượng ngập e dè như lần đầu tiên trong đời gần gũi đàn bà. Cảm giác anh mới lạ hẳn, sượng sần không ít. Có phải lâu quá rồi anh chưa biết đến hương liệu của đời sống đôi lứa cũng như anh chưa hề khám phá ở người vợ cái ngây ngất bàng hoàng mới mẻ tựa đêm nay. Đêm nay, đêm tân hôn của đời anh, Độ rung mình nghĩ thế. Có tiếng cười khúc khích lẫn trong hơi thở mạnh :

– Trời, cái chân anh bé xiu còn thua cánh tay em nữa.

– Bậy nào, đừng đả động tới, nó mắc cỡ.

– Anh vẫn.... như ngày trước.

Không có ngày trước, ngày xưa, ngày qua. Đêm nay thời gian sẽ đông

cứng ở lại mãi mãi. Đêm nay, Độ chợt mỉm cười trong bóng tối.

Khi Độ thức dậy, người vợ dúi chỗ nằm bỏ đi đâu. Anh nằm yên cảm thấy mắt còn buồn ngủ, nghĩ mập mờ hẳn nó tới phòng rửa mặt hay xuống đường mua đồ lên cho mình ăn sáng. Độ thiếp đi một giấc ngắn nữa rồi nhồm dậy, người vợ vẫn chưa về. Anh hơi xốn mắt và nóng ruột, đứng dậy vịn vách lê chân ra cửa. Cửa chỉ khép hờ. Hành lang dài hút vắng vẻ. Độ không buồn trở vào phòng lấy nạng, anh tắt tả nháy cò cò tới phòng rửa mặt. Một người đàn ông đang đánh răng. Qua phòng vệ sinh. Bỏ trống. Anh vội quay ra ngoài chồm người lên lan can ngó xuống dưới. Xe cộ, hàng quán nhộn nhịp. Chân anh tê mỏi run bắn lên từng cơn. Độ lết về phòng há miệng kêu

to “em oi, em ơi !” Không động tịnh. Anh buông thõng mình ngồi phịch xuống ghế. Một mảnh giấy vệ sinh, nét chữ bút chì than kẻ lông mày:

Anh Độ,

Em hư hỏng quá rồi, không còn xứng đáng làm vợ anh được nữa. Tha tội cho em, coi như nó đã chết. Đừng tìm kiếm em mất công. Chúc anh gặp hạnh phúc thật sự với một người vợ biết điều hơn em.

Vĩnh biệt anh.

*

Đã tới mùa mưa, mưa lụt ở miền này thật dữ tợn. Chị Thìn đóng cửa quán co ro trong tấm áo tơi ôm con lên tỉnh suốt ngày đứng ngoài cổng

lao xá dò hỏi tin tức của chồng. Năm bảy hôm ròng rã trôi qua cùng với những cơn mưa ướt át, chị vẫn không tìm được manh mối rõ rệt nào về “người đàn ông du kích cỡ 36, 37 tuổi, mặt đen sạm, không râu... bị bắt hôm 24 tháng 7 ở A. L...”. Cuối cùng chị đành quay về với đứa con ho hen ngã bệnh. Mưa vẫn đổ xuống tầm tã dọc đường, những cơn cát lỏng bỏng nước mưa lún thấp mãi (cho đến hôm trôi đi mất dấu vết). Mặt đầm nước chảy siết cuộn cuộn, dò không đưa khách, bến vắng tiêu điều. Nước xoáy quanh những trụ cầu đứng chông chênh buồn thảm như đang đợi chìm xuống. Thìn chẳng gặp chẳng thấy một bóng người. Mưa reo trên mái tôn, đập rào rào quanh những vách gỗ mỏng. Chị cạy cửa vào nhà đốt đèn lên : Đột về hồi nào? Cây nạng treo trên cột ! Thìn

ngó quanh, miệng không ngớt kêu :

– Độ đâu em, Độ ơi !

Đội cơn mưa hơi tạnh một chút, Thìn chạy qua những căn nhà kế cận đập cửa gọi tên Độ. Chẳng ai hay biết. Có người nhớ mãi mãi nói chùng :

– Đâu như chú ta có chống nạng về cách đây ba bốn bữa rồi.

– Giờ nó bỏ đi chỗ nào với cái chân mang tật ?

Chị chạy xuống quán rồi ra bệt nước, Độ ơi. Độ ơi ! Nước xoáy chóng mặt. Mưa lai đổ tới xối xả, mưa mù con mắt ướt nhèm. Thìn thất thểu quay về nhà, đứa con đang nằm khóc ngặt. Chị tức tối cúi xuống mắng nó một câu rồi chạy vào buồng tìm sữa khuấy cho nó uống. Chân chị giẫm phải những vỏ bia nằm lăn lóc dưới

đất. Mấy két bia chưa kịp bán chỉ còn cái thùng rỗng. Độ đã về đây say sưa thế này sao ? Thìn vợ chiếc áo lính vút đầu giường lục lọi các túi. Vẫn còn đủ giấy tờ tiền bạc của Độ. Nhưng mắt chị chợt khựng lại, một mảnh giấy vệ sinh nhàu nát nhem nhuốc mấy dòng chữ mực than. Thìn đọc nhanh trong lúc mưa còn đổ ầm ỉ bên ngoài, hình như mưa đã dâng nước đầm lên tới móng nhà vỡ sập.

PHẠM NGỌC LƯ

(Huế, 8-1970)

Nguyễn Lương Vy

**Nửa đêm thức dậy
nhìn mây trắng**

Lung linh hồn quê cũ

Mây trắng phủ khắp trời

Nhớ trăng khô hết máu

Muôn trùng dậm núi ơ.

NGUYỄN LƯƠNG VY

NGUYỄN VĂN NGỌC
Những ngày mưa Đà Lạt

Tay se sợi tóc đầu mùa

Tay co túi lạnh cho vừa sớm mai

Nghe em gõ nhẹ gót hài

*Nghe âm thanh đổ vai gầy, nghe
mưa.*

NGUYỄN VĂN NGỌC

Lê Miên Tường

Nhà trống

Mấy con nhỏ này hoang ghê ta. người lính ngồi ở băng trước nói trống vậy nhưng thực ra anh ta cố ý ám chỉ vào ba đứa con gái đang ngồi cười giỡn ở băng sau. Một cô trong bọn, mặc áo đỏ hoe, già dặn hơn hết, vọt miệng : Vô duyên. Đàn ông con trai chi mà vô duyên. Người lính : Dữ chưa. Chọc chơi chút mà làm bộ. Tưởng ngon ? Cả ba cô đồng thanh : Cù lần. Lính cù lần.

Lê ngồi sau lưng chú tài, sau lưng cô áo đỏ, bên ngoài cửa. Hai tay cô gái đề trên vạt áo dài khít đùi, cuốn : Practice Your English, part I. Lê đoán cô gái này giỏi lắm chỉ học tới đệ tứ. Hai cô kia cầm hai cái xách nên Lê chẳng rõ làm gì, học gì, tới đâu. Cù lần. Khi người linh nghe mấy cô nói mình cù lần liền : Già miệng. Con gái gì đánh đá. Rồi rút thuốc ra mỗi hút, nhìn theo làn khói nghĩ vẩn vơ.

Xe chỉ chứ chưa chạy. Lâu rứa. Một chị đàn bà đang cho con bú nói đả đót giọng miền quê. Chú tài cho xe nổ máy : Mau đi bà con. Anh lơ xe chuồi vội thúng cá vào góc ghế sau la : Khoan. Xích vô một chút bà cô. Nữa. Được rồi. Chị đàn bà hồi nãy : Chẹp tui ni. Chen chi dữ rứa. Chú tài quăng cái tàn thuốc Salem xuống vũng nước nhóp phía bên ngoài xe

gần đấy, xoa hai tay, sửa lại dáng ngồi, rú ga. Người lính lúc đầu xây qua : Chạy cho rồi, cha nội.

Khởi cầu An Cựu một đoạn, xe bắt đầu chạy ra vùng ngoại ô sau khi dừng hơi lâu ở trạm kiểm soát. Lê thò đầu nhòm ra ô cửa. Những cột điện, những hàng tre, những túp nhà lá vùn vụt giạt lùi lại đằng sau. Cánh đồng chỗ lúa xanh rì, chỗ bỏ hoang cỏ lác mọc luông tuồng, chỗ mênh mông nước, nghiêng nghiêng ở lại. Bên kia một miền đồi núi mịt mờ. Một chiếc xe nhà binh lăm bụi chở đầy lính vụt qua mặt. Mùi xăng nhớt xông lên cay khét. Lê né đầu vô, ngồi lại ngay ngắn, nhìn con đường phía trước qua mái tóc người con gái áo đỏ.

Người lính ngồi ở băng trước

đang nói chuyện với một cụ già bên cạnh :

– Trước, chưa có đánh nhau, nhà cửa chợ búa ở đây đông đúc lắm. (Anh ta đưa tay chỉ xuống chỗ còn rải rác vài nền nhà hoang, những cột kèo cháy đen, chiếc cầu sập ngâm nửa mình dưới sông...) Lúa thì lên cao còn đường sá xe chạy đăm ro. Có như chứ. Tan hoang cha nó ra cả.

Cụ già chắc lưỡì :

– Dân mình khổ rứa há ?

Người lính :

– Đã đành.

Cụ già tò mò :

– Nghe nói lính cực, phải không cậu ?

– Cục. Hồi còn ở bộ binh, mỗi lần đi hành quân ngoài A Sao, A Lưới, máy bay bay qua đây ở trên nhìn xuống dễ cười lắm. Chiếc xe bằng cục đá. Còn người mình như con kiến.

Cụ già :

– Ngộ hè.

Lê nương người dậy. Bọn con gái đang xì xầm bình phẩm về Lê : Dễ thương đó. Con trai chi mà hiền như cục đất. Ngồi cù rủ. Lê chợt nghĩ tới những mối tình (có thể gọi là tình không ?) thoáng qua trên những chuyến xe, chuyến tàu. Hỏi dăm câu. Nói đôi ba tiếng. Rồi người bước xuống nửa chừng, kẻ còn lại nhìn theo xúc động mơ hồ, tiêng tiếc vu vơ. Tình cờ sau đó có thể gặp lại nhau ở một quận ly, một tỉnh lẻ hay một thành phố nào đó, ngơ ngác nhìn và nhận. Những

cái mơ hồ và thoang thoáng đó đối với ta đôi khi còn đẹp hơn cả những mối tình thề non hẹn biển.

Lê ngồi lại, đặt hai tay lên đùi. Gió tạt vào ô cửa khá mạnh. Tóc của người con gái áo đỏ bay lượn, quệt vào mặt Lê. Lê ngậm miệng lại. Một sợi tóc mịn, đứt ra nằm giữa hai bờ môi. Lê đưa tay lên cầm vo vo, rồi chuyền lên mũi. Mùi bồ kết hăng hăng làm Lê thấy thích thích.

Bọn Hạ, Thanh, Ấn đã về trước ba ngày. Sau khi lên phố ở lại nửa tháng đi may sắm, in thiệp mời, Ấn rủ Hạ, Thanh về trước nói là đề dọn dẹp giùm, cả nhà không có ai. Dung cũng đã về hôm qua. Lê có nói đợi anh đi cho vui. Dung bảo mẹ dặn về càng sớm càng tốt, con gái nhiều việc. Anh, mai rồi về cũng được. Chiều đó, Lê đã đưa Dung ra bến xe kiếm cho

Dung chỗ ngồi gần một chị đàn bà, đứng đợi cho tới khi xe chạy Lê mới yên tâm trở lại. Giả sử, xe toàn cả bọn con trai, không còn chỗ ngồi tốt, Lê sẽ chẳng bao giờ để cho Dung đi. Hoặc đợi chuyến khác. Hoặc để ngày mai. Hắn không chịu được cái cảnh một lũ con trai xúm quanh tán tỉnh một đứa con gái trên đoạn đường hơn bốn chục cây số. Tính hắn hay ghen hờn và xúc động bằng quơ. Chẳng hạn như việc hắn lấy làm tức tối khi nghe tin một đứa bạn gái đi lấy chồng.

Mai là ngày cưới vợ của Ấn, ngày trọng đại trong đời một đứa con trai. Hắn sẽ đoạn lìa với tuổi xanh, thật sự bước vào con đường của người lớn. Hắn sẽ quên người yêu dấu cũ. Hắn sẽ ít tới lui với bạn bè. Hắn sẽ làm chồng. Hắn sẽ làm cha. Hắn sẽ

dựng lên một mái nhà nho nhỏ. Nhà là cái chuồng cột chân hẵn lại, còn bảo đó là hạnh phúc. Năm trước, đi Sài Gòn về, hẵn có nói đại khái rằng con trai như tụi mình mà lấy vợ tao thấy chẳng khác gì cái cảnh hai con khỉ chơi giỡn nhau trong chuồng ở vườn bách thú. Tụi bay hãy tưởng tượng mỗi khi đi làm về : Em, dọn cơm ra ăn. Mỗi khi thấy con dơ : Em tắm rửa cho con. Mỗi khi gây gổ với vợ về chuyện tiền nong : Đàn bà chi mà keo kiệt quá. Mỗi khi bạn bè rủ đi chơi : Tao không rảnh. Vợ như cục nợ đeo bên lưng.

Mai hẵn lấy vợ. Vài tuần sau đó hẵn chun vào quân trường. Mấy tháng tới hẵn có thể không ngần ngại chuồn về Sài Gòn tìm xóm chị em ta, vội vàng gọi lại những đầu tiên ái mạn nồng với vợ. Năm nữa, hẵn

tới một tiền đồn, một bìa rừng nào đó ngồi lo vợ nhà bỏ theo trai hoặc đi làm dĩ, cũng thê lương như những chỗ hắt đã có lần qua. Ngồi hai phút có thể đã nói xong con đường đưa tới tương lai và một phút về cái chết – cũng vội vàng như những lúc truy hoan.

Trời nắng. Đường nhiều ổ gà quá, làm xóc. Người lính ngồi dựa ngựa ra đằng sau kéo mũ xuống che mặt, ngủ. Ba đưa con gái lấy dầu ra xức, kê chóng mặt, hôi xăng. Chị đàn bà đang mắng đứa con không ngủ, hai mắt mở châu hâu nhìn chị : Ngủ đi. Mụ cô bà. Cụ già tay cầm chiếc quạt giấy phẩy phạch phạch : Nóng dữ. Xe dừng. Hai người bước xuống. Một người lính bận rộn ri leo lên đứng khom khom cạnh ba cô gái tay vịn vào thành ghế :

– Xích vô chút. Cho ngồi với.

Đưa con gái áo đỏ :

– Nhăn áo tui.

Người lính nói, tốt quá, rồi ngồi xuống. Trung sĩ. Tay trái hắn đưa lên cốt để cho bọn con gái biết mình là trung sĩ, nói : Mình bà con mà. Cô áo đỏ làm bầm : Sến. Cụ già chặn đường, lo lắng : Lính chi cả lính. Lỡ mấy “cụ” ra chặn đường chết nhăn rãnh cả đám. Người lính đưa tay chỉ trái lựu đạn móc ở thắt lưng : Có cái này. Lê chồm tới dạn với chú tài : Tới Nước Ngọt thức tôi dậy giùm. Cô áo đỏ : Để thức cho. Lê nói cảm ơn cô rồi dựa người ra sau ghế, úp cuốn sách lên mặt, cố ngủ.

*

Lý do mẹ Ấn nêu ra để cưới vợ cho hẵn thật giản dị, chính xác : Con là con một. Lấy vợ cho mẹ nhờ. Để con mà nổi dòng. Mai mốt con đi lính rồi. Có bề nào mẹ cũng còn đưa cháu nội, Còn đưa cháu nội. Mẹ hẵn nói trắng ra không giấu giếm, thản nhiên đến độ hẵn không ngờ. Làm như hẵn sẽ chết đến nơi. Làm như đi lính là chết. Là rồi đời. Làm như hẵn thật sự không còn ở cõi thế.

– Tới Nước ngọt rồi, cho tui xuống.

Tiếng chị đàn bà la lên làm Lê giật mình mở mắt. Ba đưa con gái ngồi băng trước đã xuống tự hồi nào. Người lính bận rằn ri đang ngồi chỗ cô áo đỏ, cười. Anh ta xoay qua trở lại đặt tay lên lằn nệm ghế rà rà như để tìm hơi. Chú tài thúc : Lẹ lẹ lên

bà con. Lẹ để còn kịp về bến mà lên chuyến khác. Nửa giờ rồi.

Lê xuống xe bước vào. Trời trưa nắng rất. Hạ, Thanh đang ngồi tán đưa học trò thợ may của chị Tiềm. Giáng sinh năm ngoái bọn chúng có về đây chơi. Khi lên nhà Hạ nói về con bé : Đẹp hết chỗ chê. Có dịp tao phải về mới được. Nhớ không chịu nổi. Còn Thanh ba hoa : Miên. Con bé tên Miên. Con bé đã thôi miên tao, hớp hồn tao. Tao mê như chết. Sau này, Ấn có kể Lê nghe về chuyện Thanh có làm bài thơ nhờ Ấn đưa cho Miên. Ân cười : Thằng ngu như bò. Mi biết không? Con Miên không biết chữ. Tao phải đọc và giải nghĩa từng câu như thơ Đường cho nó. Nghe xong nó hỏi : Cái chi ri ? Tao nói : Thơ đó. Nó nói : Thơ chi lạ. Rồi cho thằng em chị Tiềm xếp hỏa tiễn liệng chơi.

Chị Tiềm đang ngồi may ngắng đầu chào Lê. Lê cười đáp lại. Thanh gõ gõ cây thước xuống mặt bàn : Tưởng mi không về. Dung chờ trong. Chị Tiềm chỉ chiếc ghế : Ngồi đây chơi đã.

Ở đây, từ chị Tiềm trở xuống bọn Lê đều coi nhau như anh em. Mỗi dịp hè cả bọn kéo về chơi, ở hằng tháng. Năm chục đồng một vòng xe. Ngồi ngủ ba tiếng đồng hồ là tới, Hạ, Thanh thì về luôn. Bởi có Miên. Xóm này, Miên được coi là người đẹp nhất. Thanh thường tiếc : Cho con bé lên phố học. Cho con bé mặc đồ hàng hoàng, tử tế, chắc cả bọn con gái trường Đồng Khánh không có đứa nào qua mặt nổi.

Không khí trong nhà rộn lên. Dũng, anh Dung, đang cầm cái mở bia chạy lui chạy tới lảng xảng. Lê

gặp Dung ngồi cắn đùi thịt gà ở phòng trong. Lê béo vào má Dung dính đầy mỡ : Ăn chùng. Dung đỏ mặt : Anh về trưa quá. Gần rước dâu rồi. Anh đi không ? Lê: Thôi, để bọn ấy đi. Dung cũng đi đi. Anh mệt.

Căn nhà ngói ba gian, có sân gạch nằm chuông vuông trên một thửa đất rộng. Chung quanh trồng nhiều khoai sắn và cây ăn trái. Nơi đây, chỗ gặp nhau vui như điên hoặc buồn đứt ruột của bọn Lê. Nơi đây, tiếng hát Dung mờ đục cất lên và gót chân oằn oại bước. Anh à. Anh há. Dung chết có được lên Thiên đàng không anh ? Anh lúc nào cũng buồn buồn làm sao ấy. Nơi đây. Nơi đây. Dung múa như công, tươi như hoa, ủ rũ như mùa đông. Nơi đây Lê ngửi được mùi tóc Dung thơm như hoa bưởi. Nơi đây tim đứa con trai hăm một rợn rợn

như cây đầu mùa đơm bông kết trái.

Hạ chay vô thế Ấn thay đĩa nhạc :
Mi sửa soạn mà đi rước dâu cho rồi.
Thanh đem nước tới những bàn mọi
người vừa ăn xong. Lê ra giếng múc
nước rửa mặt. Nước mát và trong,
hôi thum thum mùi bùn. Da Dung
ngăm ngăm và nụ cười má lúm đồng
tiền. Lê úp mặt vào thau nước. Mát
chỉ lạ. Tiếng con chim nào đó vừa hót
lên. Anh à. Anh à. Giọng Dung tron
tuột, vỗ vỗ. Anh há.

– Dung ở nhà với anh, anh nhé.

– Thôi đi đi. Dung đi với mẹ đi.

Dung vùng vằng kêu anh dễ ghét
rồi chúng búng mặt bỏ đi. Đoàn xe
rước dâu chực chờ ngoài ngõ. Lê
bâng khuâng trông theo. Mười ba
tuổi. Hai bím tóc thông xuống hai vai
thắt lại hai đầu bằng nơ vải. Mỗi mùa

Dung dùng nơ một màu đỏ anh. Màu đỏ mùa hè. Màu tím mùa thu. Trắng mùa đông. Mùa xuân xanh lợt. Mỗi màu thay mặt và tượng trưng cho ý nghĩa mỗi mùa. Anh à. Anh há. Dung chết có được lên Thiên đàng không anh ? Có. Những đứa con gái hay buồn như Dung chết đi sẽ được lên Thiên đàng. Thiên đàng ở đâu anh ? Đây này. Dưới giếng đó. Không phải. Anh xạo Dung. Dưới, là Địa ngục. Lên, mới Thiên đàng. Thiên đàng chắc xa lắm phải không anh ? Gần, gần chút chun. Không tin Dung thử chết cho biết. Anh nói chi lạ. Chết rồi biết gì. Thế thì làm sao có Thiên đàng, Địa ngục mà hỏi. Không có thì thôi. Dung chết Dung về với mẹ. Phải đó. Mẹ là Thiên đàng. Nhân tình là Địa ngục. Đứa con trai hăm mốt nói yêu đứa con gái mười ba là đầu độc trẻ thơ, là mất trí, là mai sau chết sẽ xuống Địa

ngục. Mà em có còn trẻ thơ không Dung ? Tóc em dài rồi. Má em hồng rồi. Em biết buồn với lá mùa thu nên chọn cho mùa thu màu tím. Em biết vui với hoa mùa xuân nên chọn cho mùa xuân màu xanh lộc. Và màu trắng mùa đông. Màu trắng chết của Lụa, của người nữ mảnh khảnh bỏ mình dưới làn mưa bom. Lụa. Lụa. Hay Dung. Lụa chết rồi, mục rữa. Lụa chạy bước xiêu giữa cánh đồng bao la. Anh ơi. Anh ơi. Đoàn máy bay gầm hú trên trời. Lụa chúi xuống. Anh ơi. Lụa chết rồi mà. Tin không ? Lê hệt căng chói với giữa cuối chiều quá khứ với bao hình bóng mờ, ngắt quãng. Cổ quan tài. Lỗ huyết sâu. Lụa nằm lặng lẽ như đất. Hai năm sau Lụa cũng từ từ thành đất. Chào. Xin chào kẻ bạc phần, ngắn số. Lốp mù sương chấp chóa trước mặt. Lụa đi rồi. Lụa vừa đi khuất sau hàng tre xanh. Chết

không được lên Thiên đàng anh há.
Thôi, lo sống cái đã. Tới đó hăng hay.
Dung nè, đi theo đoàn rước dâu đi.

Đây còn lại hồ nước màu tím
sẫm ; khoảng đường xe lửa ; đứt
khúc, rời lìa : một phần thân chiếc
tàu ngả chông chênh, hoen rỉ ; bày
vịt chúi mỏ rúc rúc bỏ cỏ. Chi lạ há
anh. Nước không dính trên lông vịt
há anh. Chi lạ. Dung dễ cười quá. Hồi
học đệ thất cô giáo hỏi tương cận
của loài vịt là chi, em đã không ngần
ngại trả lời là môn, Lá môn cũng
không dính nước. Chi lạ há anh. Xe
lửa không còn những buổi mai rầm
rầm chạy ngang hú còi thức Dung
dậy. Thức tất cả dậy. Kể cả ý niệm về
Tự do, Hòa bình. Lê cúi mặt soi mình
trên màu nước đen. Không thấy gì
hết. Bầy vạc kêu trên trời rời lẻ. Trời
đã sang thu mà còn nắng. Từng phiến

mỏng buồn châm chích da. Đôi mắt Lụa mở ra, trợn ngược. Bước chân Dung thoăn thoắt. Hôm nay thẳng Ấn cưới vợ. Hôm mai cả bọn bỏ căn nhà ra đi. Một mảng mây đen lặng lẽ trên bầu trời xanh, bay cuồn cuộn.

– Cùng các anh chị. Hôm nay là ngày tôi cưới vợ (có tiếng khúc khích cười). Ngày đánh dấu cuộc đời mới của tôi. Trước hết, tôi thay mặt luôn vợ tôi, có lời cảm ơn quý anh chị đã đến đông đủ vui với chúng tôi. Vợ tôi đây (chỉ cô dâu) là người thật thà, phúc đức đang ngồi đỏ mặt cúi đầu e lệ, (có tiếng vỗ tay). Và sau đây tôi xin mời quý anh chị cùng nâng ly (tay hấn nâng cao ly rượu xây qua xây lại) uống, rồi sau nữa cùng hát, cùng hét, cùng vui với cái vui chỉ đến một lần trong đời mỗi người.

Ấn thụng thính, vụng về trong chiếc áo đen lằng dài, hai tay chống vào thành bàn nói một hơi như sợ nếu ngừng đi sẽ không còn tiếp được nữa. A lê. Hai, ba. Hát. Ha cầm cây đàn ghi-ta khẩy khẩy. Hai, ba. Rập. Rập. Ấn vỗ tay và mọi người cùng vỗ theo: “cùng nhau ý a tờ hồng, tờ hồng, lẽ tờ hồng cùng nhau, cùng nhau ý a...”

Bọn trẻ bu quanh coi mặt cô dâu bây giờ đã bắt đầu tản mát. Bộ ngựa và dãy bàn trong nhà, ngồi đông đúc hai họ. Dãy bàn trước hiên dành cho bọn trẻ. Thanh đang ngồi tán cô phù dâu. Hạ buông tay đàn cầm ly bia ngửa cổ nốc một hơi. Lê ngồi lăm lỳ uống rượu.

Hôm nay cô dâu trông rực rỡ nhất bọn con gái. Cô mặc chiếc áo ngoài rộng màu hồng chồng lên chiếc áo

xanh, trông tím tím. Đầu cô vẫn cao, chải rối. Cô ngồi khếp nép như sợ nhẵn áo mới, thỉnh thoảng đưa tay lên sờ mái tóc nửa để làm duyên, nửa coi chừng chiếc nơ màu hường thử còn không hay đã rơi mất. Ấn trông tức cười hơn ai hết. Mặt hấn đỏ rần vì men rượu. Hấn vỗ tay hăng nhất. Hấn nói ba hoa chích choè. Hấn sắp say đó mà. Hấn nói :

– Ông đi lính ông đánh giặc ghê lắm. Ông đi lính ông bỏ vợ ở nhà một mình. Ông đi lính lãnh lương về nuôi vợ. Ha, ha. Ông đi lính ông bắn đoành đoành.

Cuộc hát đang chuyển qua phần đơn ca trong khi Thanh vừa vỗ tay vừa say sưa : “cùng nhau ý a tở hồng, tở hồng,...” Lê ngồi cúi đầu bên chai rượu vừa vơi. Hấn len lén nhìn Ấn, qua bọn bạn, qua Dung, nghĩ tới lúc

phải chia tay bỗng thấy mắt mình cay xé, đầu óc quay cuồng như men rượu, bốc lên.

*

Đêm tối rồi. Sau cuộc vui, căn nhà trở nên trống vắng. Hạ đã thỏa thuận nhường Miên lại cho Thanh, đang đứng tán cô em họ của Ấn ngồi rửa chén bát sau hè. Thanh rủ Miên cùng ra ngồi gốc cây ổi tâm tình. Dững ngồi tính lại sổ sách ở giữa nhà, Ấn dẫn vợ vô buồng. Bọn chúng muốn quèn quẹt cho hết một đêm. Mai đi rồi. Lê ra giếng nước :

– Anh vào cho Dung tắm.

Dung xối nước ào ào. Lê dừng lại ngắm. Bóng Dung theo chiều sáng của trăng chập chờn ở bụi môn.

Nước không dính vào là môn nhưng thấm vào da em. Giả sử như nếu anh yêu em, ôm hôn em, bây giờ, nhớ nuốc cũng dính và mắc vào thân thể em không nước thánh nào rửa sạch. Nhưng đêm nay anh muốn tới xây mặt em lại và nói : Anh yêu em. Anh muốn cúi xuống tóc em để ngửi mùi phân ly. Anh muốn đưa môi liếm những giọt nước mắt ngàn trùng. Anh muốn lắm. Mười ba tuổi. Đêm nay anh muốn trời làm mưa đổ xuống thân thể mười ba đó những giọt bắc nhẹ nhàng, reo vui như tiếng còi xe lửa những sớm mai chạy ngang thức em dậy, với đời.

– Anh vào cho em tắm.

Thôi để anh ra khu vườn. Để anh đứng nhìn trăng sao cũng được. Em cứ tắm đi. Kỳ cọ cho hết lớp bụi thâm căn. Đằng xa kia, sát đỉnh một ngọn

đôi Lê nhìn đăm đăm những ánh đèn pha đaug rọi lung linh. Ở đó một căn nhà, một thiếu phụ, một thanh niên mười chín tuổi : Đản. Thằng Đản da đen vì sạm nắng. Năm kia, Lê về chơi ở đó. Ở đó có vườn cam quýt tiền bán dư ăn cả năm. Ở đó, đêm xuống từng nhóm người mặt lạ mặt tụ hội sát bìa rừng. Ở đó. Tiền đóng thuế. Tòa án nhân dân. Cách mạng tháng mười, tháng tám. Hoan hô ! Tiếng hét rền trời và Đản nằm chết vắt ngang bên dòng suối : Đản. Thằng Đản nói chuyện cách mạng giải phóng. Thằng Đản bịt kín cả thân hình trèo thoăn thoắt lên cây dừa đây kiến lửa hái xuống, bửa ra, hứng, uống, cười, nói chuyện tương lai. Đản đâu rồi ? Thằng Đản ngộp trong cái bầu khí căng ứ hận thù, nhạt nhòa nước mắt, nhể nhại mồ hôi, rần rật tiếng chân

chạy và xa hút lời hoan hô trong vòm trời nhá nhem tối.

- Vô đi anh. Mấy người kêu trong.

Bọn Hạ, Thanh đang ngồi kể chuyện Giáng sinh năm ngoái. Thanh : Tao giật được một sợi tóc của Miên. Hạ : Tao giấu được cái áo lót của Miên. Ấn nằm trong buồng nói vọng ra : Tao nằm đặt tên cho con mai sau. Ngô-phúc... Ngô-phúc..., Dung : Em lo học bài thi đệ nhất lục cá nguyệt. Còn Lê. Giáng sinh năm ngoái ở thành phố Lê ăn vòn vẹn một ổ mì xiu nằm dưới tượng Chúa trước nhà thờ nhìn thiên hạ đi lễ, suốt đêm.

Nhìn dáng điệu Hạ, Thanh, Lê biết hai đứa đã làm ăn được in it. Bọn chúng muốn được tất cả đêm nay. Con trai đấy. Mau yêu. Dễ quên và chóng nhớ. Mai mốt đi rồi. Mai Dung

về thành phố bù đầu vào chuyện học. Mai Hạ, Thanh về thành phố năm chờ lệnh gọi. Dũng đợi vào quân trường khi biết mình sẽ hổng Tú tài II. Ấn vui vội vàng vài tuần với vợ rồi cũng đi lính. Lê tiếp tục phiêu bạt giang hồ.

Trời như muốn mưa đêm nay. Cũng đành. Cũng đành cho dấu chân của bọn cô hồn này nơi đây vĩnh viễn xóa đi. Cũng đành lặng lẽ, thôi không bận bịu làm gì. Anh à. Anh há. Lê biết nói chi với Dung đây. Dung chết có được lên Thiên đàng không anh ? Thôi. Không Thiên đàng. Không Địa ngục. Không chi cả, Dung ạ. Như nước đổ đầu vịt, chảy tuột, vô can.

Lê bước tới cầm cây đàn ghi ta lên so dây, gảy gảy. Mai cả bọn đi rồi, khuất lấp. Lê tưởng tượng tới nỗi mong muốn trở về ngày sau của bọn

Hạ, Thanh, Ân ; buồn quá cất giọng
rầu rầu :

“Người ơi mau về đây

Về bên bếp hồng tay cầm tay...”

Một đoạn nhạc của ai Lê chẳng
nhớ. Biết mai kia có còn đưa nào
không mà về. Hay như Đản năm
vắt ngang con suối, một xó ở rừng
già. Ai có thể ở lại căn nhà kêu
hồng bếp lửa ngồi gọi với giữa thình
không ? Có phải Dung ? Mấy năm sau
Lê còn không mà trở lại. Mười ba.
Mười bốn. Mười bảy. Hai mươi. Lê
trở lại Dung đã tay dặt tay bằng, hỏi
có Thiên đàn không anh ? Hay như
Lụa, chạy bước thấp bước cao giữa
cánh đồng không mộng quạnh gọi
anh ơi, tắt nghỉ. Ai ở lại làm đuốc
cho anh em trở về ? Hay chuỗi găm
hoan hô rền trời lan tràn cùng bóng

tối đuổi những kẻ còn lại trong căn nhà ra đi.

Này Hạ. Này Thanh. Này Dung.
Này Ấn. Này Dũng. Bọn mình đi rồi
chắc căn nhà vắng vẻ lắm, phải
không ?

LÊ MIÊN TƯỜNG

GÓP VUI

Được tin ngày 18-10-70 đám
cưới của hai bạn :

**NGÔ THỊ NGỌC HÀ -
LÊ MỘNG THU**

Vì xa xôi không thể đến chung
vui, xin cầu chúc hai bạn mãi mãi
sống trong những - ngày - dài -
hạnh - phúc.

N. T. TUẤN

Côn Sơn có CHUÔNG CỌP,
điều đó ai nấy đều đã biết.

Nhưng Côn Sơn không phải chỉ
có chuông cọp,

Côn Sơn còn có nhiều truyện lạ
khác.

Hãy tìm đọc trong

QUÊ HƯƠNG LƯU ĐẦY

truyện dài HOÀNG NGỌC HIỂN

do VĂN xuất bản

Độc giả ở nơi không có sách bày
bán, có thể gửi bưu phiếu (120 đồng)
đề tên ông Nguyễn Đình Vượng kèm
theo tên họ và địa chỉ rõ ràng. Cước
phí gửi sách theo lối bảo đảm sẽ do
VĂN trả.

GIÁ BIỂU ĐĂNG QUẢNG CÁO

trên Bán nguyệt san VĂN

- 1 trang một kỳ báo 4.000\$00
- 1/2 trang một kỳ báo 2.000\$00
- 1/3 trang một kỳ báo 1.500\$00

* Mọi giao dịch về quảng cáo, xin liên lạc với ông Nguyễn Đình Vượng, chủ nhiệm.

* Đăng nhiều kỳ, và anh em văn nghệ có giá đặc biệt.

* Quảng cáo nhỏ nhất là 1/3 trang.

Phạm Thanh Chương

Màu áo người tình

Điều thuốc ngún giữa hai đầu ngón tay chậm chạp, thoáng một chút buồn rầu nghe gần gũi ở đâu đó bốc lên từ làn khói trắng xanh lan ra vu vơ, nhạt mất. Tôi yên lặng ngồi trên bục hè, hút với nửa gói Bastos rồi lấy bút viết vài chữ trên bao thư của Mỹ cài bên khung cửa thơ thần trở ra con lộ chính của thị trấn đã bắt đầu lắng xuống những ồn ào của mọi ngày. Đèn hai bên hè phố sáng vàng cùng những chiếc cửa đóng kín tạo

cho tôi nổi bơ vơ trên từng bước đi
mà nổi ngao ngán chùng quanh từng
ước muốn vỡ òa.

Tôi trở về như một buồn bã cho
người con gái thường mua hoa cắm
vào chiếc lọ dưới khuôn ảnh Niềm
nhật nhòe xiêu xuống dây tường vôi
đổ nát đã lên rêu có vài đóa vụn thò
nở vàng điểm tô thật chán chường.
Những đêm trắng sáng mờ mờ người
con gái đến ngồi vu vơ trên bãi cỏ
đầy tiếng giun dế rồi lại bỏ đi vào
lúc tôi đã quán chần mê ngủ và ngoài
trời sương giăng chập chùng

Người anh Niềm một lần dắt u
già chống gậy trở về nghếch ngẩng
nhìn vào căn gác đầy bóng tối hun
hút rồi bật khóc lúc biết Niềm không
bao giờ còn mừng rỡ ngoài cổng bế u
đem đặt vào giường cười nói, có lần
Niềm kể những mơ ước của u bằng

nổi xúc động trên đôi mắt làm tôi phải cúi xuống ngó đôi chân bụ bẫm của mình mà không có một ý kiến nào. Người anh thì quá chừng mực an phận với cuộc sống bình thường bên người vợ trong dãy nhà cho thuê ở cuối phố. Niềm có dắt tôi về ngủ lại trong căn nhà đó một lần trước ngày hẵn vào lính nửa đêm tôi phải thức giấc vì tiếng khóc trẻ con và giọng ru mệt dừ của chị Niềm.

Những lần như vậy My phải nhọc nhằn lắm mới tìm được tôi kể nỗi khổ cực phải lặn lội trong những hang hẻm sâu tối sợ sệt nhưng khi đã biết có tôi thì lại muốn bỏ về. Niềm nhăn mặt hỏi :

- Biết hẵn ở đây rồi, rằng không về mà lại vô làm chi ?

My không trả lời đưa những củ ấu lên nhai, cười cười trách Niễm :

– Tại anh hết, còn hỏi.

Tôi nằm úp mặt vào chiếc gối có vẽ đôi chim hỏ mỏ nghe nhiều tiếng chó sủa lẫn tiếng ngỗng kêu ồn ào ngoài bờ rào. Thầy Ngờ đã ngủ yên bên những pho sách cùng cây nến cháy leo lét buồn phiền. Đêm ba mươi. Tấm hình My cười mồm mĩm trên đầu giường nom quá dễ thương làm tôi nhớ câu My thường hỏi :

– Anh làm răng quen được em, giỏi rứa hé !

Thầy Ngờ trở mình, ú ớ : « Mây giờ rồi, Tâm ? ». Thoáng có tiếng nổ xa mờ mờ, trời lạnh, tôi nghiêng qua nhìn hình My rồi kéo chăn lên trùm đầu. Bên kia tấm màn thầy Ngờ đã ngủ trở lại.

Tôi thức dậy thì đã thấy thầy Ngờ ở trần tập thể dục bên hầm cát, thấy cử động lên xuống như một con sóng chạy lăn tăn cười nói :

– Cởi đồ ra làm phát cho ấm.

Tôi lắc đầu và sức nhớ hôm nay là mừng một Tết, tôi thoáng nghĩ đến My rồi trở vào nhà. Trời mưa nhỏ như bụi cho đến trưa thì thầy Ngờ bỏ xuống phố vừa đi vừa hát... lên xe tiễn em đi... chưa bao giờ buồn thế... trời mùa đông Paris... Tôi nghe thềm một cái hôn vu vơ nào đó trên thân thể My để nghe giọng trách móc ồn ào nhưng tôi biết My sẽ không bao giờ hờn giận, hai đứa đã có những ngày đi chợ nấu ăn sống với nhau như một đôi vợ chồng hiền hậu trong

căn nhà mà phía trước có đám cà bát
trổ hoa rồi khô cứng vào những ngày
cận Tết. Trời rét My thường ngủ
muộn trong chăn và chỉ thức dậy
khi tôi đã đi làm, My tắm rửa chải
tóc bên hông tủ ngồi chờ, ngày Chúa
nhật hai đứa dậy sớm nhìn nhau rồi
ngủ lại thật trưa, đôi lúc My tỉnh ngủ
nằm yên nghe tiếng chim hót ngoài
bờ giậu như một niềm vui thật tình
cờ. Nắng hắt trên cây lá và giọng
cười trong trẻo của My sưởi ấm căn
gác nong nàn vào những ngày Chúa
nhật lười biếng. Tôi đưa tay phủi
mấy giọt nước đọng bên thềm giếng
chảy cong queo ẩm ướt dưới đàn
kiến nhện nhip. Đám trẻ đương chơi
chỗ hầm cát bỗng cãi lộn rầm rĩ rồi
tản mát lúc thầy Ngờ dẫn người con
gái bạn jupe serrée ôm pho sách trở
về. Tôi giả vờ nằm thêm thiếp khi
có tiếng giày lộc cộc phía lu nước.

Người con gái ngạc nhiên hỏi thầy
Ngờ bằng giọng Huế.

– Ai rúra ?

– Nó đấy, thằng Tầm.

Tôi nghe đau nhói ở ngực, trở dậy
gật đầu chào người con gái bên jupe
serrée rồi ra ngồi bên bờ tường buồn
muốn khóc. Bọn trẻ đã bắt đầu tụ tập
trở lại dưới gốc sứ nở hoa trắng cười
đùa. Một bàn tay đặt nhẹ lên vai tôi,
giọng thầy Ngờ :

– Buồn rúra ? Tụi nhỏ nghịch
ngộm vức cát vãi lung tung, đuổi đi
chút chút chúng trở lại.

Mấy giọt mưa đọng trên vai áo
thầy Ngờ lóng lánh, thầy ngồi xuống
bên tôi với nụ cười méo xệch nhìn
đàn ngỗng ngúng nguẩy trong chiếc
ao đầy nước, tôi ước chừng, có lẽ

My đương trở về trên chuyến tàu hỏa khởi hành từ chiều ba mươi Tết, nhưng còn kẹt lại giữa cánh đồng nào đó thật buồn phiền. My đến với tôi như giấc mơ huyền diệu xoa lảng những hằn học chất đầy ngày tháng còm cõi trong dáng điệu của con thú hoang đi lạc.

Ngày Niềm chết, My đột ngột xuất hiện sau khung cửa cùng lời chia buồn với Ngọc rồi hai người dắt nhau ra chỗ chiếc cầu gãy chuyện trò suốt buổi, thỉnh thoảng có tiếng My cười lẫn tiếng phi lao reo xa mờ ngoài biển mịt mù cho đến lúc tốp nghĩa quân xách súng ra gác bên đầu cầu, tôi dắt My và Ngọc trở về trên những bờ ruộng mọc cỏ xanh um. Ngọc bận đồ tang xuề xòa và ước muốn được trở thành con dế mèn yên ấm dưới cỏ để nghe bước chân

Niềm đi qua. Niềm ước muốn chông chênh nên suốt đời Ngọc sẽ không bao giờ là con đế mèn yên thân dưới lớp phù sa nguy tạo bằng ảo tưởng để khước từ mọi khổ nhọc trên đời này. Tôi định nói câu đó với Ngọc nhưng lại im lặng. Ngọc hỏi anh biết gì về anh Niềm cứ kể hết cho em nghe đi, anh Tầm. Tôi với hần thân nhau nhưng lại không biết về quá khứ của hần nhiều. Hôm hần chết người chị hần đến nhận xác khóc sụt sùi, tôi không ở lại được nên phải bỏ đi, mấy ngày sau đọc được bố cáo của người chị hần đăng trên hai ba tờ nhật báo. Ngọc đừng buồn, sẽ đến tôi. Một ngày nào đó My sẽ đi giống Ngọc thế này. Lần đầu tiên tôi nghe giọng mình thật lạ, chùng xuống rầu rầu. Mấy cụm lục bình trôi dờ dẩn tấp vào bờ suối, My dừng lại nhặt rồi vứt ra xa cười hiền hậu :

– Giả sử có mặt anh Niễm ở đây, chắc là Ngọc sẽ không đi chung với tụi mình.

Tôi búng mẩu thuốc vẽ một vòng cầu đỏ, hỏi Ngọc tình cờ :

– Tôi có thể giúp Ngọc được gì ? Trong lúc này ?

Ngọc cười gượng gạo :

– Giúp em ?

Thầy Ngò thở hắt một cái mạnh, tôi xuýt va đầu vào vách tường, giọng thầy ngao ngán :

– Chịu lỗ nhỏ, không biết tại sao chúng thích ồn ào.

Người con gái bạn jupe serrée ngồi khuất giữa hai chậu vạn thọ xoắn tóc bông bành đầy vẻ man dại mà thầy Ngò tưởng mang lại cho căn

phòng niêm trống vắng hun hút chột đến bằng những ngày dai dẳng đi dạy lũ Choi Choi để tóc bôm xôm trong ngôi trường vách thủng bên kia con kinh cạn nước mà mùa mưa đứng ở trên triền đồi có thể thấy nhấp nhô những chiếc ô xanh đỏ của đám nữ sinh chập chờn dưới rừng mù u xám xịt.

Thầy Ngờ trầm ngâm như lúc ngồi giảng luân lý cho đám học trò bệnh hoạn, nghễnh ngãng lúc nào cũng muốn tháo chạy vây quanh gánh xiếc đánh trống rập rình ngoài phố, chập chập thầy gio tay lên búng vu vơ để biểu lộ một cử chỉ buồn rầu thoáng hiện đầu đó trong buổi chiều xuống quá muộn màng. Tôi yên lặng nghe thầy kể lại thời thanh bình của những phố phường ngoài Bắc cùng ngôi nhà thầy đã lớn lên với nỗi cùng

cực của đở thầy đã xa mờ như một hồi tiếc mà thầy ao ước được sống trở lại một lần để nghe giọng ngâm thơ sang sáng của ông đồ ngoài gốc sứ nở hoa rồi ngủ vùi dập nó ứ linh hồn. Tôi bình thản nghe thầy đôi lúc mập mờ, lặng lẽ đến buồn rầu, pho sách đã để lại ngay ngắn trên bàn với gọng kính lung linh nhoè nhoẹt bên đĩa hạt dưa vơi đi khô đặc dán xuống lớp thủy tinh vàng sệt.

Khi người con gái bạn jupe ser-rée ra về, tôi bạn đồ xuống phố thăm người cô trong một cư xá biệt lập sau dãy tường đá. Cô Ngự đón tôi bằng nụ cười hiền hòa trong bộ salông vàng chói với năm chiếc móng tay bấm vào má tôi nhột nhột buồn cười. Tôi cầm cốc rượu sóng sánh đặt xuống mặt bàn nhìn vu vơ :

– Tết này nhà cô không có cành mai nào ?

Cô Ngự đưa tay che miệng cười ngật nghễ, mắt ươn ướt sau cặp kiếng trắng xanh :

– Tầm không thấy chi hết à ?

– Có, một con thằn lằn ngủ sau tủ áo của cô.

Cô Ngự gật đầu :

– Giỏi đấy ! Đêm ba mươi nghe nó kêu buồn dễ sợ, cô đã thay cành mai bằng chậu huệ trắng để nhớ một con ngựa đã chết trong đêm trừ tịch, hồi cô còn trọ học với chú Tam. Tầm biết chú Tam ?

– Chú Tam ? Biết chứ, ông chú ưa đọc truyện Tam Quốc và thích phiêu lưu trên mặt biển.

Cô Ngự xoay đĩa trái cây hồng hào nói chậm rãi, âm thanh hụt loãng vào dải khói bốc lên từ cái gạt tàn thuốc mù mù :

– Đời chú ấy có nhiều kỷ niệm buồn rầu, trước khi chú đi biển và mất tích, chú dắt con ngựa đem bán lấy tiền đánh bạc, đúng giữa đêm ba mươi con ngựa nhảy về rồi gục chết bên chậu huệ trắng. Sự trở về của con ngựa như một nhắc nhở buồn phiền cho cả gia đình.

Cô Ngự dừng lại sửa sửa gọng kính, tôi cầm chiếc lược gỗ gỗ trên mặt bàn đánh nhịp theo một bài hát ca tụng mùa xuân.

Niềm háo hức lắng xuống và tôi không còn đủ nhỏ để chạy ủa ra đường biểu lộ nỗi vui mừng khi cô Ngự cầm phong pháo đỏ tươi lúc lắc

khêu gọi bọn trẻ đương đánh đu hỗn loạn ngoài sân. Tôi chú ý đến một đứa trẻ khoanh tay đứng nhìn mà không nhập bọn, chỗ hắt đứng cỏ mọc đầy.

Cô Ngự rút tờ lịch đi đi trong nhà rồi xé nhỏ vớt xuống chậu cúc ướm nước đặt xéo bên hiên làm tôi sức nhớ lá thư của Ngọc kể những ngày mưa lụt ngoài Trung, quanh năm đi dạy không chút vui vẻ gì, thành phố cùng nổi chán nản bức dọc. Ngọc nói, ngoài này yên rằng anh không về chơi ít bữa.

Trên tầng cây ngoài dãy tường đá đèn đã bật sáng, có tiếng chim kêu dài. Cô Ngự bảo tôi ở lại ăn cơm rồi vắt một tập báo bắt tôi ngồi đọc. Nổi hắt hiu đổ xuống từng viên gạch im vắng, mưa xào xạc se lạnh. Cô Ngự chỉ bày gà kéo đi ngủ nói sẽ bán hết cát tiền trong con heo đất làm giàu.

Cô cười : Khi về. nhắc cô cho mượn cái ô, che đi nghe tiếng mưa lộp độp khỏi nhớ nhà.

Cô Ngự có nhiều nét của dáng dấp Ngọc khi cười nói và cặp mắt, như một nỗi nhớ sâu hun hút. Trong bữa cơm, cô nói có thấy một ông thầy giáo ngồi trên mộ đá vẽ vờn xuýt ầu ầu với bon thanh niên bận áo đỏ dắt chó đi thành hàng ngoài phố, còn tụi nhỏ choai choai thì tụ tập hát nhạc tiền chiến rồi kéo nhau từng tốp cưỡi Honda rượt đuổi ồn ào. Tiếng cô kéo dài đều đặn buồn ngủ, tôi mừng tượng ra một bãi biển có nhiều hình bóng Mỹ đồ dài ngao ngán lẫn với đám nữ sinh cưỡi Solex chạy rào rạt dưới bóng cây. Cô Ngự xây qua tôi thay giọng, ôn tồn :

– Chẳng hạn, một ngày nào đó ông cụ bỏ về, Tầm nghĩ thế nào.

– Nghĩ gì, ông muốn đi đâu thì cứ để ông đi, xong chuyện.

Cô Ngự lại tiếp tục kể, ngày Chúa nhật không làm gì, đọc sách, khâu vá thấy cũng phiền. Mình đâu phải những bà mệnh phụ để đi làm công tác xã hội. Người anh họ đội mưa về đột ngột thấy gói thuốc trên bàn rồi ôm đàn ra hiên ngồi hát. Cô Ngự nói người anh họ lâu nay thay đổi tính tình, đôi lúc quá trịnh trọng, chẳng chặc như một ông bộ trưởng. Tôi nhìn từng màu áo cô Ngự treo rải rác trên tường mà ngao ngán. Ngoài hiên người anh họ thỉnh thoảng ôm đàn ho sù sụ hỏi vọng vào những câu mà tôi thấy thật xa lạ với mình. Con chó nằm nơi bậc cửa sữa đồng buồn bã, có lúc ngân vang át cả tiếng đàn của người anh họ.

Tôi mượn chiếc ô, ra đường tránh nhiều vũng nước xao động dưới ánh đèn mù tối, trên cao từng con chim bay dọc theo đường dây điện, mưa rỏ xuống ô lênh kênh.

*

Tôi gật đầu nhiều lần đề chào lại đám học trò đương kéo nhau từng tốp nhận nhịp trở về, thầy Ngờ đi sau cùng với pho sách phình ra trong chiếc cặp da bạc thếp. Buổi chiều còn nắng nhưng trời đã se lạnh. My khoác ngoài chiếc áo len đỏ thùng thình, tóc để xõa cười cợt bên hăm cát một mình :

– Chào thầy ạ !

– Thầy với bà, răng mà lâu rứa ?
Lên khi mô ?

– Mới, tết nhứt chi buồn thấy mờ.
Nhớ thầy, lên thăm đây.

Bên kia đường, thầy Ngờ đương
vẫy vẫy đón chiếc xe Lam, tôi đẩy
cánh cửa quay ra phía My :

– Vào đây, học trò.

Căn phòng bỗng trở nên yên vui
khi có tiếng My cười khúc khích chỗ
chậu cúc nở lò xo vàng rực, đàn
ngỗng từ dưới ao kéo lệch xệch về
chuồng bóng đổ dài, ngấn ngơ. My
cầm lá thư Ngọc đọc chậm rãi rồi
nhặt một quyển sách nằm gần đó lên
lật lật.

– Răng không ra ngoài ấy chơi ít
bữa, sợ chi ?

Tôi im lặng đu đưa chân dưới bụi
cửa, My tiếp :

– Răng anh không là con đế chui rúc dưới cỏ để em không còn thấy, có hơn không ?

Tôi vớt mẫu thuốc đựng phải con chó nằm nơi bụi hè kêu ăng ăng rồi chạy lang thang ra phía đám cà bát tro hoa tím thắm dưới ánh đèn, bảo My :

– Bậy bạ, học trò.

– Ai bậy ? Em ? Còn lâu !

Tối lại, hai đứa ngủ cách nhau một chiếc gối ôm. My thở nhẹ và đều, tôi mở mắt thao láo nhìn những con thằn lằn mốc xám nằm chực mỗi trên trần mùng vàng bệch, lúc gần sáng tôi mơ hồ nghe My gọi từng chuỗi tên dài có cả tôi lẫn Ngọc, tiếng My lơ dờ dờ lúc bay cao chọc thủng trần mùng làm rớt đám thạch sùng vung vãi.

Khi tỉnh ngủ, tôi không nom thấy My trong căn phòng, trên mặt bàn lá thư của Ngọc nằm xéo ra một góc cùng pho sách thầy Ngờ dính nhiều lớp bụi và một vệt nắng hắt hiu hắt lên. Tôi ước chừng My thức dậy từ lúc tờ mờ, ra nhổ đám cà bát vớt lung tung trên hầm cát rồi bỏ đi, tôi tìm cái hộp quẹt đốt đồng giấy nằm lộn xộn ở góc phòng, huơ tay cử động theo một điệu nhạc hùng mạnh buổi sáng. Giờ này có lẽ My đã ra khỏi thành phố với bộ mặt lầm lì cái kính trông được nhất định rất dễ thương.

Ngoài giậu, trời nắng hồng hào, đàn ngỗng giăng hàng ngang trắng toát trên một khoảng mát.

*

Buổi chiều, lúc ngồi trên xe Lam xuống phố, tôi chợt có ý định về Trung và nôn nóng với ý định đó. Lần đầu tiên tôi thấy mình nôn nóng một cách thật kỳ lạ. Tôi xuống xe ở mé công viên, phía trong có nhiều thanh niên bận đồ sặc sỡ mắt đeo kính to đương cắp tay sau đít dạo chơi, bỗng phía sau có tiếng gọi tên tôi gấp gáp, anh Tầm, anh Tầm. Tôi quay lại và nhận ra người con gái bạn jupe ser-rée cùng với hai ba cô gái khác áo quần cũn cỡn đương đi tới, người con gái cuống quýt hỏi thăm thầy Ngờ rồi vào nhập bọn với đám thanh niên trong công viên.

Tôi co chân đá mạnh lon sữa bò nằm chỗ đám con gái vừa đứng rồi băng nhanh qua lộ. Trên bờ tường vôi đối diện với công viên có mấy câu

khẩu hiệu viết bằng chữ đỏ tựa tựa
màu áo len của Mỹ vận thùng thình
cười cợt bên hầm cát.

PHẠM THANH CHƯƠNG

Nguyễn Đình Toàn

Tro than

truyện dài

(tiếp theo – xem từ Văn số 160)

Tôi ngủ thiếp đi sau đó, lúc thức dậy trời vẫn còn mờ tối, gió lạnh và chuyến xe lửa đang sắp băng qua ngoài trước cửa. Chính tiếng động đoàn tàu gây ra làm tôi thức giấc.

Tôi chạy lại phía cửa sổ, mở ra, vừa kịp nhìn thấy đoàn tàu chạy tới.

Tim tôi đập thành thịch trong ngực. Bao nhiêu kỷ niệm, ngày tháng của tôi dường đang bị những hàng bánh sắt nghiền nát thêm một lần nữa trên đường rày. Quá khứ quả là một điều khó xoá bỏ. Nó giống như người chết có mặt ở khắp mọi nơi dù không ai thấy. Đoàn tàu chạy khuất hẳn về phía xa, nhưng mặt đất vẫn còn rung.

Trời vẫn chưa sáng hẳn, mặc dầu tiếng chuông nhà thờ đầu khu phố đã gieo.

Những chiếc xe bò chở hàng cũng đang lạch cạch lăn qua con lộ ngoài đầu ngõ. Âm thanh, cảm giác, nghe thấy, sống lại, làm như đời sống không hề có sự thay đổi nào, chỉ tự nó tàn đi, khô héo, quắt queo lại, như một đóa hoa nở và tàn ngay trên đài của mình. Tiếng cóc cách của những bánh xe bò niềng thép cán trên mặt

nhựa, tôi đã bao lần nghe thấy trong những đêm về sáng, những đêm mất ngủ hay cố thức để học bài, nhiều khi làm tôi sợ hãi đến muốn cầm lấy nắm tóc dứt ra khỏi đầu.

Bao nhiêu năm, bao nhiêu buồn vui thay đổi nhưng cái tiếng xọc xạch ấy gần như vẫn vậy. Nó vẫn quay tròn cái vòng nhẩn nại, mòn mỏi, xói vào óc cái tiếng sắt đá va chạm với nhau, tôi còn nhớ cái tiếng động đều đặn gây ra bởi chiếc xe bò đó, đã ảnh hưởng dữ dội tới tôi đến độ, đã có lần tôi mở cửa lén chạy ra tận đầu ngõ để xem mặt người đánh xe, tôi chạy ra vừa lúc chuyển xe lửa âm âm chạy tới, chiếc xe bò ngừng lại bên kia đường rày để chờ cho đoàn tàu chạy hết mới băng qua. Và trong khi chờ đợi đó, người đàn ông đánh xe, bật một que diêm, khum tay che

gió, hút một điếu thuốc lòn bằng một chiếc điếu cày. Tôi nhìn thấy khuôn mặt ông ta thấp thoáng qua khe hở của các cửa toa tàu và sau cùng một dãy những toa tàu không có nóc bỏ không. Một khuôn mặt đen bóng như nặn bằng đất, được chiếu sáng bằng que diêm và bằng cái ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn bão ám khói treo bên thành xe. Đó là lần thứ nhất tôi biết đó là chiếc xe chở mía. Tôi không rõ đêm ấy tôi thức khuya hay dậy sớm quá, tại chuyển xe lửa làm rung rinh đầu óc, tại que diêm và ngọn đèn đỏ không đủ soi rõ khuôn mặt ông ta, hay tại cái mặt người tôi nhìn thấy đó không hòa hợp với sự tưởng tượng của tôi, hoặc tôi không hề tưởng tượng mặt mũi cái người đánh xe đó ra sao, nên khi nhìn thấy thật, trong trí tưởng của tôi không dành sẵn một chỗ nào cho ông ta, cả

đầu óc lẫn chân tay tôi đều run lấy bầy. Cái khuôn mặt tôi nhìn thấy đó, tôi thấy nó giống hệt như bằng đất nung. Tôi bị cái tiếng lạch cạch đó ám ảnh đến nỗi, khi tôi bỏ nhà lên Đà Lạt học, không định trước, tôi đã ra đường đúng vào lúc chiếc xe lăn tới, bằng vô thức, tôi đã chờ để gặp lại chiếc xe. Có lẽ tôi còn muốn nhìn tận mắt cái tiếng khua động những đêm mất ngủ, lo âu của mình một lần. Một cách để giã từ chúng. Cũng hôm đó tôi lại trông thấy chiếc xe chở mía [có lẽ nó chỉ dùng để chở mía]. Bây giờ nghe lại tiếng những bánh xe bọc sắt cán nghiêng trên mặt nhựa, tôi tự nghĩ, không biết có phải vẫn cái người đàn ông đen đui cũ cầm cương mấy con bò xưa đang đi vào thành phố hay một người nào khác?

Tôi nhìn sâu theo con đường sắt,

nhìn tới cuối tầm mắt có thể nhìn được, khi đứng nép mình vào một bên cửa sổ, sương giăng trắng cả một quãng trống, trên những thanh tà-vệch lổn nhổn có những viên đá. Một con chó lắc lư cái đầu vừa đi vừa ngửi, hít. Quãng đường sắt có chỗ khuất hẳn vào bóng tối nhưng lại hiện ra ở phía xa nơi có ánh đèn chiếu xuống.

Tôi thấy mỗi mắt, trở lại giường nằm. Lúc này tôi lại thấy bồn chồn trong dạ. Ngày mai, mọi chuyện sẽ ra sao đây?

Nằm một lát, tôi trở dậy gây bếp đun nước. Tôi bắt đầu thấy lóng ngóng với công việc này, không biết hộp quẹt để chỗ nào, cái ấm ở đâu, có phải pha trà riêng cho ba tôi không, hay chỉ cần pha vào ấm lớn ở dưới nhà rồi sau mang lên? Còn hộp trà nữa, không biết dì tôi cất nơi nào?

Tôi phải mở trạn lục lợi, tìm kiếm, mở hết hộp nọ tới hộp kia. Tôi cũng không biết hai đứa nhỏ học buổi sáng hay buổi chiều để đánh thức chúng dậy. Và lát nữa dì tôi xuống, tôi phải nói với bà cái gì đây?

Nhưng cuối cùng rồi cũng đâu vào đấy. Hai đứa nhỏ thức dậy, đánh răng, rửa mặt, thay quần áo, sửa soạn đi học.

Tôi hỏi:

– Các em ăn sáng thế nào?

Thằng Cảnh đáp:

– Má cho tiền tới trường ăn.

Tôi lấy tiền trong ví đưa cho mỗi đứa thêm một trăm và bảo:

– Chị cho hai đứa để ăn quà thêm.

Chúng ngập ngừng khi nhận tiền của tôi. Thằng Thứ hỏi:

– Chị ở lại nhà không?

Tôi cười bảo:

– Chị về thì chị phải ở nhà chứ.

Tôi nói nhưng không tin lắm ở câu nói của mình. Thằng nhỏ ngó tôi, hai mắt ánh lên sự lo lắng. Có lẽ nó cũng biết phần nào sự khó khăn giữa má chúng và tôi lát nữa đây.

Hai đứa dắt nhau ra cửa.

Tôi quét dọn nhà, lau chùi sơ qua bàn ghế và đợi mãi không thấy dì tôi xuống. Tôi muốn xách giỏ đi chợ nhưng không biết mua gì, tôi cũng chẳng còn bao nhiêu tiền. Sau tôi nghĩ, có lẽ dì không muốn gặp tôi, nên tôi thay quần áo đi chợ. Tôi lảng

lặng làm những công việc này vì chẳng còn biết nói với ai.

Lúc tôi ở chợ về, dì tôi đã đi khỏi nhà. Ba tôi gọi tôi lên lầu hỏi:

– Con đi đâu vậy?

Tôi nói:

– Con đi chợ.

Tôi im lặng chờ ông nói tiếp những gì tôi sẽ phải làm. Chắc hẳn đêm qua dì đã nói với ông ý bà thế nào. Và bây giờ là lúc ông nói lại với tôi.

Nhưng câu hỏi đầu tiên của ba tôi lại không liên quan gì tới chuyện đó cả. Ông hỏi:

– Bao giờ con sẽ được bổ nhiệm?

Tôi nói:

– Có lẽ không lâu đâu ạ.

– Tại sao mà mày muốn khá lại đi chọn cái nghề dạy học?

Câu hỏi của ông đập thẳng vào đầu tôi như một nhát búa. Quả thực nếu tôi muốn khá mà chọn cái nghề này thì cũng khó mà khá được thật. Câu hỏi vừa khôil hài vừa thẳm. Tôi nghẹn cứng họng không biết nói gì.

Ba tôi sửa lại ngọn đèn của ông rồi bảo:

– Chắc gì con được dậy ở Sài Gòn.

Tôi nói:

– Vâng. Nhưng có thể con cũng không phải đi xa lắm. Bình Dương, Định Tường hay Biên Hòa gì đó thôi, con có thể đi đi về về được.

– Lương giáo sư bây giờ thì được bao nhiêu.

– Nếu kiếm được ít quá con sẽ xin đi dạy tư thêm.

– Thế có phải vất vả quá không?

– Thật tình lúc đi học con cứ thấy cố học được là may rồi. Học cái gì con cũng học.

– Không phải ba chê việc làm của con. Nhưng phải làm thế nào để sống chứ. Một tháng mấy chục ngàn đồng, đáng nhẽ mày chẳng cần phải khổ sở thế.

Tôi không hiểu rõ lắm ba tôi định nói gì, nhưng tự nhiên tôi cũng cảm thấy tủi thân. Tôi không tin ba tôi thiện cận đến độ chỉ nghĩ đến việc làm thế nào tôi có thể kiếm được nhiều tiền, nhưng giá bây giờ tôi có

mang cả số lương đưa cho ông không biết ông có đủ hút một tháng? Vậy thì mọi sự cố gắng của tôi chỉ đạt tới một kết quả hết sức giới hạn. Cái mục đích đầu tiên của tôi, cố học cho xong, đi làm, lấy tiền giúp đỡ ông, kể như hư hết một nửa.

Ba tôi nói tiếp:

– Hôm qua ba đã nghe hết những gì con và bà ấy nói với nhau.

Tôi nói:

– Con không biết dì có muốn cho con ở lại nhà không.

– Bà ấy không nghĩ thế đâu.

– Hình như dì nghĩ rằng con đã phạm tội gì đó với gia đình.

– Cũng không phải như thế.

– Vậy thì chẳng còn lý do nào khiến dì đối với con như vậy.

– Con oán bà ấy sao?

– Nếu dì đối với con thế con làm sao ở lại nhà được.

– Con nghĩ bà ấy muốn đuổi con à?

– Con cũng muốn ba cho con biết sự thật thế nào.

Ba tôi chậm rãi nướng và tiêm điều thuốc vào tẩu. Đó là điều thứ mấy trong buổi sáng hả ba? Tôi không biết một ngày bây giờ ông phải cần đến bao nhiêu thuốc. Nhưng cứ tưởng tượng, nếu ông không làm được gì cả, một người khác nai lưng kiếm tiền chỉ để ông thu vén mang đốt trong cái lò nhỏ bé kia, đốt không biết bao nhiêu cho vừa, tới lúc nào

mới đủ, mới thôi, đủ điền người lên.

Ông nói:

– Con thử nghĩ, có nghề ngỗng như mày, giỏi lắm cũng chỉ đủ nuôi thân. Một người như bà ấy, làm cách nào gánh vác cả một cái gia đình nặng nề thế này?

Tôi nghĩ, có lẽ tôi nên hỏi thẳng ba tôi về việc này, tôi sẽ có cái chìa khóa để mở mọi ngõ ngách lẫn quần trong nhà.

Và tôi hỏi ông:

– Dì đã xoay sở ra sao ạ?

Ba tôi không trả lời câu hỏi của tôi. Ông hút điếu thuốc vừa tiêm, thở khói và trông bề ngoài có vẻ như ông không để ý, không hiểu rõ câu hỏi của tôi. Cũng có thể ông đã có

sẵn câu trả lời mà ông không muốn nói ra.

Lát sau ông bảo:

- Việc nhà rồi con sẽ biết.
- Con cũng mong vậy.
- Lỗi tại ba cả.
- Con không dám nghĩ thế.

Càng nói chuyện với ông tôi càng cảm thấy u uất. Những gì nhìn thấy quanh ông hình như toàn những cái không sửa chữa được nữa, tuổi già, cái chết. Điều khốn khổ không phải vì ông không còn làm được gì nữa [như ông thường nói] mà vì ông cứ phải tiếp tục làm cái việc ông không thể ngừng được là hút.

Tôi nói:

– Nếu ba không nói, không biết rõ chuyện nhà, con khó cư xử vừa ý dì.

Ba tôi tiếp tục yên lặng. Trông ông bạc nhược, tàn tạ một cách thảm hại. Sao ba lại chọn cái trò chơi ác nghiệt vậy ba?

Tôi đứng dậy, đi xuống nhà. Tôi nói:

– Con xuống làm cơm.

Ba tôi ngừng hút. Ông nằm ngửa mặt lên trần nhà, nhắm mắt, không động đậy, chẳng buồn mở miệng nói nữa. Hai môi ông thâm tái và có lẽ, vì ngậm dọc tẩu lâu quá, đã vều lên một chút, để hở mấy cái răng vàng sỉn.

Tôi lần bước xuống mấy bậc thang gỗ với cái hình ảnh lặng lẽ khô

héo của ông và tự nghĩ, tôi có thật còn đáng sống chẳng? Tôi làm những công việc lật vặt nhặt rau, vo gạo, xào nấu thức ăn trong trạng thái tinh thần bải hoải, nửa thức, nửa ngủ.

(còn tiếp)

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

Giải đáp thắc mắc

*** Ông Nguyễn Vạn Lý, Tuy Hòa, hỏi :**

1) Xin cho biết địa chỉ liên lạc bằng thư từ (để tìm hiểu một vài vấn đề địa lý) của Tòa Đại sứ Cộng hòa Liên bang Đức tại VNCH ?

2) Xin cho biết bài thơ sau đây có đúng nguyên bản và có phải là của HCM không ? Có giai thoại (hay truyền thuyết) rằng HCM đã làm bài thơ nói trên lúc qua miếu Trần Hưng Đạo. Xin nói rõ hơn nguyên nhân, khung cảnh không gian và thời gian ?

3) Xin cho biết nguyên nhân, hoàn cảnh, tác giả và vế thứ hai của câu đối : « Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như ; danh tương như thực bất tương như ». Xin nói rõ về Lạn Tương Như và Tư Mã cùng tác giả của hai câu đối và đáp ?

(thư ngày 10 tháng 9 năm 1970)

– **Trả lời :**

1) Địa chỉ của Tòa Đại sứ Tây Đức tại VNCH :

Ambassade de la République
Fédérale d'Allemagne,

No 217 rue Võ Tánh, Sài Gòn – 2.

Nếu muốn hỏi về văn hóa Đức, có lẽ ông nên biên thư hỏi Trung tâm Văn hóa Đức thì hơn :

Trung tâm Văn hóa Đức, số 120 đường Phan Đình Phùng, Sài Gòn.

2) Bài thơ ông chép, so với bản chúng tôi có, thì thấy câu thứ 5 có sự khác biệt như sau: « Bác đưa một nước qua nô lệ ». Chữ thứ tư của câu thứ 7 là « linh thiêng » thay vì linh thiên.

Cứ theo lời đồn đại (có thể vì mục đích tuyên truyền) thì bài thơ đó do HCM làm khi thăm Đền Kiếp Bạc vào khoảng 1945-46.

3) Chúng tôi xin mượn một tài liệu của tác giả Cố Nhi Tân để ông được tường :

MỘT THÍ SINH BƯỚNG BÌNH

Vào khoảng cuối đời Lê, có Nguyễn Hòe, một học sinh rất sắc sảo (không rõ lai lịch ra sao) đi thi hương. Quan

chủ khảo năm ấy cũng tên là Hòe, vì thế khi xướng quyển, người ta kiêng tên quan phải đọc chệch là Nguyễn Huê. Nguyễn Hòe biết thừa, nhưng cố tình không chịu vào. Người xướng quyển xướng đi xướng lại mấy lần, mọi người đã vào hết, riêng Hòe vẫn còn đeo ống quyển đứng yên. Cuối cùng, người xướng quyển chỗ loa vào Hòe mà hỏi họ tên. Hòe liền gào to : « Tôi là thằng Hòe ».

Người xướng vặn :

– Sao gọi mãi không vào ?

Hòe đáp cứng cỏi :

– Chỉ thấy gọi thằng Huê chứ có thấy gọi thằng Hòe đâu ?

Sau cùng người xướng phải xướng to đúng tên Hòe, bấy giờ Hòe mới chịu vào...

Thấy thí sinh bé oắt mà ương ngạnh, quan chủ khảo sai giữ Hòe lại để hỏi vặn nghĩa lý văn chương. Hỏi đến đâu nhất nhất Hòe đều đối đáp trôi chảy đến đây, quan liền ra một cân đối :

“Lạn Tương Như, Tư mã Tương Như, danh tương như, thực bất tương như”.

Nghĩa là : Lạn Tương Như, Tư mã Tương Như, tên như nhau, thực chất chẳng như nhau ².

Có ý lên giọng kẻ cả rằng hai đảng cùng tên Hòe, nhưng một đảng quan một đảng học trò, so bì với nhau sao được.

Hòe liền đối lại :

2 Lạn Tương Như: nhân vật nổi tiếng đời Chiến-quốc, về khí tiết. / Tư Mã Tương Như: nhân vật nổi tiếng đời Hán, về văn chương.

“Ngụy Vô Ky, Trương tôn Vô Ky, bỏ vô ky, ngã diệt vô ky³.”

Nghĩa là : Ngụy Vô Ky. Trương tôn Vô Ky, mày không sợ thì tao cũng không sợ.

Quan chủ khảo thấy đối xược, cảm lắm nhưng cũng phải phục tài, vì chữ Trương Như trong câu vừa là tên người, mà lại vừa có nghĩa là « như nhau », được Hòe đối rất chọi với chữ Vô Ky; cũng vừa là tên người, lại vừa có nghĩa là « không sợ ».

Sau đó quan ra một câu khác có ý khuyên răn :

« Xỉ tính cương, thiệt tính nhu, cương tính bất như nhu tính cửu ».

Nghĩa là : Răng tính rắn, lưỡi

3 Ngụy Vô Ky : người thời Chiến quốc. / Trương tôn Vô Ky: người thời Đường. / Ky : còn có nghĩa là kiên dè.

tính mềm, tính rắn sao bằng tính mềm bền lâu.

Những Hòe nào chịu, đối lại ngay rằng :

« Mi sinh tiền, tu sinh hậu, tiền sinh bất nhược hậu sinh trường ».

Nghĩa là : Long mày sinh trước, râu sinh sau, sinh trước chẳng bằng sinh sau dài.

Ngự ý bảo quan chủ khảo tuy đề trước, nhưng đại, thì sao bằng đề sau mà khôn.

Đến đây, quan chủ khảo biết Hòe là tay thông minh mà bướng bỉnh, không còn dám vặn vẹo gì nữa.

(Theo « Vàn đàn Bảo giám » Trần Trung Viên)

tin văn văn

Bầu bán tại hội Văn Bút

Trung tâm Văn Bút Việt Nam đã bầu xong Ban Chấp hành nhiệm kỳ 1970-72. Ban Thường vụ gồm có :

Chủ tịch : Thanh Lăng, nhà phê bình.

Phó Chủ tịch : Nguyễn Sa, nhà thơ.

Phó Chủ tịch : Đào Đăng Vỹ, nhà soạn từ điển.

Tổng Thư ký : Phạm Việt Tuyền, nhà báo.

Thư ký : Nguyễn Thị Hoàng, nhà tiểu thuyết.

Thư ký : Trần Trọng San, nhà dịch và khảo thơ Đường.

Thủ quỹ : Huỳnh Thiên Kim, nhà thơ.

Buổi họp nghe đồn khá sôi nổi, và mặc dù có sự phản đối công nhiên, kịch liệt của nhiều hội viên sáng lập, có uy tín, Ông Phạm Việt Tuyền vẫn không chịu rút lui. Kết quả, ông được tái đắc cử chức vụ Tổng Thư ký với số thăm hơn ông Trần Trọng San 6 phiếu.

Trong một bữa ăn nhậu mới đây, một hội viên kỳ cựu của Văn-Bút bảo Thư Trung tôi rằng sở dĩ ông đi họp vì nhận được thư mời riêng tha thiết của “văn hữu chủ tịch”, nhưng đến họp nói chẳng ai nghe, phần khác

(theo lời ông) số phiếu ông Tuyền hơn ông San là do những hội viên do ông Tuyền mới kết nạp dồn cho ông (vẫn theo lời ông bạn già : qua một sự vận động lộ liễu). Chao ôi ! Cứ tưởng vận động tuyển cử vào nghị trường thì mới tốn hao bạc tiền và công khó, chứ vào Ban Thường vụ Văn Bút thì ăn cái giải gì ! Ông Phạm Việt Tuyền không chịu rút lui, lại cứ thích làm Tổng Thư ký mặc dù biết rõ có nhiều hội viên không ưa, anh em ủng hộ ông ngại gì mà chẳng bầu cho ông giữ chức đó... trọn đời, cho tiện !

Giải thưởng của TTVBVN

TTVBVN đã quyết định “treo giải thưởng” (theo nguyên văn bản thông cáo nhờ phổ biến) về hai bộ môn Thi ca và Nghiên cứu Lịch sử.

Một giải duy nhất về Thi ca :
60.000đ00. Một giải duy nhất về
Nghiên cứu Lịch sử : 60.000đ00.

Thời hạn dự thi sẽ chấm dứt ngày
15 tháng 11 tới đây. Thể lệ dự thi xin
hỏi ông Nguyễn Đức Hình, 36/59
đường Cô Bắc, Sài Gòn.

Erich Marla Remarque không còn nữa...

Nhà văn Erich Maria Remarque
đã qua đời vì bệnh đau tim tại bệnh
viện Locarno, ngày thứ sáu 25 tháng
9 vừa qua. Ông đã được an táng ngày
27/9 tại Ronco, Thụy Sĩ. Hưởng thọ
72 tuổi. Đám tang của ông đã được tổ
chức rất đơn giản, với sự hiện diện
của một số ít bạn bè và bà vợ ông,
nguyên nữ tài tử màn bạc Paulette
Goddard.

Erich Maria Remarque sanh tại Osnabrueck, Đức-quốc, năm 1898, nhưng lúc chết lại mang quốc tịch Hoa Kỳ. Ông từng tham dự trận Thế chiến I và sau đó đã làm nhiều nghề như giáo sư, tay đua xe hơi, biên tập viên thể thao, phê bình gia kịch nghệ...

Hai tác phẩm quan trọng của ông đã được dịch sang Việt ngữ. Cuốn “All quiet on the Western front”, do Phạm Trọng Khôi dịch. Bản Việt ngữ nhan đề “Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh”, do Lá Bối xuất bản. Cuốn “A time to love and a time to die” do Vũ Đình Lưu dịch. Bản Việt ngữ nhan đề “Một thời để yêu và một thời để chết” do An Tiêm xuất bản. Cả hai cuốn đều nổi danh khắp hoàn vũ, được dịch sang nhiều thứ tiếng, được quay thành phim ảnh, đưa tác

giả lên hàng danh vọng lẫy lừng.

Cuốn “Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh” đã làm cho tác giả khốn đốn, phải bỏ quê hương mà lưu vong sang nước người, nhập quốc tịch người. Sự đàn áp của Quốc xã Đức đã khiến ông càng thêm nổi tiếng như một tác giả chống quân phiệt (anti-militarisme), chống chiến tranh...

Giải Nobel về Văn chương 1970

BBC - VOA (9-10) Nhà văn Alexander Solzhenitsyn, 52 tuổi, vừa được Hàn lâm viện Thụy Điển trao tặng giải Nobel về Văn chương năm 1970.

Trong một cuộc điện đàm bí mật với một ký giả Tây phương, A. Solz-

henitsyn đã ngỏ ý vui mừng nhận giải và nhờ chuyển lời cảm ơn Hàn lâm viện Thụy Điển đã dành cho ông danh vọng tột đỉnh này.

Chưa có phản ứng nào của nhà cầm quyền Nga Xô-viết nên không hiểu rồi ra nhà văn được tặng giải liệu có được sang Thụy Điển nhận giải, hay rồi lại có một vụ Pasternak thứ hai được tái diễn. Bạn đọc Văn hản còn nhớ mới năm ngoái đây, A. Solzhenitsyn đã bị trục xuất ra khỏi Hội các Nhà Văn Xô-viết.

Tác phẩm duy nhất của A. Solzhenitsyn được phép xuất bản tại Nga-xô là cuốn “Một ngày trong cuộc đời Ivan Denisovitch” nhằm thời kỳ băng rã trong nền văn chương Nga hiện đại (xin xem lai Văn số 5). Hai cuốn tiểu thuyết khác cùng một số đoản thiên được đưa lên lút ra nước

ngoài và xuất bản tại Âu Mỹ. Đó là cuốn “Khu Ung thư” và “Cửa ngục đầu tiên”. Truyện ngắn “Bàn tay phải” của ông mới được bạn Nhã Điển dịch, đăng trong Văn số 163.

Anh bạn Nguyễn Minh Hoàng dịch xong toàn bộ cuốn «Một ngày trong cuộc đời Ivan Denisovitch », đã từ lâu, nhưng không hiểu vì sao anh chưa cho xuất bản, mà chỉ cho trích đăng từng đoạn ngắn trên Bách Khoa và Văn. Mong nhà dịch giả “lười nhất nước” này sẽ sớm cho bạn đọc thưởng thức toàn bản văn dịch tác phẩm quan trọng của Giải Nobel về Văn chương 1970.

Mới tuần trước đây, nhà văn trẻ Yuli Daniel vừa được ra khỏi khám sau khi mãn hạn 5 năm tù ở về tội “viết văn chống chế độ”. Chẳng hiểu lần này, A. Solzhenitsyn có may mắn

gì hơn Doris Pasternak, khi nền băng tuyết còn đóng cứng mọi sinh hoạt Văn nghệ tại Nga-xô ?

THƯ TRUNG và các bạn



GIỚI THIỆU
SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

* THẦN THOẠI (Việt Nam Trung Hoa), Doãn Quốc Sỹ sưu tập và dịch thuật. Sáng Tạo xuất bản. Sách dày 163 trang, bản đặc biệt không ghi giá bán.

Đây là quyển 3 (b) trong bộ “Tuyển tập văn chương nhi đồng » gồm những thần thoại Việt Nam và Trung Hoa.

DUNG NHAN, Phan Việt Thủy, Kim Việt xuất bản. Sách dày 64 trang, bản đặc biệt không ghi giá bán.

Thi phẩm thứ ba của Phan Việt Thủy gồm khoảng ba mươi bài thơ. Bìa Hồ Hữu Thử ; phụ bản Nguyễn Hữu Nhật và Nguyên Khai.

* NHỮNG NGÀY Ở SÀI GÒN, Nguyễn Quốc Trụ, Đêm Trắng xuất bản. Sách dày 132 trang, giá 140 đồng.

Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Quốc Trụ là một tập gồm mười đoản thiên. Tác giả quen thuộc với ban đọc Văn, qua bút hiệu Sơ Dạ Hương. Bìa Nguyễn Đồng.

* NGUÔN, tạp chí văn nghệ. Số 1, tháng 9/70, dày 66 trang, giá 50 đồng.

Chủ đề : Viết cho tình yêu. Thư từ bài vở : Đynh Trầm Ca, hộp thư lưu trữ Vĩnh Điện, Quảng Nam ; Bưu phiếu : Hoàng Khanh, số 1-4 Nguyễn Du, Đà Nẵng.

* NHỚ THƯƠNG, Toan Ánh. Tác giả xuất bản. Sách dày 224 trang. Ấn bản hạn chế, không bán

Hồi ký của Toan Ánh, “dành biếu bạn bè quyền thuộc để kỷ niệm cái tang đau đớn của mình và để tri ân tất cả thân bằng quyến hữu đã giúp

đỡ, chia buồn, phúng điếu hoặc đưa đám nội nhân mình”. Sách có nhiều ảnh phụ bản.

* Y DƯỢC VIỆT NAM, Số 1 tháng 9 năm 1970. Dày 64 trang khổ lớn, giá 80 đồng.

Nguyệt-san Y Dược đầu tiên tại VN nhằm mục đích phát huy ngành Y, Dược, Nha khoa VN. Báo viết bằng Việt và Pháp ngữ. Tòa soạn 277-I Trần Hưng Đạo Sài Gòn, hộp thư 2286 Sài Gòn, điện thoại 98.826.

* MÙ KHÔI, Thanh Tâm Tuyền. Kẻ Sĩ xuất bản. Sách dày 194 trang giá 220 đồng.

Tác phẩm thứ tám của Thanh Tâm Tuyền là một tiểu thuyết.



* Ngử Chương, An Giang.

Con số ghi trong dấu ngoặc đơn đặt sau tên tác giả, nơi “Bài lại của nhận được” chỉ số lần gửi bài mà BTĐTP đã đọc trong kỳ báo, chứ không phải số bài lại cáo đã nhận. Bạn còn cần cố gắng nhiều hơn. Thân.

* Ngô thị Lệ Dinh. Sài Gòn.

Mua báo cũ, xin mời cô ghé quán trong những ngày và giờ làm việc, hoặc trong buổi sáng chủ nhật. Gửi bưu điện vira tốn cước vừa phiền phức nữa.

* Song Vắn, Ba Xuyên.

Chúng tôi không rõ địa chỉ của Nhà xuất bản Hoa Tiên. Mong bạn cảm phiền.

* Trung sĩ Phạm Tấn Lợi, Kbc. 4109. Thứ tư 29 tháng 8 năm Kỷ Mão.

* Vinh Phương Giang, Châu Đốc.

1) Những vị bạn hỏi chưa cộng tác với Văn nên chúng tôi rất tiếc không rõ địa chỉ để thông báo bạn rõ hoặc chuyển theo thư bạn.

2) Xin xem trong cuốn “Đăng đàn” của thi sĩ Đông Hồ (mới xuất bản)

* Đinh Linh Sa, Kbc 4883.

Yên Uyên Sa là bút hiệu của bạn trẻ đã cộng tác với Văn.

Mong được bạn cho biết vì sao bút hiệu YUS nay lại « kết hợp » với

bút hiệu của bạn. Đa tạ.

* Nguyễn Gia Hội, Phan Thiết.

Tôi bị đau yếu hoài nên rất ngại « nổi gai khi đọc sách », đành cảm ơn thịnh tình của bạn vậy.

NHÂN TIN RIÊNG :

* Một « người em văn nghệ », bái xương rồng.

Thật đáng tiếc. Tuy nhiên, bạn đã trưởng thành và có toàn quyền quyết định về đời sống của riêng mình. Chúc bạn thật nhiều may mắn. Tình thân.

* Kinh Dương Vương (?)

Sẽ đăng « Bài ca của Tuyết Băng » trong tuyển tập Giáng sinh. Tình thân.

* Huyền Trân (?)

BTĐTP đề nghị bạn gửi thêm sáng tác mới khác. Cũng mong cho biết địa chỉ để tiện liên lạc. Thân.

* Hoài Tuyết Trang, Cam Ranh.

Sẽ đăng “Bình thường”, “Say” và “Mộng”. Nay, liệu đã đủ số trang chưa nhỉ ? Tình thân.

* Hoàng Ngọc Châu, Blao.

Sẽ đăng « Hồn thu bạc ». Cứ gửi tiếp. Tình thân.

* Phạm Ngọc Cảnh, Đà Nẵng.

Sẽ đăng « Phận người » nếu qua cầu mà không bay mất nón. Cứ gửi tiếp. Tình thân.

* Phạm Ngọc Lư, Tuy Hòa.

Được lắm. Cần nhiều chất liệu

sống (vivant) hơn nữa đây nhé. Sẽ
đăng « Lên non hái trái ». Cứ gửi
tiếp. Tình thân.

* Quý bạn : Nguyễn Lương Vy,
Nguyễn Văn Ngọc (?)

Xin cho biết địa chỉ để tiện liên
lạc. Thân.

* Các bạn : H-X-Sơn, H-N-Thạch,
P-N-Thức, H-N-Tuấn: thư cho tôi về:
1024 First St, Jackson, Mich 49201,
U.S.A. (K.K.Kha cạy đăng)

NHẮN TIN CHUNG :

Quý bạn : Dương Thanh Tùng,
Nguyễn Lương Vy, Trần Dza Lữ, Tô
Đình Sự, Bùi Nghi Trang, Khê Kinh
Kha, L-T-S.

Mong quý bạn gửi sáng tác mới
cho Văn. Đa tạ.



BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

VĂN

Quý bạn: Tuệ Đàm Tử. Th Đình Thâm. Linh Linh Sa. Trần Quế. Đông Mai. Phan Cung Nghiệp. Vũ Thanh. Lê Phiên Vươn.

THƠ

Quý bạn : Nguyễn Liễu. Cốc

thượng. Từ Chiêu. Ngữ Chương. Tâm Khanh. Cỏ dại mùa xuân. Nguyễn thy Bích Ngọc. Trịnh Xuân Sơn Giang Thanh. Lê Hoàng Phú. Linh Sa. Hiếu Ngọc Tuyên. Giang Hồ (2). P-N-C. Vĩnh Phương Giang. Hoài Giang. Trinh Uyên. Nguyễn Tất Nhiên. Nguyên Diệp Nguyễn Đức Hoàng Thy Linh Nguyễn Gia Hội. Nguyễn Đức Nhân. Vũ Thế Kỉ (2). Trần Thiện Ngã. Hồ Hồng Quân. Vương Phi Du (2). Nguyễn Bá Dật. Miêu Đỗ Hoàng Giáp. Lê Nguyễn Quân Hoàng. Ngô Đồng Vọng. Cao Vinh Huỳnh Thạch Thảo. Nguyễn Cao Minh. Nguyễn thị Ngọc Lộ. Vạn Lý Trường Thành. Trương Trang Thy. Việt Trường. Mặc Uyên. Phạm Trường Chinh. Nguyên Khê. Thùy Duy Yên. VCHC. Triều Lan. Phạm Cao Hoàng. Trần Phiên Ngung.

Ban Tuyển đọc Tác phẩm của VĂN đã đọc những bài lai cáo của quý bạn có tên trên đây và rất tiếc ông thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài mới khác.

HỘP THƯ BẠN ĐỌC

THƯ LÂM ẨN THƯ QUÁN

số 231-233-235 đường Phạm Ngũ
Lão, Sài Gòn - Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN

CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu,
cờ hiệu đoàn, nhãn cờ áo (éti-
quette)

**GIỚI THIỆU SÁCH CỦA CƠ SỞ XUẤT
BẢN PHẠM QUANG KHAI**

TỦ SÁCH NAM CHI:

HỒI KÝ 40 NĂM “NÓI LÁO”

hồi ký của VŨ BẰNG

TRIẾT HỌC KANT

khảo luận của TRẦN THÁI ĐỈNH

MUỐN SỐNG LÂU

biên khảo của BS NGUYỄN HỮU
PHIẾM

*

TỦ SÁCH TIẾN BỘ:

NGHIÊM PHỤC – CÔ HỒNG MINH

LƯƠNG KHẢI SIÊU – HỒ THÍCH

Tiểu truyện danh nhân của

CỐ NHI TÂN

